

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ KA ĐÔ (1960 - 2010)



**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ KA ĐÔ
THÁNG 5 NĂM 2015**

Ảnh

Bản đồ ranh giới hành chính xã Ka Đô

(Bổ sung sau)

LỜI GIỚI THIỆU

Ka Đô là một xã miền núi thuộc huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Ka Đô những năm của thập kỷ 40, 50 thế kỷ XX là vùng đất rừng nguyên sinh nằm xa cách các vùng dân cư khác. Ngoài đồng bào dân tộc thiểu số gốc bản địa còn chủ yếu là bà con đến do giải tỏa để xây dựng thủy điện Đa Nhim, nguồn gốc từ các tỉnh miền Trung bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào. Những người mang dòng máu cách mạng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó làm ăn vượt qua vất vả, gian nan của những ngày đầu sinh cơ lập nghiệp. Ngày nay, Ka Đô đã trở thành làng quê trù phú, vùng đất có nhiều điều kiện phát triển, nhân dân có cuộc sống ấm no, phát triển toàn diện là “Đô thị mới đang hình thành trong lòng nông thôn”.

Nói đến Ka Đô phải nói đến phong trào đấu tranh cách mạng, nhắc đến Ka Đô phải nhắc đến “Sự kiện tết Mậu Thân năm 1968”, nơi quần chúng nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng Lâm Thời, nơi giữ chính quyền cách mạng lâu nhất của tỉnh Tuyên Đức. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Ka Đô đã góp sức người, sức của cùng với nhân dân cả nước thực hiện cuộc cách mạng giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28 tháng 8 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 03 tháng 6 năm 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng” và Kế hoạch số 82-KH/HU, ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đơn Dương về tổ chức triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, biên soạn truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Đơn Dương, giai đoạn 1945 - 2010.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ka Đô tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách *“Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Ka Đô” (1960 - 2010)* với nội dung làm sáng tỏ quá trình lập làng, lập ấp, sinh cơ lập nghiệp của nhân dân ở vùng đất mới từ hẻo lánh, hoang vu đến trù phú như ngày hôm nay; quá trình đấu tranh chống ách kềm kẹp của thực dân, đế quốc, góp phần làm cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thành công, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, đến sự ra đời của Chi bộ Đảng, quá trình trưởng thành phát triển và quá trình hoạt động của Chi bộ, Đảng bộ qua các thời kỳ, các giai đoạn lịch sử. Trải qua gần 35 năm kể từ khi thành lập Chi bộ, Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân trong xã tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của quê hương, dân tộc, lãnh đạo nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giành được nhiều thành tựu quan trọng.

Thông qua những trang sử vẻ vang đó, để giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã, nhất là thế hệ trẻ học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên trong xã lòng biết ơn và tự hào về truyền thống cách mạng

của quê hương xã nhà, tiếp tục kế thừa và phát huy tinh thần cách mạng của các thế hệ cha anh, đoàn kết một lòng, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách để thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Trong quá trình tổ chức thực hiện việc sưu tầm, khai thác tư liệu, nghiên cứu và biên soạn được sự giúp đỡ của Bộ phận Lưu trữ Cơ quan Huyện ủy, của các cán bộ, đảng viên đã từng tham gia hoạt động cách mạng, công tác qua các thời kỳ và hiện nay trong địa bàn xã. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ka Đô hoàn thành cuốn *“Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Ka Đô”* xin được giới thiệu đến toàn thể đảng viên, nhân dân trong và ngoài xã.

Mặc dù Ban Biên soạn đã có nhiều cố gắng, với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, một phần tư liệu bị thất lạc, hư hỏng, nhân chứng lịch sử không còn nhiều. Vì vậy nội dung cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót nhất định. Ban Biên soạn kính mong nhận được sự tham gia góp ý của các đồng chí và bà con nhân dân trong và ngoài xã để cuốn sách hoàn thiện hơn khi có điều kiện tái bản.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ka Đô xin chân thành cảm ơn Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Chỉ đạo, Ban Biên tập, các ban ngành, đoàn thể của huyện, các đồng chí cách mạng lão thành, cán bộ hưu trí, những nhân chứng lịch sử và các đồng chí lãnh đạo của xã qua các thời kỳ đã giúp đỡ để chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

**T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ KA ĐÔ
BÍ THƯ**

Huỳnh Văn Trung

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG CỦA XÃ KA ĐÔ

1. Điều kiện tự nhiên:

Xã Ka Đô cách trung tâm thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương khoảng 3 km, nằm ở phía Nam sông Đa Nhim. Phía Đông giáp với thôn Tân Hiến, Diom A, xã Lạc Xuân và giáp ranh huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; phía Tây giáp thị trấn Thanh Mỹ; phía Nam giáp với xã Pró, Quảng Lập; phía Bắc giáp xã Lạc Lâm.

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 8.820,26 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 1.941 ha, đất lâm nghiệp là 6.526,12 ha, còn lại là đất ao hồ, sông suối và đất chuyên dùng.

Địa hình của xã từ Bắc xuống Nam, Đông sang Tây có đặc điểm sau:

Một là phía Bắc của xã, là dạng địa hình gò, đồi thấp, có độ cao trung bình 1.000m. Dạng địa hình này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành khu dân cư; sản xuất nông nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau thương phẩm, cây ăn quả có giá trị kinh tế. Những năm 60 thế kỷ XX, Ka Đô là vùng đất rừng nguyên sinh, người dân vốn khai phá những vùng cận nước đầy lau sậy, gai góc um tùm... người ta gọi đó là sinh. Khai phá sinh xong, người dân vét rãnh, đào mương để rút nước phèn chua, cấy lúa nước, trồng rau. Những nơi đó đã hình thành các địa danh¹. Thời kỳ đầu, do nhu cầu lương thực, thực phẩm người dân cấy lúa nước; bắp và các cây thực phẩm khác dần dần chuyển sang trồng các loại họ đậu, thuốc lá, su su, mía đường, dâu tằm, cây ăn quả, cà phê trên đất gò, triền hay dưới chân ruộng một vụ; gần đây người dân chuyển sang trồng cây rau thương phẩm, rau, hoa công nghệ cao.

¹ Như sinh Bà Bồn, sinh Tám Chề, sinh Bộ Đạt, sinh Lai Chạn, sinh Ngang, sinh số Bảy, sinh Tám Nhỏ, sinh Thổ Mộ, sinh chợ, sinh Ka Đô cũ, sinh Kazam, Da Ding...

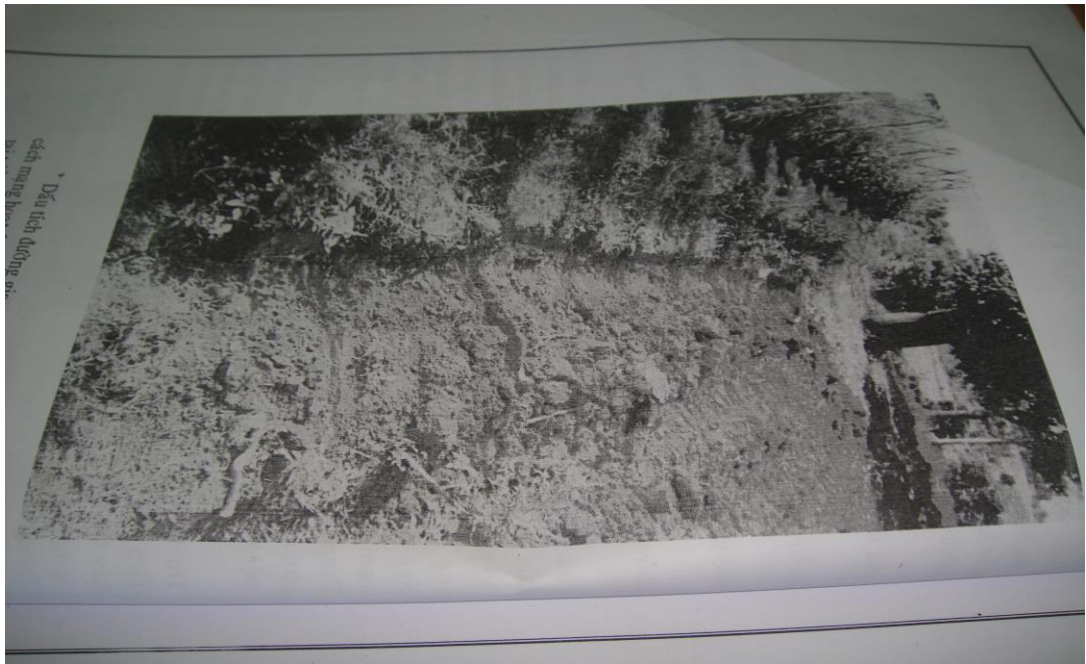


Sinh Tây nhiều cây cối, lau sậy là nơi nuôi giấu đội công tác ban ngày để đêm vào áp hoạt động

Ka Đô có dòng sông Đa Nhim làm ranh giới giữa Ka Đô với các xã từ Đông Bắc đến Tây Nam, đi song song với quốc lộ 21 (nay là quốc lộ 27) từ thị trấn D'ran chạy qua các xã Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, Quảng Lập và thị trấn Thanh Mỹ.

Hai là phía Nam của xã, là vùng rừng núi giáp với huyện Ninh Sơn - tỉnh Ninh Thuận, có suối Tre có khả năng xây dựng đập thủy lợi cung cấp nước sạch cho hai xã Ka Đô, Quảng Lập và phục vụ tưới tiêu nhiều diện tích 2 vụ của xã và các xã lân cận, thác suối đẹp có thể khai thác làm nơi tham quan, dã ngoại, vui chơi rất hấp dẫn. Ở vùng Thanh Minh - Nghĩa Hiệp còn dấu tích giao thông hào của lực lượng cơ sở cách mạng đánh Pháp, Nhật thời kỳ tháng 8 năm 1945 đến 1954. Trước năm 1960 từ Diom A (Lạc Xuân) qua tới Ka Đô cũ vào đến Sở Trà (nay là nghĩa địa xã Ka Đô). Sở Trà cùng với Sở canh-ki-na ở Châu Sơn, Sở Trà Cầu Đất - Đà Lạt do tư bản người Pháp khai thác, chiêu mộ công nhân các nơi đến. Nơi Sở Trà có một ngôi nhà sàn, có nhiều người lúc bấy giờ thường gọi là “nhà cao cảng”, dùng cho công nhân Sở Trà ở và làm việc.

Hệ thống đường giao thông toàn xã dài trên 90Km, bao gồm các trục đường tỉnh, đường liên xã và đường thôn, liên thôn. Đường tỉnh bao gồm đường ĐH412 và ĐH413 đều có đoạn chạy qua xã, chất lượng lưu thông trên đường tốt, các công trình trên đường như cầu, cống...được xây dựng khá hoàn chỉnh. Đường liên xã Ka Đô, Quảng Lập, Pró, chiều dài 3km, chất lượng lưu thông trên đường tốt. Đường thôn, liên thôn bao gồm 27 tuyến đường và cụm đường hầu hết là đường cấp phối hoặc đường đất cần được đầu tư nâng cấp hơn nữa.



Dấu tích đường giao thông hào cách mạng hoạt động trong thời kỳ chống Pháp tại triển đồi thôn Nghĩa Hiệp - gần thỏ mộ cũ²

Địa hình của xã thấp dần từ Đông sang Tây và được chia thành hai dạng địa hình chính:

- Địa hình bằng: nằm ở phía Tây và Tây Bắc của xã, loại địa hình này có diện tích chiếm khoảng 20,5% diện tích tự nhiên. Đất đai màu mỡ rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Địa hình đồi lượn sóng: chiếm khoảng 79% diện tích tự nhiên, được phân bố chủ yếu ở phía Nam và phía Đông Nam của xã, có độ dốc từ 15% - 25%, địa hình này chỉ thích hợp cho trồng cây công nghiệp và lâm nghiệp.

Khí hậu: Nhiệt độ không khí trung bình năm là 21,1°C, nhiệt độ cao nhất là 30,2°C (vào tháng 3); nhiệt độ thấp nhất là 14,1°C (vào tháng 1). Độ ẩm không khí trung bình năm vào khoảng 89%, cao nhất vào các tháng 7,8,9, thấp nhất vào tháng 2,3, ẩm độ không khí có khi xuống dưới 30%. Số giờ nắng trung bình là 6,1 giờ/ngày. Lượng mưa trung bình năm vào khoảng 1.600 mm, 91% lượng mưa tập trung chủ yếu vào 6 tháng mùa mưa. Nhìn chung nhiệt độ tương đối mát, thích nghi nhiều, loại cây trồng từ ôn đới, á nhiệt đới và nhiệt đới nhưng yếu tố hạn chế lớn nhất về khí hậu là lượng mưa, lượng mưa hàng năm không cao và cường độ mưa lớn lại tập trung chủ yếu trong 6 tháng mùa mưa, gây ngập lũ, đất đai bị rửa trôi, xói mòn mạnh, tuổi thọ công trình không cao, việc đi lại khó khăn. Mùa khô lượng mưa quá thấp làm thiếu nước vùng hạ lưu.

² Kỷ yếu Ka Đô 50 năm hình thành và phát triển (1960 - 2010).

2. Nguồn gốc dân cư:

Từ năm 1960 trở về trước, vùng đất Ka Đô hiện nay chỉ có thôn Ka Đô cũ, thuộc xã Linh Gia, tổng Linh Nhân cũ. Từ năm 1960 đến năm 1976, hình thành địa danh Ka Đô. Địa danh Ka Đô được ghi đầu tiên trong sự vụ văn thư ngày 10 tháng 10 năm 1960 của Quận hành chính Đơn Dương. Những năm đó nhằm xây dựng đập thủy điện Đa Nhim do Nhật bồi thường chiến tranh, Quận hành chính Đơn Dương bố trí đất tái định cư cho đồng bào sống trong lòng hồ Đa Nhim như Ka Nam, Lâm Tuyên, La Pá, Đà Ding, Đáp La vào. Vùng định cư khu A thôn Nghĩa Hiệp đồng bào từ Đáp La vào, khu B (thôn Quảng Hiệp) đồng bào từ Quảng Lạc vào, khu C (thôn Nam Hiệp) đồng bào một phần của ấp Lâm Tuyên cũ gần Ka Nam D'ran vào (gồm người Tày, Nùng, Thổ di cư từ Sông Mao - Long Khánh lên và một số bà con miền Bắc ở Lạc Lâm vào; Khu D đồng bào K'ho từ Ka Nam, La Pá, Đà Kon vào gọi là Ka Đô mới. Vùng TaLy, bà con dân tộc Cill từ Đà Ding, Killplagnol vào, Taly 2 là dân gốc bản địa. Những ngày đầu bà con theo lệnh giải tỏa giải tỏa đến định cư ở xã được đền bù và cấp phát lương thực.

Ngày 23 tháng 6 năm 1976, tỉnh, huyện hợp tách 03 thôn Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp của xã Thạnh Mỹ và 3 thôn đồng bào người dân tộc thiểu số Ka Đô Mới, Ka Đô Cũ, Taly của xã Linh Nhân để thành lập xã Ka Đô.

Từ năm 1989, xã Ka Đô được tách thành 02 xã: xã Quảng Lập và Ka Đô, xã Quảng Lập là thôn Quảng Hiệp cũ chia thành 5 thôn mới. Xã Ka Đô gồm các thôn Ka Đô cũ, Ka Đô mới, Taly, Nam Hiệp và Nghĩa hiệp. Hiện nay, xã Ka Đô có 7 dân tộc anh em đang sinh sống, bao gồm 9 thôn, 04 thôn người kinh, 05 thôn đồng bào dân tộc thiểu số. Dân số toàn xã có 2.728 hộ với 11.798 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 595 hộ với 2.934 khẩu, chiếm 22% dân số toàn xã.

Nhân dân các thôn người kinh phần lớn là những người tham gia cách mạng từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định tránh sự khủng bố của Mỹ Diệm vào sinh sống tại Quảng Lạc, D'ran. Đến vùng đất mới họ đã đoàn kết lại vừa để giúp đỡ nhau làm ăn sinh sống, nhưng cũng tại đây họ đã có sự đồng chí hướng để khi có cán bộ cách mạng đến móc nối là họ nhanh chóng tham gia chống Mỹ cứu nước.

Nhân dân các thôn dân tộc thiểu số còn lại trên địa bàn có truyền thống yêu quê hương, tinh thần cần cù trong lao động, có sự đoàn kết các dân tộc, gắn bó với nhau trong lao động sản xuất cũng như trong chiến đấu chống áp bức, bóc lột. Đây là yếu tố gắn kết các dân tộc trong cộng đồng cùng đấu tranh để phát triển về văn hóa xã hội.

3. Văn hóa - xã hội và truyền thống của xã:

Trước năm 1975, về cơ sở giáo dục, trường Tiểu học Nghĩa Hiệp xây dựng năm 1964; trường Tiểu học Quảng Hiệp xây dựng sau trường Nghĩa Hiệp. Năm 1970, Hội người Hoa xin mở trường Tư thực Hiệp Đức ở Nam Hiệp dạy Hoa văn và Việt văn, đến 30/4/1975, được bàn giao lại cho trường tiểu học công lập. Cơ sở

y tế không có, chỉ có một nhân viên phụ trách y tế, nhận, phát thuốc cho dân, ai đau bệnh nặng phải đến bệnh viện ở D'ran.

Là địa phương có nhiều dân tộc tụ hội, nền văn hóa ở đây khá phong phú, ngoài những lễ hội truyền thống của người Kinh vẫn còn giữ các lễ hội của các dân tộc khác; người Kinh thờ cúng ông bà tổ tiên; người Tày, Nùng vẫn giữ được phong tục cưới hỏi, tang ma, ngày Tết và Hội cúng đình. Bà con dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ, trước đây bà con thôn Taly 1 từ D'ran vào cũng như người dân gốc bản địa ở thôn Taly 2 sống chủ yếu bằng phương thức phát rừng, làm rẫy, du canh du cư; người dân gốc bản địa tập trung ở thôn Ka Đô cũ trồng lúa nước, định canh định cư,...giữ phong tục cưới hỏi, ma chay, tục mừng lúa mới, xây mộ,... Ngày lễ hội cúng tế, tiếp khách có tiếng cồng chiêng, thổi kèn. Trang phục truyền thống của đồng bào là thổ cẩm, đàn ông chít khăn đầu, phụ nữ mặc váy có khăn choàng vai phủ kín thân.

Tôn giáo có bốn tôn giáo chính là đạo Thiên Chúa, đạo Phật, đạo Cao Đài, đạo Tin Lành. Cơ sở thờ tự gồm một chùa Giác Quang (Phật giáo), một thánh thất Hương đạo Cao Đài và giáo xứ Lạc Hòa (Thiên Chúa giáo), đạo Tin Lành có Nhà thờ Taly 1; hai điểm nhóm tại Taly 2; Kanam (Ka Đô mới). Các tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau trên đường lo việc đạo, tận tụy đóng góp công sức, tiền của để cùng nhau chung lo việc đời.

Những truyền thống tốt đẹp; tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán, ngành nghề truyền thống...mang đậm đà sắc thái dân tộc, tất cả đã góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa. Mặt khác nhân dân có truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường, tính cần cù lao động, hiếu học, trình độ dân trí cao là điểm xuất phát vượt trội hơn so với mặt bằng các địa phương khác trong huyện và trong tỉnh.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng lãnh đạo, trong những năm qua đời sống vật chất và tinh thần các dân tộc trong xã được nâng lên, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, những công trình phúc lợi xã hội như điện lưới, chợ buôn bán nhộn nhịp, từng là chợ trung tâm của các xã lân cận, hệ thống đường giao thông từ huyện xuống xã, từ xã xuống các thôn, trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã được quan tâm xây dựng theo hướng kiên cố hóa. Đặc biệt, lĩnh vực văn hóa xã hội của xã có nhiều chuyển biến, tiến bộ, xã có trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, nhiều trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, tỷ lệ huy động học sinh các cấp học, ngành học đến lớp; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, học sinh khá, giỏi ngày càng cao; nhiều thạc sỹ, tiến sỹ xuất hiện ngày càng nhiều trong các dòng họ, gia đình hiếu học. Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Ka Đô là xã đầu tiên được tỉnh chọn làm điểm xây dựng nông thôn mới, có phong trào khá toàn diện.

Qua những biến động của lịch sử cùng với quá trình lao động sáng tạo, chinh phục thiên nhiên con người đã tạo cho mình một thái độ ứng xử với tự nhiên, xã hội đã đứng vững và không ngừng phát triển, nhân dân các dân tộc Ka Đô đã tạo ra những bản sắc riêng, đồng thời hòa nhập trong cộng đồng chung. Tinh thần đoàn

kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh thích nghi thiên nhiên khắc nghiệt, chống thực dân đế quốc hung tàn và trong lao động sản xuất xóa đói nghèo vươn lên làm giàu chính đáng; tinh thần đó càng được thể hiện mạnh mẽ khi có sự lãnh đạo, định hướng của Đảng.

Trong công cuộc đổi mới và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, phát huy truyền thống cách mạng hào hùng, dưới sự lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ và Chính quyền huyện, Đảng bộ và nhân dân xã Ka Đô đã và đang phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

CHƯƠNG II

TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA QUÂN, DÂN XÃ KÁ ĐỒ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1960 - 1975)

1. Ổn định cuộc sống, phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch.

Hiệp định Geneve 1954, khôi phục hòa bình ở Đông Dương, bãi bỏ quyền cai trị của người Pháp, công nhận nền độc lập của 3 quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia. Theo Hiệp định đã ký kết, nước Việt Nam tạm thời được chia cắt thành 2 miền qua vĩ tuyến 17. Sự chia cắt đó chỉ là tạm thời. Hai miền phải thống nhất trước tháng 7 năm 1956 bằng tổng tuyển cử tự do và dân chủ. Quân Pháp phải rút quân khỏi miền Bắc và Việt Minh rút khỏi miền Nam trong thời hạn 300 ngày, người dân có quyền lựa chọn ở miền Bắc hay miền Nam, trong thời gian đó, họ được tự do đi lại.

Chính sách tố cộng và diệt cộng của Ngô Đình Diệm bắt đầu từ 1955 với mục đích truy tìm và tiêu diệt những người tham gia hoặc có liên quan đến Việt Minh trong việc kháng chiến chống Pháp đã làm kinh hoàng nhiều tầng lớp dân chúng ở nông thôn.

Ngày 20 tháng 7 năm 1956, phía Việt Nam Cộng hòa không tiến hành tổng tuyển cử tự do trên toàn cõi miền Nam. Nhân dân ở các vùng kháng chiến cũ bỏ vào buồng lập làng rừng, chiến khu.

Với thủ đoạn đánh phá vô cùng thâm hiểm, phân vùng chia ô để đánh, đánh cả ngày lẫn đêm, dùng biệt kích thám báo, đánh bất ngờ cơ sở ta, sử dụng bọn đầu hàng, tự thú lung lạc tinh thần của cán bộ, nhân dân, địch đã gây cho ta những tổn thất nặng nề³

Ở Quảng Nam và một số tỉnh miền Trung chúng gây ra nhiều vụ thảm sát⁴, mở các chiến dịch tố cộng, tăng cường hàng trăm tên mật vụ; bắt dân lập các trại cải huấn, nhà giam giữ từ xã, khu cho đến quận, tỉnh và tiến hành bắt tập trung những cán bộ kháng chiến và những đảng viên cộng sản,... Nhiều Đảng bộ, Chi bộ cơ sở số đảng viên bị địch bắt và giết gần hết.

Năm 1957, Ngô Đình Diệm triển khai kế hoạch lập khu dinh điền và khu trừ mật nhằm mục đích xáo trộn cơ sở cách mạng, đưa những người có tinh thần đấu

³ Toàn miền Nam đến cuối năm 1958, Mỹ Diệm đã giết hại khoảng 68.000 cán bộ, đảng viên, bắt giam 466.000 người, tra tấn thành thương tật 680.000 người. Nhiều người bị giam giữ chẳng phải là cộng sản.

⁴ Đập Vĩnh Trinh; chợ Đuộc (Quảng Nam),...

tranh yêu nước ở vùng có ảnh hưởng cách mạng đi các khu dinh điền để quản chế họ. Địch đã cưỡng bức dân các huyện ở Quảng Nam, Quảng Ngãi,... đi lập khu dinh điền ở Tây Nguyên, Đông Nam bộ.

Luật 10/59 ban hành ngày 6 tháng 5 năm 1959 công khai lê máy chém khắp nơi, tăng án phạt cho những ai liên hệ với cộng sản và mở những tòa án quân sự lưu động để xét xử bị cáo với hai hình thức tử hình và khổ sai chung thân.

Trước những hành động đánh phá ác liệt, đòn thù thâm độc của địch, nhiều cán bộ, người dân trong đó có đồng chí Hứa Thanh Bình, người con đất Quảng, phải rời bỏ quê hương vào Tây Nguyên, Đông Nam bộ ẩn náu, chờ thời cơ gây dựng phong trào đánh đổ ách thống trị của Mỹ ngụy. Ở Quảng Lạc, thuộc xã Lạc Nghiệp, quận Đơn Dương là nơi đồng chí Bình và nhiều cán bộ cách mạng từ miền Trung vào ẩn náu, dân cư phần lớn là đồng bào các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Từ những năm 1930 - 1945 người dân theo con đường làm phu mở đồn điền và làm đường xe lửa cho thực dân Pháp trụ lại. Nhưng số đông là từ sau 1954 nhiều người tham gia kháng chiến phải bỏ quê lần tránh vào đây sinh sống. Dòng người thứ ba tụ hội về thôn Quảng Lạc là khi làm công trình thủy điện Đa Nhim, nhiều người quê ở các tỉnh miền Trung được tuyển mộ vào làm công nhân và một số ở lại đây để lập nghiệp. Năm 1960, dân cư trong lòng hồ, LaPá, xóm giữa và xóm ngoài thôn Quảng Lạc được giải tỏa chuyển vào Ka Đô để xúc tiến xây dựng đập thủy điện Đa Nhim,...

Vùng đất Ka Đô là vùng đất rừng, hoang sơ, chưa được khai thác. Khi chuyển dân vào, địch chia làm bốn khu vực: Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp, Nam Hiệp và Ka Đô Mới. Vùng Quảng Hiệp đa số nhân dân ấp Quảng Lạc (xã Lạc Nghiệp) vào. Do biết người dân có truyền thống cách mạng nên địch thường xuyên quan tâm theo dõi, có thái độ phân biệt đối xử. Cơ sở quần chúng của ta đã vận động nhân dân đấu tranh buộc chính quyền ngụy phải đền bù số tiền giải tỏa, tái định cư như những nơi khác, cày ủi đủ số đất cho riêng những hộ còn thiếu trong ấp, chống âm mưu lây đất lập đồn điền.

Sau phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, tình hình cách mạng chuyển biến mạnh mẽ.

Liên tỉnh 3 nhờ có cơ sở bên trong hướng dẫn đánh vào chi khu Đơn Dương - quận lỵ D'ran bắt và tiêu diệt nhiều tên địch trong đó có quận trưởng Trần Lưu Dzur, đây là trận đánh vào một chi khu làm chấn động quân địch cả miền Nam, đã có ảnh hưởng đến tinh thần cách mạng của nhân dân xã Ka Đô.

Năm 1961 là năm trên chiến trường miền Nam, quân giải phóng càng đánh càng mạnh, đẩy địch vào thế cô lập, bị động, ta giải phóng và làm chủ nhiều vùng ở nông thôn. Đế quốc Mỹ buộc phải triển khai chiến lược “chiến tranh đặc biệt” mà quốc sách là “lập ấp chiến lược”.

Do có vị trí chiến lược quan trọng, quận Đơn Dương được địch tập trung lực lượng quân sự mạnh, một trong những trọng điểm bình định ở tỉnh Tuyên Đức. Chúng củng cố các đơn vị chiến đấu ở nhiều khu vực để tạo thế liên minh tác chiến trong vùng.

Cũng trong năm 1961, địch hành quân bình định vùng B (Bắc Đà Lạt); còn ta tiến hành phát động quần chúng giữ dân. Sang năm 1962, vùng làm chủ trong tỉnh của cách mạng được mở rộng. Phong trào đô thị và vùng ven Đà Lạt dần dần được khôi phục, đường hành lang của Tỉnh với Khu ủy 6 nối thông tạo điều kiện cho phong trào Tuyên Đức phát triển.

Trước tình hình đó, địch tiếp tục tập trung thực hiện bình định ở Đà Lạt và các quận của tỉnh Tuyên Đức; xây dựng thí điểm áp chiến lược, áp kiểu mẫu ở nhiều nơi. Địch tăng cường hoạt động quân sự, sử dụng các đơn vị vũ trang càn quét sâu vào căn cứ của ta, dồn dân về vùng do chúng kiểm soát. Đi đôi với lập áp chiến lược, chính quyền ngụy tiến hành phân loại quần chúng, theo dõi những gia đình tham gia kháng chiến, kiểm soát chặt chẽ, cài cắm chỉ điểm phân hóa chia rẽ nhân dân với cách mạng.

Để kịp thời đánh bại âm mưu, thủ đoạn của địch, tháng 3 năm 1962, Hội nghị Tỉnh ủy Tuyên Đức mở rộng chỉ rõ chủ trương cụ thể ở từng vùng, vận động quần chúng đấu tranh chính trị, kết hợp với hoạt động vũ trang tiêu hao sinh lực địch, diệt ác trừ tà, hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh chống dồn dân lập áp chiến lược.

Cuộc đấu tranh chống địch bình định, dồn dân diễn ra vô cùng quyết liệt, dai dẳng. Đối với địch, đi đôi với chính sách dồn dân lập áp chiến lược chúng còn dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc bằng vật chất để lấy lòng dân. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chúng đào tạo hàng loạt mục sư, thầy giảng đạo Tin Lành, dùng thần quyền giáo lý đầu độc quần chúng, tuyên truyền xuyên tạc chia rẽ bà con dân tộc với cách mạng. Năm 1963 là năm địch tập trung phản kích quyết liệt, khu địa bàn hoạt động của ta bị thu hẹp, nhiều nơi trong vùng giải phóng thiếu đói nghiêm trọng phải ăn rau rừng thay cơm.

Tháng 5 năm 1963, Khu ủy 6 quyết định giải thể Tỉnh ủy Tuyên Đức, rút gọn bộ máy thành Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt. Đội công tác do đồng chí Lê Dũng phụ trách từ phía Tây Bắc chuyển về hoạt động gây cơ sở Bắc đường 20, từ địa bàn này, các đồng chí phát triển sang hướng Đơn Dương tổ chức móc nối cơ sở.

Từ năm 1962, việc phát triển phong trào cách mạng ở vùng đồng bào người Kinh ở Đơn Dương đứng trước yêu cầu khẩn trương hơn. Đầu năm 1964, đội công tác Bắc đường 20 rút đồng chí Hứa Thanh Bình thoát ly và giao nhiệm vụ móc nối liên lạc xây dựng cơ sở cách mạng ở Ka Đô, đầu tiên là ở ấp Quảng Hiệp sau đó lan sang ấp Nghĩa Hiệp. Sau khi móc nối được với cơ sở ở Quảng Hiệp, đội vũ trang tuyên truyền đường 20 thành lập một mũi công tác gồm các đồng chí Nguyễn Văn Tâm (Sáu Tuấn), Hứa Thanh Bình và đồng chí Kim (chưa rõ họ) phụ trách quân sự

trực tiếp hoạt động ở vùng Ka Đô, Bắc Hội. Từ các cơ sở ở Quảng Hiệp, các đồng chí đã phát triển phong trào sang một số nơi ở Nghĩa Hiệp. Đường dây Đức Trọng qua Bắc Hội đến Ka Đô đã thông liên lạc, tạo thuận lợi cho sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt đối với địa bàn Đơn Dương.

Nhận biết phong trào cách mạng trong huyện đang phát triển, địch thường xuyên đem quân lùng sục, kiểm tra phát hiện các cơ sở và đường dây liên lạc từ trong ra căn cứ. Đồng chí Nguyễn Văn Tâm (Sáu Tuấn) giao nhiệm vụ xây dựng tổ chức cách mạng, các cơ sở bên trong tập hợp thanh niên tiên bộ lập ra Hội thanh niên giải phóng. Để tạo thế hợp pháp, một số quân chúng ở Ka Đô đấu tranh với giáo hội Phật giáo của quận để thành lập Hội gia đình Phật tử, thực chất là tạo điều kiện hoạt động cách mạng. Hội gia đình Phật tử một tổ chức của cách mạng hoạt động bán hợp pháp sinh hoạt nhờ sự đùm bọc, chở che của nhà chùa Quảng Lập, đặc biệt của cô Lê Thị Dưỡng còn gọi là cô Năm chùa⁵. Chùa Giác Ngộ được thành lập năm 1962, hình thức hoạt động ban đầu rất đơn giản. Phần đông Phật tử kể cả những người theo đạo từ lâu cho đến số mới vào đạo phần lớn đều là những gia đình tham gia cách mạng kháng chiến chống Pháp đã làm chỗ dựa vững chắc để xây dựng phong trào cách mạng, xây dựng cơ sở trong vòng kèm kẹp của địch, trong vành đai áp chiến lược. Hội vận động phần lớn thanh niên trong gia đình Phật tử và thanh niên trong ấp thoát ly ra hậu cứ bổ sung lực lượng cách mạng. Tình hình này tác động đến chính quyền ngụy Sài Gòn và chúng bắt đầu đưa lực lượng về lùng sục, truy bắt số huynh trưởng gia đình Phật tử và một số người chúng nghi vấn. Phong trào cách mạng ở ấp Quảng Hiệp tạm lắng xuống, những cốt cán phong trào vẫn còn trụ lại, các cán bộ Đội công tác được phân công quay về móc nối gây dựng lại phong trào và đến năm 1968 phong trào cách mạng ở ấp Quảng Hiệp đã nổi lên thành cao trào hòa với khí thế tổng tiến công và nổi dậy toàn miền Nam.

Đội Ka Đô do đồng chí Nguyễn Văn Tâm (Sáu Tuấn) phụ trách hoạt động tốt, nên đầu năm 1965, tại Đại hội chiến sỹ thi đua của tỉnh Tuyên Đức được biểu dương khen thưởng.

Ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phong trào cách mạng được củng cố và phát triển. Từ phong trào đấu tranh của quần chúng, ta tuyên truyền vận động xây dựng ở cơ sở, nhân dân đã kịp thời thông báo tình hình địch cho cách mạng. Tại các ấp ở Ka Đô và các nơi khác trong quận, đồng bào đấu tranh với một số chức sắc người dân tộc bao chiếm đất đai⁶. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt trong nhiều năm tiến hành đòi quyền lợi cho mình đã thu được kết quả.

Vừa xây dựng, vừa củng cố, kết hợp hoạt động vũ trang trong diệt ác trừ gian với mở vùng xây dựng cơ sở, phong trào cách mạng phát triển mạnh ở nhiều nơi

⁵ Có Năm người Bình Định, có chồng đi tập kết, không chịu sự áp bức của địch, cô vào tá túc ở chùa Giác Hoàng D'ran. Năm 1962, cô vào ở chùa Giác Ngộ - Quảng Hiệp.

⁶ Bang Tá Hiu (Touprong Hiu), Phó Chủ tịch Hội đồng sắc tộc Tây Nguyên, tự vẽ bản đồ bao chiếm nhiều diện tích đất đai trong vùng đồng bào dân tộc nằm ở phía Nam của Quận.

trong tỉnh Tuyên Đức. Ở Ka Đô, cơ sở quần chúng được xây dựng cùng với các cơ sở quần chúng ở Lạc Nghiệp, Xuân Trường tác động, hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành vùng dừng chân phía Nam Đà Lạt, giúp cho sự phát triển phong trào cách mạng tiến lên rộng sâu trong toàn tỉnh. Cuối năm 1964, thực lực tại chỗ ở Đơn Dương đã có bước phát triển mới.

Đầu năm 1965, do chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ thất bại buộc phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Lực lượng vũ trang cách mạng càng đánh càng mạnh, tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, ta đã mở nhiều cuộc tấn công tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, tạo thế và lực mới.

Ở Đơn Dương, nguy quyền tăng cường bộ máy từ quận đến ấp. Mỗi xã chúng bố trí từ một đến hai trung đội dân vệ làm chỗ dựa cho bộ máy kèm kẹp, cài cắm người theo dõi cán bộ, gia đình có người tham gia kháng chiến. Trên các trục đường và khu dân cư, chúng xây dựng các cứ điểm do quân nguy chốt giữ. Ngoài hệ thống hành chính, quân sự địch còn hình thành các tổ chức chính trị phản động đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương gây cho chúng ta nhiều bất lợi, đời sống nhân dân nhiều vùng thiếu đói, việc tiếp tế cho cách mạng gặp nhiều khó khăn.

Ban cán sự Đảng Tuyên Đức - Đà Lạt chủ trương động viên quân và dân kết hợp đấu tranh vũ trang, chính trị với binh vận, tích cực phá kèm, phá ấp chiến lược, tiêu hao và làm tan sinh lực địch. Phía Nam Đà Lạt, phong trào của Đơn Dương tiếp tục được xây dựng và phát triển thêm 30 cơ sở quần chúng ở ấp Quảng Hiệp. Đường dây liên lạc, tiếp tế luôn đảm bảo, quần chúng dù bị địch kiểm soát, o ép nhưng vẫn tìm cách dự trữ lương thực, thực phẩm đưa ra ngoài cho cách mạng. Việc diệt ác phá kèm đã tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh, ta tiêu diệt bộ máy kèm kẹp của địch ở Quảng Hiệp. Đợt đầu trong năm 1965, thông qua công tác vận động tại cơ sở ta đã đưa 36 thanh niên, quần chúng giác ngộ ở Ka Đô, Quảng Hiệp ra chiến khu đợt I bổ sung cho đội công tác, các cơ quan tỉnh và huyện.

Tháng 10 năm 1965, Khu ủy 6 quyết định thành lập lại Tỉnh ủy Tuyên Đức. Sau khi thành lập, Tỉnh ủy tiến hành củng cố tổ chức, sắp xếp bộ máy nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Nghị quyết của Trung ương Đảng, Nghị quyết của Trung ương cục miền Nam và Khu ủy khu 6. Trước tình hình Mỹ trực tiếp đưa quân can thiệp miền Nam Việt Nam. Hội nghị đánh giá, kiểm điểm sự lãnh đạo năm 1965 và đề ra nhiệm vụ năm 1966. Đối với nhiệm vụ năm 1966, Hội nghị chủ trương: Đẩy mạnh các hoạt động, tiếp tục tiêu hao sinh lực địch, phá vỡ bộ máy kèm kẹp kết hợp với công tác xây dựng cơ sở bên trong, củng cố căn cứ vùng ven Đức Trọng phát triển phong trào những nơi còn yếu, tạo đường hành lang phía Tây Nam nối với Đà Lạt.

Ở Đơn Dương, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định tăng cường cán bộ để xây dựng cơ sở, mở rộng địa bàn làm chủ, giữa năm 1966, các đồng chí Chế Đặng, Lê

Dũng và một số cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về hoạt động. Ngày 10 tháng 6 năm 1966, Hội nghị Tỉnh ủy họp (ở Đức Trọng) quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương gồm ba đồng chí, chỉ định đồng chí Chế Đăng làm Bí thư và hai ủy viên là đồng chí Lê Dũng và đồng chí Sơn Hải. Sự ra đời của Ban cán sự Đảng có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thành lập Ban cán sự Đảng là kết quả tất yếu của quá trình bền bỉ cách mạng, vượt qua gian lao thử thách, vừa xây dựng cơ sở, phong trào vừa từng bước hoàn thiện về mặt tổ chức của Đảng bộ Đơn Dương.

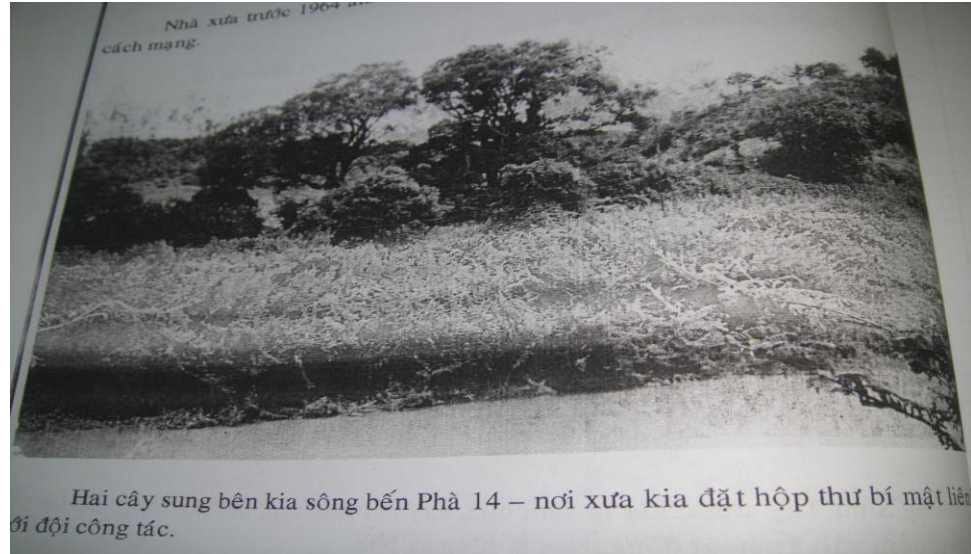
Ban cán sự Đảng chia làm hai bộ phận thực hiện nhiệm vụ, một bộ phận do đồng chí Lê Dũng phụ trách, một bộ phận do đồng chí Chế Đăng phụ trách. Đồng chí Chế Đăng phụ trách chung nắm lại tình hình, củng cố đường dây cơ sở. Từ Ka Đô, đồng chí Chế Đăng, Lê Đình Biểu,... đi Phú Thuận móc nối lại các cơ sở do đồng chí Đoàn Hải xây dựng. Đường dây từ Bắc Hội qua Ka Đô đến Lạc Xuân, Phú Thuận dần dần được nối thông, lực lượng quần chúng cách mạng phát triển.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng phong trào, trong năm 1966, Ban cán sự Đảng thành lập các mũi công tác từ năm đến sáu đồng chí. Sang năm 1967, chính thức thành lập bốn đội công tác vùng Kinh và một tổ công tác vùng dân tộc. Địa bàn Ka Đô do đội K4 đảm nhiệm. Sau khi củng cố tổ chức, đề ra chủ trương và phân công địa bàn hoạt động cụ thể, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác trên tinh thần quán triệt các Nghị quyết của Đảng, nâng cao nhận thức tư tưởng, bám cơ sở, phối hợp với lực lượng của tỉnh diệt ác trừ gian, phát động quần chúng đấu tranh chống địch. Việc xử lý các phần tử ác ôn, mật báo cùng với giáo dục bọn tề ngụy tại chỗ đã tác động đến cách mạng làm cho địch hoang mang lo lắng, quần chúng cách mạng phấn khởi. Phong trào cách mạng đã chuyển biến mạnh mẽ, mỗi đội công tác đều phát triển thêm cơ sở quần chúng mới. Phong trào thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng và bổ sung cho các đội công tác, sôi nổi nhất ở Ka Đô lan rộng sang các địa bàn khác trong huyện. Từ hoạt động vũ trang kết hợp với phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm đã góp phần làm thất bại âm mưu thủ đoạn của địch ở nhiều xã, ấp.

Bước vào mùa khô năm 1966 - 1967, bọn địch ở Tuyên Đức tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch tìm diệt và bình định, trọng tâm là bình định vùng nông thôn hòng đẩy lực lượng ta ra xa đô thị, xa căn cứ của chúng. Tại Đơn Dương địch ráo riết mở các cuộc càn quét ở Phú Thuận, Hòa Bình, khu vực suối Tre (Ka Đô) ngăn cản ta từ căn cứ đột nhập vào ấp xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế. Chúng tiếp tục củng cố các ấp chiến lược, bắt đồng bào vào làng, tăng cường mật báo, chỉ điểm để phát hiện cơ sở, ngăn lực lượng ta vào liên lạc.

Trước tình hình trên và diễn biến của phong trào cách mạng, cuối năm 1966 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở hội nghị kiểm điểm công tác trong năm, đề ra chủ trương đẩy mạnh tiêu diệt địch, bám dân của lực lượng vũ trang và các đội công tác, đánh vào đoàn bình định diệt ác phá kềm, xây dựng lực lượng cách mạng tại chỗ, chú trọng ở địa bàn công tác, trực giao thông. Để phối hợp cùng quần chúng trong tỉnh,

Ban cán sự Đảng Đơn Dương, một mặt ổn định tổ chức, cơ sở và thực lực cách mạng, mặt khác chủ trương vũ trang đột nhập ấp, tiêu diệt địch, hỗ trợ phong trào quần chúng, mở rộng vùng làm chủ khi có điều kiện. Ở Ka Đô cùng với Phú Thuận, Lâm Tuyên các cơ sở quần chúng được củng cố vững chắc. Thông qua các hộp thư mật, cơ sở cách mạng thường xuyên thông báo tình hình địch để ta chủ động đánh địch hoặc kịp thời đối phó khi chúng mở các đợt càn quét.



*Hai cây sung bên kia sông bến phà 14 - nơi xưa kia đặt
hộp thư bí mật liên lạc với đội công tác⁷*

Do lực lượng của huyện thiếu, ta chưa đủ sức triển khai xây dựng phong trào ở phía Đông Nam của huyện. Trước tình hình đó, Khu ủy và Quân khu 6 quyết định đưa lực lượng lập căn cứ, giải quyết vùng trắng của Đơn Dương. Tháng 10 năm 1967, Khu ủy 6 quyết định thành lập Ban cán sự, đặt tên khu vực Đông nam Đơn Dương là vùng K67, chỉ định đồng chí Lưu Minh Nghiệp, cán bộ Ban Dân vận Khu ủy làm Bí thư⁸, vùng K67 là nơi tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Cũng trong năm 1967, Ban cán sự Đảng chủ trương tích cực dùng lực lượng vũ trang đột nhập ấp, đẩy mạnh hơn nữa phong trào đánh địch xây dựng cơ sở. Tháng 01 năm 1968, sau chiến thắng trận đánh núi Pô và tiêu diệt cứ điểm R'Lom, vùng K67 gồm 3 xã với 6.000 dân đã hoàn toàn giải phóng. Như vậy, kể từ khi thành lập Ban cán sự Đảng Đơn Dương, phong trào đã phát triển rộng, các đội công tác và cơ sở quần chúng tích cực đưa phong trào tiến lên những bước mới, thực lực cách mạng được củng cố ở cả vùng đồng bào kinh và dân tộc. Cùng với quân dân tỉnh và huyện nhà, quân dân xã Ka Đô đã sẵn sàng bước vào cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

⁷ Kỷ yếu Ka Đô 50 năm hình thành và phát triển (1960 - 2010).

⁸ Các đồng chí Cha Ma Lê Nghèo, Võ Văn Danh, Hai Trương, Kinh làm Ủy viên Ban cán sự K67.

Chiến lược “chiến tranh cục bộ” thất bại buộc Mỹ phải chuyển từ thế tấn công sang phòng ngự bị động. Cuối năm 1967, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam, đánh mạnh vào ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ. Tại Tuyên Đức, Đà Lạt có những thuận lợi cơ bản, nhất là phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng và hoạt động của lực lượng vũ trang gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở Đơn Dương, với phương châm kiên trì bám sát xây dựng cơ sở, tích cực tiêu hao sinh lực địch, phát động quần chúng đấu tranh phá kèm, phong trào cách mạng phát triển sâu khắp các xã chuẩn bị bước vào chiến dịch, ngoài các đội công tác, quân khu tăng cường thêm cho huyện đại đội 815. Những thuận lợi đó là điều kiện để quân dân Đơn Dương bước vào cuộc tấn công nổi dậy mùa Xuân năm 1968. Được quán triệt trước ý đồ tác chiến và trên tinh thần sẵn sàng thực hiện cuộc tấn công nổi dậy theo kế hoạch của Tỉnh, Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ đạo các đội công tác nhanh chóng triển khai trên các hướng. Địa bàn tập trung tấn công địch chủ yếu là Ka Đô, Quảng Hiệp.

Chiều ngày 31 tháng 01 năm 1968 (nhằm 30 tháng chạp năm Đinh Mùi) đội công tác K4 do đồng chí Nguyễn Phú Hộ phụ trách đã triển khai lực lượng chốt giữ và sau đó đốt cầu km13, đường xuống bến phà km14 để phòng địch từ quận lỵ Đơn Dương, phân chi khu M'Lơn (Thanh Mỹ) theo đường 21B vào giải vây. Đồng thời với việc triển khai phương án tác chiến, Ban cán sự Đảng chỉ đạo đội công tác K4 phát động quần chúng nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng Lâm Thời, tổ chức quyên góp lương thực thực phẩm sẵn sàng cung cấp hậu cần cho lực lượng vũ trang chiến đấu ở chiến trường Đà Lạt. Phối hợp cùng quân dân trong Tỉnh đúng thời điểm giao thừa Tết Mậu Thân nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Sáng mùng 01 Tết (31/01/1968) thôn Nghĩa Hiệp và các nơi khác ở Ka Đô được giải phóng. Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm Thời xã Ka Đô được thành lập, cử đồng chí Phan Văn Ngọc làm Chủ tịch, đồng chí Lê Thị Dưỡng làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Đức Nhứt (On), Phó Chủ tịch phụ trách an ninh, đồng chí Tạ Nghiêu được phân công giữ chức xã đội trưởng, phụ trách trung đội du kích. Trung đội du kích có hơn 40 người, được trang bị 3 khẩu súng trường, mìn, lựu đạn, còn lại sử dụng vũ khí tự tạo. Một cuộc mít tinh tổ chức tại ấp Quảng Hiệp để chính quyền ra mắt quần chúng trong khí thế hào hùng phấn khởi của nhân dân Ka Đô. Chính quyền cách mạng xã cùng với đội công tác thống nhất kế hoạch để quản lý xã hội, trấn áp bọn tề ngụy phản động, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân, xây dựng các phương án phòng thủ, tổ chức canh gác, cài mìn, đặt chông, chuẩn bị đánh địch,...thành lập Tòa án nhân dân xử tội những phần tử chiêu hồi, phản động. Các đoàn thể như thanh niên giải phóng, nông dân giải phóng đã thành lập và ra hoạt động công khai.

Chính quyền cách mạng tự quản ở Ka Đô tồn tại hơn một tháng nhưng làm được rất nhiều việc, nhất là giác ngộ quần chúng đi theo Đảng, tham gia cách mạng hoàn thành một số nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng trong thời chiến.



Cầu Km 13

Đồng loạt nổi dậy cùng Ka Đô, nhiều nơi khác trong huyện các đội công tác đã vũ trang đánh địch, tổ chức quần chúng và giao nhiệm vụ cho cơ sở treo cờ Mặt trận dân tộc giải phóng, rải truyền đơn, vận động binh lính bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng. Trước khí thế của cuộc tấn công và nổi dậy của quần chúng, bọn địch vô cùng hoang mang dao động. Do nhiệm vụ chủ yếu là tập trung cho chiến trường Đà Lạt, lực lượng ta có hạn không thể tấn công giải phóng toàn quận nên Ban cán sự Đảng Đơn Dương chỉ gửi thư kêu gọi địch đầu hàng, giao chính quyền cho cách mạng.

Sau khi giải phóng Tà In và R'Lom, tiểu đoàn 186 của quân khu nhận nhiệm vụ tăng cường cho chiến trường Đà Lạt, khoảng 17 giờ chiều ngày mùng 02 Tết, đơn vị hành quân qua Ka Đô. Chính quyền Lâm thời và đội công tác K4 lúc này do đồng chí Nguyễn Phú Hộ làm đội trưởng đã vận động nhân dân tiếp tế lương thực thực phẩm cho bộ đội. Do yêu cầu nhiệm vụ và hành quân khẩn trương, tiểu đoàn không dừng lại đóng quân, nhân dân đã bày sẵn bánh trái, lương khô, thuốc lá,... đặt ở các bàn trên các đường số 1 đến đường số 7 để anh em bộ đội đem theo. Tuy thời gian vào buổi chiều ngắn ngủi nhưng toàn bộ chiến sĩ tiểu đoàn 186 đã được sống trong tình quân dân cá nước, thật vô cùng cảm động khi các mẹ, các chị động viên bộ đội nhận quà bánh trên đường đi đánh giặc. Tình cảm đó biểu hiện tấm lòng của người dân Đơn Dương nói chung, người dân Ka Đô nói riêng đối với cán

bộ, chiến sĩ cách mạng đang chiến đấu trên mảnh đất Tuyên Đức, Khu 6 gian lao và anh dũng.

Hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy, hưởng ứng cuộc vận động của Ban cán sự Đảng⁹, thanh niên Ka Đô và nhiều xã tham gia lực lượng vũ trang lên đường nhập ngũ. Đầu xuân năm 1968, riêng Ka Đô có 120 người thoát ly, tại chiến trường Đà Lạt anh em đã chiến đấu rất dũng cảm lập nhiều thành tích xuất sắc.

Để kịp thời phục vụ bộ đội đang chiến đấu ở Đà Lạt, chính quyền xã Ka Đô và đội công tác K4 đã vận động quần chúng ủng hộ hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu. Dân công của xã không nề hà gian lao, nguy hiểm vận tải gạo, hàng hóa chuyên lên khu vực Hồ Tiên dự trữ cho chiến trường đánh giặc. Trong đoàn dân công, ngoài lực lượng thanh niên còn có các mẹ, các bác mặc dù tuổi già sức yếu vẫn thi đua cùng con cháu thực hiện, nêu tấm gương nhiệt tình cho lớp trẻ noi theo.

Cuối tháng 02 năm 1968, sau trận đánh vào thị xã Đà Lạt không thành, Đảng ủy Mặt trận và Tỉnh ủy Tuyên Đức chủ trương để lại một phần lực lượng tiếp tục đánh địch, phần lớn các đơn vị vũ trang ra hoạt động ở vùng nông thôn, đại đội 815 rút về Đơn Dương tiếp tục công tác.

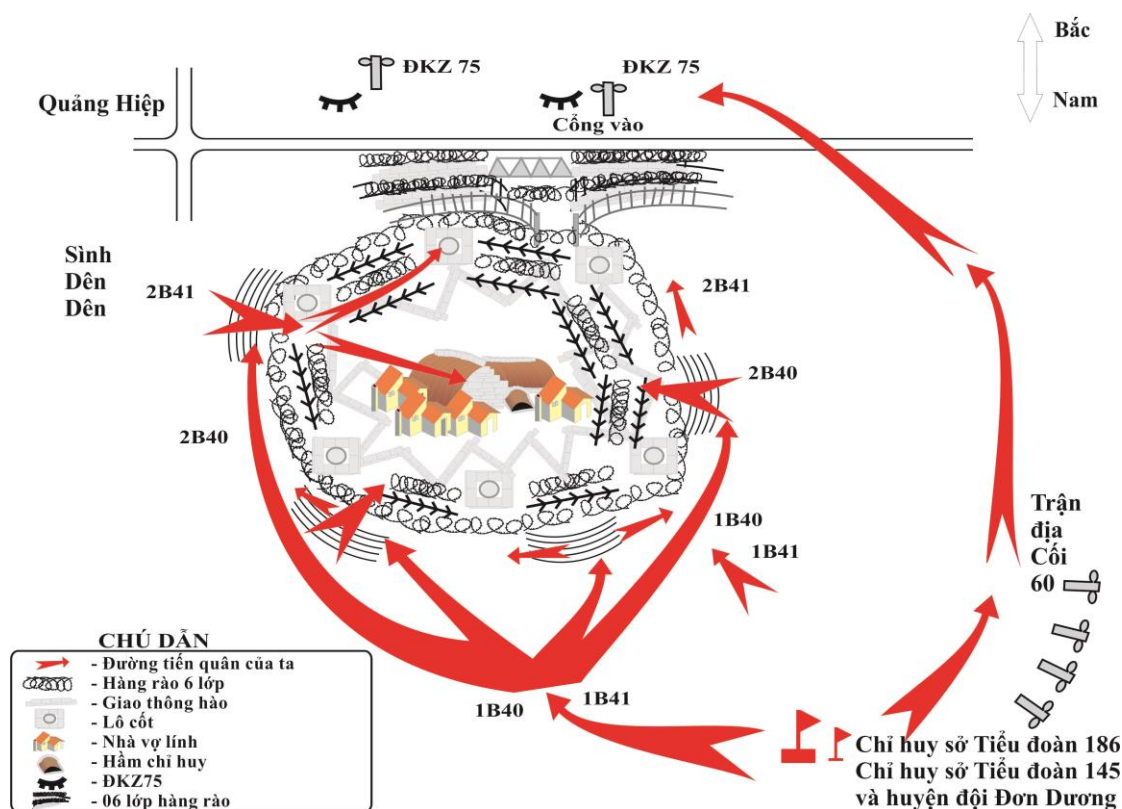
Ở Ka Đô, chính quyền cách mạng xã, đội công tác K4 tiếp tục bổ sung các phương án phòng thủ chuẩn bị đánh địch phản kích. Những việc làm đó cùng với việc xây dựng chính quyền bảo đảm giữ bí mật lực lượng, Ka Đô là địa bàn giữ chính quyền cách mạng lâu nhất của tỉnh Tuyên Đức trong cuộc nổi dậy mùa Xuân năm 1968.

Sau khi quân chủ lực của ta về vùng nông thôn, địch củng cố lực lượng tiến hành lấn chiếm những nơi đã mất. Giữa tháng 02 năm 1968, địch đánh chiếm Xuân Trường, cuối tháng địch tấn công Ka Đô. Cuộc tấn công chiếm lại Ka Đô, địch tiến hành bằng hai hướng, từ Châu Sơn vào và đường từ cầu 13 qua. Do quân địch đông gấp nhiều lần và trang bị vũ khí đầy đủ, chính quyền và cơ sở cách mạng ở Ka Đô tạm thời rút ra ngoài, những cán bộ cốt cán nhất là những người đã ra hoạt động công khai thoát ly ra rừng tiếp tục hoạt động. Chiếm được Ka Đô, địch để lại một đại đội bảo an và một đoàn binh định nông thôn tập trung đánh phá quyết liệt. Bên trong chúng ra sức khủng bố, vây ráp bức ép gom dồn dân tập trung co cụm lại ở hai con đường số 0 và số 1, địch lập nhiều đồn bót canh giữ, quản lý nghiêm ngặt dân đi về ruộng vườn cũ để làm ăn, chúng điều những tên ác ôn ở những nơi khác đến làm áp trướng và chỉ huy các lực lượng phòng vệ, nghĩa quân đốc thúc các lực lượng này thường xuyên lùng sục, phục kích gài mìn những đường đi quan trọng, xung yếu. Chúng luôn luôn o ép bắt bớ, tra khảo những gia đình có người tham gia cách mạng. Bằng nhiều thủ đoạn chúng tuyên truyền lừa mỵ và khủng bố tinh thần

⁹ Đồng chí Nguyễn Phú Hộ, Hoàng Sơn, Linh (chưa rõ họ), y sĩ Mạnh (chưa rõ họ), Hạnh (chưa rõ họ) kêu gọi anh em thanh niên lên đường nhập ngũ chống Mỹ cứu nước, y sĩ mạnh từ miền Bắc vào, biên chế Bệnh xá tỉnh Tuyên Đức năm 1968, được cử đi đào tạo bác sỹ năm 1968.

quần chúng nhân dân, khống chế nhân dân. Tại K67, địch chiếm lấy một số nơi do lực lượng của ta ít không giữ được. Tháng 4 năm 1968, Tỉnh ủy quyết định chuyển Ban cán sự Đảng Đơn Dương lên để thành lập Huyện ủy, thành lập Huyện đội. Việc thành lập Huyện đội Đơn Dương đã tạo sự thống nhất chỉ đạo về mặt quân sự, giúp lực lượng vũ trang có điều kiện đánh địch tập trung, có hiệu quả. Huyện ủy cũng điều chỉnh sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các đội công tác để phù hợp với tình hình mới.

Trong năm 1968, tiểu đoàn 186 từ Di Linh chuyển về Ka Đô đã phối hợp với lực lượng của huyện tập kích đồn Quảng Hiệp¹⁰, tiêu diệt đại bộ phận địch đóng ở đây, thu toàn bộ vũ khí. Tháng 4 năm 1968, đã tập kích, đánh đồn Quảng Hiệp nhưng không thành công do mất liên lạc với một cánh quân hướng Đông và bị lộ, thiệt hại 1 tiểu đội và 01 cán bộ tiểu đoàn. Tháng 6 năm 1968, ta đánh đồn Quảng Hiệp lần thứ hai, cùng lúc cánh quân của Đại đội 815 đánh vào khu vực chợ Ka Đô; ta có tiểu đoàn 186, tiểu đoàn 145; hỏa lực mạnh DK, B41, cối 82mm và 60mm, kết quả hai trận đánh ta diệt gọn đồn, diệt 01 đại đội bảo an, 01 trung đội dân vệ gồm 190 tên, chỉ còn 17 tên sống sót, bị thương, thu toàn bộ vũ khí quân trang, quân dụng.



Sơ đồ trận đánh (Do đồng chí Lê Đình Mai - Nguyên Đại đội trưởng 815 cung cấp)¹¹

¹⁰ Đồn Quảng Hiệp do Đại đội 306 ngụy đóng giữ, có 01 Đại đội bảo an tăng cường, 1B hỏa lực, 02 B thể đội dự bị với khoảng 200 tên.

¹¹ Đồ họa: Đồng chí Nguyễn Văn Chương, chuyên viên Văn phòng Huyện ủy.

Thắng lợi của ta làm cho địch rất hoang mang, lòng tin của nhân dân và lực lượng vũ trang càng tăng thêm. Sau khi đồn Quảng Hiệp bị đánh, địch sử dụng ba tiểu đoàn trong đó có một tiểu đoàn lính Mỹ can vào hậu cứ của Cơ quan huyện. Tiểu đoàn 186 kết hợp với lực lượng của huyện chống can thắng lợi, tiêu diệt nhiều tên địch. Tiểu đoàn cối 82 Quân khu tăng cường chặng đánh địch trên đường hành quân, các đội công tác đột nhập ấp, vừa xây dựng cơ sở, vừa trừng trị bọn ác ôn, bắt một số tên đưa về căn cứ giáo dục. Khi đoàn binh định về bắt dân lập ấp chiến lược, các đội công tác đã vận động quần chúng đấu tranh cùng đơn vị 815 đánh trả tiêu diệt địch, tạo cơ sở để quần chúng chống lại âm mưu vào làng lập ấp của chúng.

Tháng 9 năm 1968, Cơ quan tỉnh và một số đơn vị vũ trang chuyển về đóng tại hậu cứ của Đơn Dương. Trong tháng này, Huyện ủy mở Hội nghị kiểm điểm, đánh giá tình hình và đề ra phương hướng hoạt động mới, chủ trương: Tiếp tục tấn công địch ở căn cứ và trên đường hành quân can quét, đẩy mạnh công tác diệt ác, phá kềm, tấn công bọn bình định nông thôn, phòng vệ quân sự, tạo thế cho quần chúng ở các ấp nổi dậy đấu tranh chống địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, lực lượng vũ trang được cơ sở cung cấp tình hình đã liên tục tấn công địch nhiều nơi gây ra cho địch nhiều thiệt hại. Riêng tại Ka Đô, tháng 10 năm 1968 đại đội 815 đột kích ấp TaLy, ta phải dùng xà-gạc (dao của đồng bào dân tộc) chặt đứt hàng rào thứ ba ở cửa mở, đánh vào trung đội nghĩa quân diệt 16 tên, bắt sống 10 tên, thu một số vũ khí.

Vào những tháng cuối năm 1968 địch đã tập trung lực lượng chống trả quyết liệt, chúng bổ sung quân, mở nhiều cuộc can quét, tổ chức tuần tra canh gác nghiêm ngặt, phát triển lực lượng dân vệ, thám báo biệt kích, cài mìn trên những tuyến đường ta thường qua lại, phục đánh tĩa gây khó khăn và thiệt hại khi lực lượng bộ đội, đội công tác vào ấp liên lạc, móc nối cơ sở.

2. Đấu tranh chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, nắm vững thời cơ tiến lên giải phóng toàn huyện Đơn Dương:

Thắng lợi của quân và dân ta ở chiến trường Khu 6, nhất là sau cuộc tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân năm 1968 đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển có nhiều thuận lợi. Tháng 11 năm 1968, Khu ủy mở Hội nghị kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương: Nắm vững thời cơ, đẩy mạnh tấn công địch ở cả thành phố, vùng ven, vùng yếu nông thôn, phá tan âm mưu “quét và giữ” của chúng, quyết tâm giành cho được vùng ven thị, vùng yếu nông thôn.

Thất bại trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” đã buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện việc đánh phá miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Paris. Đầu năm 1969, đế quốc Mỹ triển khai học thuyết Ních-xơn và tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Tại Đơn Dương và các địa phương khác trong tỉnh, đầu năm 1969 địch tiếp tục dồn dân vào vùng sâu, vùng xa đường giao thông, dồn bót về nơi tập trung do

chúng kiểm soát, âm mưu cắt đứt liên lạc giữa lực lượng bên ngoài với cơ sở cách mạng bên trong. Để củng cố bộ máy kèm kẹp, tăng cường lực lượng bổ sung cho những nơi yếu, địch đưa các đoàn bình định, các đơn vị lính bảo an xuống ấp, sử dụng bọn mật báo, gián điệp ngấm theo dõi hoạt động của cơ sở và lực lượng ta từ bên ngoài vào móc nối nhận tiếp tế. Chúng tiến hành bình định có trọng điểm các xã trên đường 11; các ấp Lạc Xuân, Lạc Bình dọc đường 21B, Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô). Tại vùng K67, địch dồn toàn bộ đồng bào dân tộc về các khu tập trung ở Ka Đô, Proh, Thanh Mỹ. Thủ đoạn của địch đã gây ra cho ta nhiều thiệt hại.

Quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Khu ủy (11/1968) về nắm vững thời cơ tập trung lực lượng tấn công địch vùng nông thôn, bước sang năm 1969 quân dân Đơn Dương liên tiếp đánh địch nhiều nơi gây tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tháng 3 năm 1969 các đội công tác tiến hành đột nhập vào các ấp rải truyền đơn, diệt ác ôn. Hỗ trợ tạo thế làm chủ cho phong trào quần chúng.

Trên đà thắng lợi của những hoạt động vũ trang đầu năm đạt được; tháng 4 năm 1969 Tỉnh ủy Tuyên Đức mở Hội nghị kiểm điểm rút kinh nghiệm, nêu quyết tâm mở rộng địa bàn vùng ven Đà Lạt và nông thôn, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang của Tỉnh lớn mạnh, sẵn sàng phối hợp với chiến trường Khu 6 đưa phong trào quần chúng tiến lên giành quyền làm chủ toàn diện về mọi mặt.

Trong năm 1969, cục diện chiến trường ở miền Nam có lợi cho cách mạng, Mỹ và tay sai buộc phải thừa nhận Mặt trận dân tộc giải phóng, chấp nhận đàm phán bốn bên tại Paris. Ngày 6 tháng 6 năm 1969, Ủy ban nhân dân cách mạng Lâm thời của tỉnh Tuyên Đức và huyện Đơn Dương được thành lập trên địa bàn huyện, là cơ sở pháp lý để tiến hành đấu tranh chính trị với địch.

Những tháng giữa năm 1969, nhân dân và lực lượng vũ trang Đơn Dương liên tục tấn công các ấp chiến lược gây cho địch nhiều thiệt hại. Liên tiếp trong tháng 7, 8 lực lượng vũ trang phối hợp với các đội công tác đột nhập ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Lạc Xuân, Phú Thuận vừa tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, vừa diệt ác trừ gian, bắt giáo dục một số tên điệp làm cho địch vô cùng hoang mang, hoảng sợ.

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang trên đà thắng lợi, ngày 02 tháng 9 năm 1969, Bác Hồ kính yêu của dân tộc ta từ trần, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân biến đau thương thành hành động cách mạng. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc bằng nhiều hình thức đã tổ chức lễ tang, lập bàn thờ truy điệu Bác. Tưởng nhớ công ơn Bác Hồ và hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Huyện ủy phát động phong trào thi đua giết giặc lập công. Các đơn vị vũ trang và đội công tác tích cực hoạt động đánh địch gây tổn thất lớn cho địch. Địch tập trung đánh phá, phản ứng quyết liệt trên địa bàn xã, ấp nhưng phong trào trong huyện vẫn đứng vững, hiệu quả tấn công địch đạt cao. Hoạt động của quân dân Đơn Dương năm 1969 đã đẩy lùi âm mưu bình định cấp tốc, làm thất bại kế hoạch “quét và giữ” của địch.

Đầu năm 1970, Khu ủy 6 quyết định sát nhập Ban cán sự K67 vào Huyện ủy Đơn Dương và tăng cường tiểu đoàn 200C của quân khu cho huyện.

Thực hiện Chỉ thị 36 của Trung ương Cục và Nghị quyết đầu năm 1970 của Khu ủy, Tỉnh ủy Tuyên Đức quyết định mở đợt hoạt động Xuân Hè (lấy tên là đợt tập kích TK) quyết tâm đẩy hoạt động quân sự, chính trị, mở rộng vùng làm chủ ở nông thôn, vùng ven thị xã. Phối hợp cùng quân dân trong tỉnh, lực lượng vũ trang và các đội công tác liên tiếp tổ chức đánh địch trên địa bàn huyện, đặc biệt trăn tấn công vào Chi khu Đơn Dương tiêu diệt địch, giết cố vấn Mỹ. Các đội công tác còn phối hợp tác chiến chặt chẽ với bộ đội địa phương đột nhập các ấp Phú Thuận, Lạc xuân, Nghĩa Hiệp (Ka Đô),...đánh bọn bình định nông thôn, phòng vệ dân sự. Trong chiến dịch TK, quân và dân trong tỉnh đã làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phần lớn bộ máy kèm ở cơ sở tan rã.

Sau thắng lợi của đợt hoạt động Xuân Hè năm 1970, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Đức lần thứ I được tiến hành từ ngày 10 tháng 7 năm 1970, Đại hội là sự kiện chính trị quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng của các địa phương, trong đó có phong trào ở Đơn Dương. Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đơn Dương mở Đại hội Đại biểu lần thứ I tại hậu cứ, Đại hội bầu Ban Chấp hành mới, đồng chí Chế Đặng làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Phú Hộ - Ủy viên Ban Thường vụ làm Thường trực Đảng.

Trước phong trào quần chúng ngày càng phát triển, để tập hợp lực lượng thanh niên Huyện ủy quyết định thành lập Huyện Đoàn thanh niên giải phóng, Ban Chấp hành có 07 đồng chí do đồng chí Trần Kim Nhựt¹² làm Bí thư.

Kể từ khi tiến hành Đại hội Đảng hai cấp, tình hình mọi mặt ở huyện nhà có bước chuyển biến. Về quân sự, đơn vị 815 tách thành Đại đội 814 và 815; về chính trị, chỉ đạo của Huyện ủy từ K67 đến các xã Nam sông, dọc đường 21B đã có sự tập trung, thống nhất tạo sức mạnh cho quần chúng đấu tranh chống địch, củng cố thực lực cách mạng ở cơ sở. Tuy nhiên, địch đẩy mạnh vũ trang cho lực lượng phòng vệ dân sự, phát triển hệ thống mật vụ, dân vệ kèm chặt, kiểm soát việc đi lại làm ăn của nhân dân gây nhiều khó khăn cho ta.

Thực hiện Chỉ thị 01 của Trung ương cục miền Nam và Nghị quyết 14 của Khu ủy 6, tháng 3 năm 1971 Tỉnh ủy họp và ra Nghị quyết nêu rõ: Tập trung mọi khả năng, đẩy mạnh đánh phá kế hoạch bình định của địch, trước mắt đánh sụp lực lượng kèm cơ sở, giành quyền làm chủ ở ấp, xã, phá vỡ hệ thống phòng thủ của địch ở nông thôn,...tạo thế và lực ở ba miền, tiến tới cao trào tấn công, nổi dậy rộng khắp, cùng toàn khu, toàn diện thay đổi cục diện chiến trường. Hội nghị quyết

¹² Đồng chí Trần Kim Nhựt là người con thứ bảy gia đình ông Trần Kim Luận, bà Trần Thị Nhân (bà Hương Thường), tham gia cách mạng thời kỳ trước 1945. Cụ bà Hương Thường ở tại Quảng Hiệp, là cơ sở cách mạng đã có công nuôi giấu bảo vệ cán bộ cách mạng và đội vũ trang cách mạng, đồng chí Trần Kim Nhựt hy sinh ngày 24/10/1971 được công nhận là liệt sỹ, có bằng Tổ quốc ghi công.

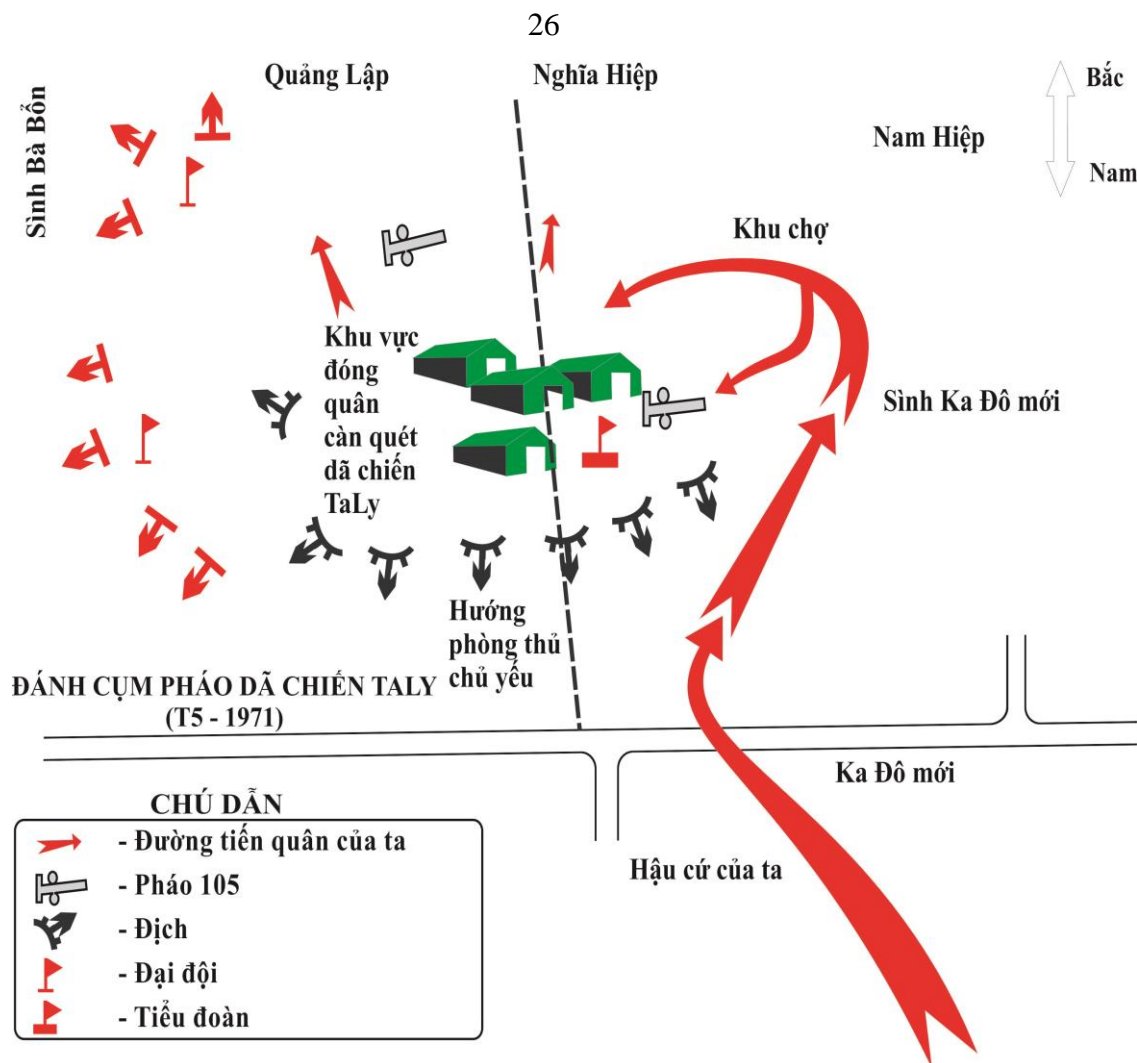
định điều chỉnh, sắp xếp lực lượng vũ trang trong tỉnh cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ tác chiến.

Sau khi được củng cố và tăng cường, Huyện ủy phân công các Đại đội hoạt động trên địa bàn huyện như sau: Đại đội 815 đứng chân khu vực Tam Giác (Hồ Tiên), Đại đội 814 phía Nam sông Đa nhim, đơn vị 830 vùng Càn Rang Eo Gió, Phú Thuận. Cùng phối hợp với các đơn vị vũ trang, các đội công tác đẩy mạnh hoạt động móc nối xây dựng cơ sở củng cố những nơi bị mất liên lạc.

Những tháng đầu năm 1971, Đại đội 814, 815 liên tục vũ trang vào các ấp Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp (Ka Đô), Phú Thuận, Hòa Bình (Lạc Nghiệp) vừa tiêu diệt lực lượng kèm, tề điệp, mật báo, vừa phục kích đánh bọn dân vệ trong ấp. Ngoài ra các đơn vị còn vận dụng cách đánh theo phân đội nhỏ, tháo gỡ bom mìn địch cài để đánh lại chúng. Tháng 5 năm 1971, địch tập trung hai tiểu đoàn bảo an của chi khu, có 02 pháo 105 ly yểm trợ lực lượng đóng quân ở ấp Ta Ly chuẩn bị càn quét vùng hậu cứ cơ quan huyện. Đại đội 815 sử dụng một tiểu đội đã bí mật tập kích vào ban đêm phá hỏng 01 pháo 105 ly, diệt 14 tên, làm bị thương 17 tên buộc địch phải bỏ dở cuộc càn quét. Tháng 11 năm 1971, Đại đội 815 đánh vào ấp Nghĩa Hiệp do một trung đội nghĩa quân đóng giữ, trung đội này với hơn 30 tên, thường xuyên theo dõi, kèm kẹp đồng bào ở 02 thôn Nam Hiệp và Nghĩa Hiệp; khi ta đánh vào ấp, bọn dân vệ bỏ chạy và ta làm chủ hoàn toàn khu chợ Nghĩa Hiệp. Sau đó, đơn vị tiếp tục đánh địch phục kích cầu km 13, gây cho địch nhiều tổn thất.

Mặc dù trong năm 1971, địch tăng cường lực lượng đánh phá hậu cứ của huyện ác liệt hơn trước, nhưng lực lượng vũ trang của huyện vẫn tích cực chủ động tấn công. Hoạt động mạnh về quân sự đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Bước sang năm 1972, địch chủ trương quân sự hóa bộ máy nguy quyền đến từng ấp, chúng tập trung lực lượng ngoan cố thực hiện chương trình bình định với nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt, cùng lúc mở nhiều cuộc càn quét có phi cơ, pháo binh yểm trợ đánh phá hậu cứ ta. Những thủ đoạn hoạt động của địch gây rất nhiều khó khăn cho ta, một số đội công tác tổn thất khi đang làm nhiệm vụ, cơ sở bên trong không liên lạc trực tiếp được với bên ngoài.



Sơ đồ trận đánh (Do đồng chí Lê Đình Mai - Nguyên Đại đội trưởng 815 cung cấp)¹³

Tuy nhiên, trên chiến trường Mỹ nguy tiếp tục thất bại, càng thất bại chúng càng lòng lộn đánh phá phong trào cách mạng tại địa phương, dồn quân bắt lính bổ sung cho các đơn vị chủ lực nguy, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của quần chúng.

Thực hiện chủ trương đánh phá kế hoạch bình định do Hội nghị Tỉnh ủy đề ra từ cuối năm 1971, Huyện ủy tiến hành củng cố lực lượng vũ trang, tập trung các đơn vị và đội công tác đánh vào bộ máy kèm của địch ở các ấp dọc đường 21B, khu vực Nam sông. Ngày 22 tháng 4 năm 1972, tiểu đội (8 đồng chí) của đại đội 815 đón đánh bọn dân vệ đi càn và gỡ mìn do chúng cài quanh ấp, diệt gọn một tổ địch ở Quảng Hiệp. Các đơn vị vũ trang và đội công tác đột nhập vào ấp rải truyền đơn, dùng cơ sở cách mạng vận động chuyển hóa bộ máy nguy quyền, xây dựng thêm nhiều cơ sở cách mạng.

Cuối năm 1972, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đứng trước nguy cơ phá sản, Mỹ buộc phải chấp nhận dự thảo Hiệp định do Chính phủ ta đưa

¹³ Đồ họa: Đồng chí Nguyễn Văn Chương, chuyên viên Văn phòng Huyện ủy.

ra tại Hội nghị Paris (08/10/1972). Tuy nhiên bọn địch vẫn hiếu chiến, ngoan cố, ở Đơn Dương, bọn địch vẫn đẩy mạnh các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chiếm đất, giành dân, mở rộng vùng chúng kiểm soát, củng cố đồn bót, tăng cường hành quân càn quét lấn chiếm vùng ta làm chủ. Chúng đặt các trạm quân sự trên trục lộ, củng cố chi khu Đơn Dương, thành lập phân chi khu ở mỗi xã.

Thực hiện “Kế hoạch thời cơ”¹⁴ của toàn miền Nam, từ tháng 10 năm 1972 lực lượng vũ trang liên tục đột nhập ấp, cấm cò Mặt trận dân tộc giải phóng ở các địa bàn trong toàn huyện, vận động quần chúng đấu tranh giành đất, giành dân.

3. Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng, đón thời cơ giải phóng Ka Đô, giải phóng Đơn Dương:

Sau sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968, Hoa Kỳ và Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ngồi vào bàn đàm phán cho tương lai chiến tranh Việt Nam. Việc đàm phán đã diễn ra phức tạp, đến giữa năm 1972, khi Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ trương chuyển hướng sang chiến lược hòa bình và Hoa Kỳ đã mệt mỏi bởi chiến tranh kéo dài và thực sự muốn đi đến kết thúc, thì đàm phán mới đi vào thực chất thỏa hiệp. Tin tức về việc sẽ ký Hiệp định Paris được lan truyền. Thực hiện chủ trương của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam mở chiến dịch cấm cò, giành dân giữ đất¹⁵; ngày 28 tháng 10 năm 1972, Đại đội 815 phối hợp với Đội công tác K4 vũ trang vào Ka Đô cấm cò. Trung đội nghĩa quân 82 phần lớn là người Hoa, Nùng và nhân dân tự vệ ở Nghĩa Hiệp và Nam Hiệp có pháo binh ở chi khu Thạnh Mỹ bắn chi viện nổ súng tấn công. Lực lượng ta bị tổn thất nặng nề¹⁶. Một số đồng chí hy sinh và bị bắt, các đồng chí bị bắt vẫn hiên ngang hô to: Đả đảo đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Những hành động dũng cảm đó đã gây ấn tượng và xúc động trong các tầng lớp nhân dân lúc bấy giờ. Đảng bộ, nhân dân xã Ka Đô đời đời ghi nhớ các liệt sỹ đã hy sinh trong trận đánh bi hùng này.

¹⁴ “Kế hoạch thời cơ” là tranh thủ vận động nhân dân cùng các lực lượng vũ trang nổi dậy giành đất, giành dân, tranh chấp với địch.

¹⁵ Giữa ta và địch theo thỏa hiệp của Hiệp định Paris đã tạo ra thể da beo; bên nào có cò và lực lượng chốt giữ thì vùng đất có cò, có lực lượng đó là vùng đất của bên ấy.

¹⁶ Trận đánh diễn ra nơi hiện nay đặt Bia tưởng niệm ghi danh của Ka Đô. Trong trận đánh cán bộ ta chết tại chỗ 6 người, đó là các liệt sỹ Huỳnh Xiêm, Nguyễn Bá Đăng, Nguyễn Tấn Cảnh, Nguyễn Hồng Lợi, Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Công Phẩm; 02 bị thương, là đồng chí Lê Đình Biều địch đưa lên Đà Lạt điều trị để tiếp tục khai thác thông tin, sau đó đồng chí đã không qua khỏi, được địch chôn tại một ngọn đồi ở Đà Lạt, gần 20 năm sau gia đình mới tìm ra, được quy tập tại Nghĩa trang liệt sỹ Đà Lạt và 01 đồng chí nữ là chị Hai Ân kiên quyết không đáp mền dù nguy hiểm bằng bó vết thương, lính cộng hòa đưa đồng chí lên Đà Lạt chữa trị để tiếp tục khai thác thông tin, năm 1973 đồng chí được trao trả. Ta tổn thất nặng nề có yếu tố chủ quan, khinh suất. Khu có lực lượng quân đội đóng quân thì không bị tổn thất.



Bia ghi danh các anh hùng liệt sỹ xã Ka Đô được xây dựng năm 2000

Hiệp định Paris được ký kết vào ngày 27 tháng 01 năm 1973 như một thắng lợi quan trọng của Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ngày 29 tháng 3 năm 1973, quân nhân Mỹ cuối cùng rời Việt Nam, chấm dứt mọi can thiệp quân sự trực tiếp của Hoa Kỳ đối với vấn đề Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ chỉ còn duy trì viện trợ và cố vấn quân sự. Quân nguy đơn độc chống lại Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam đang ngày càng mạnh. Thắng lợi của Hiệp định Paris đánh dấu bước ngoặt lịch sử làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng nước ta, tạo ra khả năng sớm hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chờ đón Hiệp định được chính thức ký kết và có hiệu lực thi hành, các tầng lớp nhân dân ở Đơn Dương rất phấn khởi, không khí hòa bình lan rộng. Đêm ngày 27 tháng 01 năm 1973 quân và dân đồng loạt vũ trang tuyên truyền chiến thắng, cấm cò giành đất, đơn vị 815, các đội công tác K2, K3, K4 đã rải truyền đơn ở Phú Thuận, Lạc Xuân, Ka Đô; nhưng với bản chất hiếu chiến và xâm lược, đế quốc Mỹ vẫn không cam chịu thất bại, ngoan cố tiếp tục sử dụng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ hòng thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, duy trì chủ nghĩa thực dân mới; được viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh và tiền của, nguy quyền Sài Gòn tiếp tục kế hoạch bình định lấn chiếm, tạo vành đai phân tuyến nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Ở Đơn Dương, bọn địch ra sức đẩy mạnh các hoạt động quân sự, lấn chiếm đất đai, thanh lọc kèm kẹp nhân dân, chúng củng cố chi khu quận lỵ Đơn Dương, phân chi khu Thạnh Mỹ, đồn M'Lơn, tăng khả năng khống chế khu vực Ka Đô và vùng Nam sông, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét cơ quan hậu cứ của huyện, cày ủi địa hình khu Tam Giác Hồ Tiên tạo vành đai ngăn lực lượng bên ngoài với cơ sở bên trong. Địch đưa thêm nhiều tên ác ôn về làm ở ấp, xã, liên gia

trưởng với mưu đồ ổn định nội bộ, sắp xếp lực lượng để kìm kẹp nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý.

Trong năm 1973, các đơn vị vũ trang và đội công tác trên địa bàn huyện gặp không ít khó khăn do quân số giảm sút qua các trận chiến đấu chưa có điều kiện bổ sung; bên cạnh đó, địch tăng cường khủng bố, bắt bớ cơ sở gây tổn thất cho phong trào. Các đơn vị vũ trang và đội công tác nhiều lần đột nhập áp bị địch phục kích, vướng mìn, một số hy sinh khi đột nhập áp Phú Thuận vào đêm ngày 05 tháng 3 năm 1973.

Trước tình hình đó, tháng 3 năm 1973, Huyện ủy triệu tập các đơn vị vũ trang, đội công tác về hậu cứ học tập, phổ biến nhiệm vụ của Khu ủy, Tỉnh ủy, Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể là tiếp tục tấn công địch về chính trị, binh vận, có vũ trang hỗ trợ, đẩy mạnh sản xuất ở hậu cứ, chuẩn bị lương thực, thực phẩm bảo đảm cho công tác, chiến đấu và hỗ trợ đồng bào vùng hậu cứ đang bị mất mùa, thiếu muối, vải mặc,...

Thực hiện chủ trương của huyện, lực lượng vũ trang đã đẩy mạnh các hoạt động tấn công địch, bảo vệ hành lang khu vực Tam Giác (Hồ Tiên); phong trào sản xuất tự túc phát triển, sản phẩm thu được cùng với lương thực, thực phẩm do cơ sở tiếp tế tạm thời bảo đảm đời sống của cơ quan và trợ giúp một phần cho dân ở hậu cứ.

Tháng 6 năm 1974, trong một trận càn của địch, đồng chí Vũ Tâm - Tỉnh ủy viên dự khuyết, Bí thư Huyện ủy Đơn Dương (thay đồng chí Nguyễn Nghĩa Phương) và một số đồng chí khác hy sinh, Huyện ủy Đơn Dương đến lúc này coi như không còn, ở vùng ven chúng tăng cường lùng sục, phục kích gài mìn các tuyến đường huyết mạch qua lại của ta và đường vào các thôn ấp... Lực lượng của ta hoạt động ngày càng khó khăn do không bám được dân. Các Đội công tác bị tiêu hao, tổn thất đáng kể. Đội K4, đội K1 bị xóa phiên hiệu nhiều lần. Các đồng chí đội trưởng Nguyễn Hà, Trần Kim Nhựt, đồng chí Thông (chưa rõ họ), đồng chí Kinh (chưa rõ họ),... lần lượt hy sinh. Tỉnh ủy quyết định thu gọn Huyện ủy Đơn Dương thành Ban cán sự Đảng.

Do quân số giảm, cán bộ của Huyện ủy còn lại rất ít, địch càn quét đánh phá ác liệt, huyện tiến hành sát nhập các đơn vị 814 và 815 thành Đại đội 815, chuyển vị trí đóng quân về khu Tam Giác Hồ Tiên. Các đội công tác cũng chuyển về bám địa bàn Hồ Tiên hoạt động, sau khi ổn định tổ chức lực lượng vũ trang tiếp tục công tác đánh địch lấn chiếm, bảo vệ cơ quan Ban cán sự.

Cuối năm 1974, Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Lâm - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư Ban cán sự, đồng chí Nguyễn Phú Hộ, Phó Bí thư, đồng chí Trần Mười, Thường vụ Ban cán sự, phụ trách quân sự. Đồng thời sát nhập các đội công tác thành ba đội: Đội K1 (được sát nhập từ đội K1 và K4) do đồng chí Huỳnh Minh Xuyên làm đội trưởng, Đội K2 (được sát nhập từ đội K2 và K3) do đồng chí Phan Công Chúng làm đội trưởng, Đội công tác Xuân Trường do đồng chí

Phạm Báng làm đội trưởng. Như vậy ở Đơn Dương chỉ còn 3 Đội công tác và một Đại đội 815 (có trên 10 cán bộ, chiến sỹ).

Ban cán sự Đảng huyện đứng chân tại khu Tam Giác Hồ Tiên chủ trương đẩy mạnh các hoạt động quân sự chống âm mưu phát quang địa hình của địch, chống xe be vào rừng lấy gỗ. Đồng thời tiến hành diệt ác, phá kềm, đánh địch. Thực hiện chủ trương của Ban cán sự Đảng, Đại đội 815 kết hợp với các đội công tác liên tục bám địa bàn ở các ấp Quảng Hiệp, Lạc Bình, Lạc Xuân, Suối Thông,... đánh bọn phòng vệ dân sự, làm hạn chế việc chúng ra ngoài gài mìn, phục kích. Cùng thời gian trên để tránh việc địch dòm ngó, bắt bớ đàn áp dân, ta chưa vội móc nối, xây dựng mới cơ sở ở Ka Đô, Quảng Hiệp mà chủ yếu xây dựng một số cơ sở trong hàng ngũ địch ở Lạc Xuân, móc nối một số cơ sở bị mất liên lạc ở Lạc Lâm Làng, đột nhập diệt tên ấp trưởng ở Xuân Sơn.

Sau gần hai năm kể từ khi Hiệp định Paris được ký kết (1973 - 1974), tuy gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Tuyên Đức, quân dân Đơn Dương nói chung, xã Ka Đô nói riêng đã vượt qua thử thách, tiếp tục củng cố tổ chức và duy trì phong trào cách mạng tạo thế và lực sẵn sàng cùng nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

Bước vào Đông Xuân năm 1974 - 1975, quân dân hai miền liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 30/9 đến ngày 8/10/1974 đã đánh giá tình hình, nhận định những thuận lợi tạo khả năng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đang trở thành hiện thực; quyết định phương án giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Tiếp đến, đầu tháng 01 năm 1975 Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung những phương án giải phóng miền Nam, dự kiến phương án tranh thủ thời cơ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Vào thời gian cuối năm 1974 đầu năm 1975, tình hình chung trong tỉnh và huyện còn nhiều khó khăn; lực lượng ta ít phải hoạt động trên diện rộng, trong lúc địch tập trung càn quét, lấn chiếm vùng căn cứ, gây trở ngại cho việc liên lạc, tiếp tế.

Cuối năm 1974, Tỉnh ủy họp chủ trương tập trung lực lượng tấn công, thực hiện chiến dịch Đông Xuân 1974 - 1975, Kế hoạch của Tỉnh ủy chia ra hai giai đoạn: Từ cuối năm 1974 đến tháng 02 - 1975 và từ tháng 3 đến tháng 4 - 1975, phối hợp với Lâm Đồng cũ, tỉnh Tuyên Đức tập trung lực lượng giải phóng khu vực từ Đa Me đến Phú Sơn trên đường 21B, tạo điều kiện cho lực lượng chủ lực làm bàn đạp tiến lên giải phóng Tuyên Đức. Tại Đơn Dương, địch hoang mang nhưng vẫn tìm cách đối phó. Ở các ấp Nam Hiệp, Quảng Hiệp và ba vùng dân tộc ở Ka Đô địch đưa lực lượng chi khu về nơi khác trong quận, địch tăng cường lùng sục, gài mìn, đồn đốc việc tuần tra canh gác, bố trí lực lượng cơ động chiến đấu. Chúng cố tình bưng bít thông tin chiến thắng của ta, bắt bớ những người nghi vấn, thực hiện lệnh giới nghiêm. Trước tình hình đó, Ban cán sự Đảng khu Tam Giác chỉ đạo các đội công tác và đơn vị vũ trang bám địa bàn, chủ động đánh địch đi lấn chiếm; lực lượng vũ

trang tiến hành đặt chướng ngại vật cản trở giao thông, treo cờ Mặt trận, dán áp phích, rải truyền đơn kêu gọi sĩ quan, binh lính ngụy quay súng trở về với nhân dân.

Cuối đợt hai theo kế hoạch hoạt động của tỉnh, ngày 26 tháng 3 năm 1975 Ban cán sự Đảng huyện đứng chân khu Tam Giác triệu tập cuộc họp phổ biến nhiệm vụ, Hội nghị quán triệt: Thời cơ có nhiều thuận lợi cho ta, địch đang thất bại ở chiến trường miền Nam. Phương châm hành động lúc này là khẩn trương triển khai lực lượng bám địa bàn, bằng mọi hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân, các gia đình, kể cả gia đình có chồng, con, em là ngụy quân tham gia tiếp viện cho các chiến trường, Đại đội 815 cùng đội công tác K1, K2 tiếp cận địa bàn, diễn biến trên chiến trường Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng,... có ảnh hưởng đến tình hình trong tỉnh và tình hình của Đơn Dương. Ở địa phương, về phía địch vẫn còn hung hăng, ra sức kìm kẹp quần chúng nhân dân, chúng điều bọn chỉ khu và số hạ sĩ quan, sỹ quan quân đội về các thôn ấp trực tiếp nắm phòng vệ dân sự và bộ máy tề ở thôn ấp, cụ thể ở 3 thôn dân tộc Ka Đô, chúng đưa đại úy Thủ (chưa rõ họ), phân chỉ khu trưởng về trực tiếp nắm chỉ huy phòng vệ dân sự và bộ máy tề; ở vùng Nam Hiệp, chúng đưa trung đội nghĩa quân người Nùng về nắm tại ấp và tuần tra canh gác cầu km 13. Ở Nghĩa Hiệp, chúng đưa trung úy Mây (chưa rõ họ), thượng sỹ Sừng và hai phụ tá an ninh về nắm tại ấp chỉ huy phòng vệ dân sự. Vùng Quảng Hiệp chúng đưa trung đội nghĩa quân 84 về chốt chặn ngày đêm và gài mìn các đường ra vào ấp. Chúng bắt buộc mọi gia đình ban đêm phải treo đèn trước ngõ đốc thúc phòng vệ dân sự tăng cường đào công sự và hầm hào để sẵn sàng chiến đấu. Những hành động trên của địch ở địa phương thể hiện sự giao động đối phó trước những thời điểm sắp lụi tàn của chế độ tay sai Nguyễn Văn Thiệu. Về phía ta, do có sự chỉ đạo sát sao của trên nên các lực lượng vũ trang và đội công tác trên địa bàn đã có sự chuẩn bị chủ động. Tăng cường các hoạt động bám sát các thôn ấp cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức về tin chiến thắng của ta như: rải truyền đơn thông báo tin chiến thắng, kêu gọi binh lính, tề ngụy không gây nợ máu... ở những vùng ta chưa xâm nhập được như Quảng Hiệp, Ka Đô, đội công tác dùng hình thức rải truyền đơn gần các cửa ngõ ra vào ấp. Dùng cơ sở nơi khác bắn tin vào tác động tề ngụy và kích động quần chúng là cách mạng sắp vào giải phóng. Những nơi có cơ sở, dùng cơ sở để tuyên truyền công khai và bí mật. Từ đó đã có sự tác động mạnh làm cho bọn tề ngụy càng thêm hoang mang giao động, quần chúng nhân dân phấn khởi chuẩn bị tinh thần cho cuộc nổi dậy giải phóng hoàn toàn quê hương. Sáng ngày 28 tháng 3 năm 1975 ta giải phóng Bảo Lộc và đến ngày 31 tháng 3 năm 1975 giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng (cũ). Tối ngày 31 tháng 3 năm 1975, toàn bộ lực lượng địch tại Đà Lạt rút chạy, được tin của cơ sở, ta nhanh chóng tổ chức tiếp quản. Phối hợp với Lạc Xuân, cơ sở quần chúng của ta tại Lạc Nghiệp đón lực lượng cách mạng tiến vào quản lý Đơn Dương, đúng 8 giờ sáng ngày 02 tháng 4 năm 1975, tại sân Trung tâm quận, cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được kéo lên, báo hiệu ngày giải phóng quê hương, đánh dấu

bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ của nhân dân Đơn Dương đã hoàn toàn thắng lợi.

Ngày 02 tháng 4 năm 1975, Đội công tác K1 về tiếp quản xã Thanh Mỹ và lập ngay chính quyền quân quản do đồng chí Huỳnh Minh Xuyên, đội trưởng K1 làm Bí thư và Chủ tịch Ủy ban quân quản, phân công đồng chí Lê Thị Dưỡng và một tổ bộ đội 815 cùng đồng chí Như về tiếp quản Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các địa phương trong huyện. Thực hiện nhiệm vụ trước mắt, chính quyền cách mạng tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, kêu gọi binh lính và nguy quyền trình diện, tự giác giao nộp vũ khí hướng dẫn nhân dân từng bước ổn định sản xuất, đời sống, triển khai lực lượng bảo vệ công trình mục tiêu, không để các phần tử xấu gây rối, phá hoại, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Đơn Dương được giải phóng có sự đóng góp sức người, sức của rất to lớn của quân và dân Ka Đô, nhân dân Ka Đô bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới trong hòa bình, hạnh phúc.

CHƯƠNG III

KA ĐÔ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (04/1975 - 12/2010)

1. Thiết lập, xây dựng chính quyền cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khôi phục sản xuất ổn định đời sống nhân dân (04/1975 - 12/1986)

Củng cố thực lực cách mạng, xây dựng chính quyền cơ sở, ổn định đời sống nhân dân (tháng 4/1975 - 12/1976):

Ngày 02 tháng 4 năm 1975, huyện Đơn Dương hoàn toàn được giải phóng, cùng cả nước kết thúc 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, bước sang kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập - tự do, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đội công tác K1 vào tiếp quản xã Thạnh Mỹ phân công cán bộ về tiếp quản các ấp Quảng Hiệp, Nghĩa Hiệp và Nam Hiệp, cùng thời gian đó các ấp đồng bào dân tộc thiểu số của xã Linh Nhân cũng đã được giải phóng và chính quyền cách mạng đến tiếp quản. Tại các ấp trên, chính quyền quân quản các xã chọn người giao các nhiệm vụ ấp trưởng, phụ trách an ninh, thông tin, các đoàn thể¹⁷. Nhiệm vụ chính quyền lâm thời lúc này tập trung tuyên truyền giải thích chính sách 10 điểm của Chính phủ cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam, kêu gọi tề ngụy ra trình diện, tập trung thu gom vũ khí của địch bỏ lại. Đấu tranh trấn áp bọn phản động chống đối chính quyền cách mạng, vận động nhân dân ổn định và tăng gia sản xuất đồng thời tham gia đóng góp sức người và của cải để tiếp tục giải phóng hoàn toàn miền Nam. Những ngày đầu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhiệm vụ tiếp quản, ổn định tình hình thiết lập chính quyền cách mạng ở địa phương để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ diễn ra trong bối cảnh có nhiều sự kiện, diễn biến phức tạp. Tuy ta đã nắm được chính quyền nhưng thời kỳ đầu chính quyền còn non trẻ, bọn phản động cũ và mới, lực lượng Fulro trỗi dậy chống phá tranh giành chính quyền với ta. Chỉ tính từ ngày giải phóng 02 tháng 4 năm 1975 đến năm 1976 địch đã gây cho ta một số tổn thất đáng kể; toàn huyện bọn phản động cũ và Fulro đánh phá đã làm cho 02 đồng chí Bí thư xã, 01 công an và 01 du kích xã hy sinh. Đặc biệt vào tháng 7 năm 1975, đồng chí Phan Công Chúng, Huyện ủy viên về thay đồng chí Huỳnh Minh Xuyên, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban quân quản xã Thạnh Mỹ bị Fulro bắt

¹⁷ Chính quyền lâm thời các thôn: Thôn Nghĩa Hiệp có Trần Hưng (là cơ sở cách mạng cũ), Nguyễn Đăng, Trần Nhượng,...; thôn Nam Hiệp có Trịnh Khương, Nguyễn Mỹ, Hồ Thị Miêu (cơ sở cách mạng cũ), Bế Thụy Thanh (cơ sở cách mạng cũ),...; thôn Quảng Hiệp có Thái Bình, Cao Quang Kháng, Nguyễn Thành Tâm, Ngô Sanh (phụ trách an ninh), Lê Cúc, Trần Thị Liên (Phụ nữ),...; thôn Ka Đô mới có Ya Đức; thôn Ka Đô cũ có Ya Đăng, Jonung Sang Quốc (phụ trách an ninh); thôn Taly có Ha Neh,...

và giết hại tại thôn Labouye, xã Lạc Xuân. Ngày 22 tháng 9 năm 1975, Chính phủ cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tổ chức cuộc đổi tiền trên quy mô toàn miền Nam để đưa đồng tiền mới lấy tên tiền Ngân hàng Việt Nam (tiền giải phóng) vào lưu thông. Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban quân quản hai xã Thanh Mỹ và Linh Nhân; các ban nhân dân thôn và đoàn thể đã phát huy vai trò giáo dục, động viên quần chúng tham gia các hoạt động cách mạng⁽¹⁸⁾. Do vậy, đã tạo được lòng tin to lớn của quần chúng nhân dân, tạo thành sức mạnh tập thể để vượt qua những khó khăn, gian khổ góp sức lực xây dựng cuộc sống mới. Thành quả của những ngày đầu sau giải phóng là động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng, nhân dân phấn khởi thi đua lao động sản xuất, bảo vệ cuộc sống bình yên, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Ngày 20 tháng 5 năm 1976 xã Ka Đô được thành lập từ 3 thôn Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp của xã Thanh Mỹ và 3 thôn dân tộc của xã Linh Nhân. Chi bộ xã gồm 07 đồng chí¹⁹, đồng chí Nguyễn Quang Đồi làm Bí thư. Tháng 10 năm 1976, nhân dân toàn xã bầu ra Ủy ban nhân dân xã khóa I, đồng chí Huỳnh Hoa, Chủ tịch UBND xã; đồng chí Lê Văn Dày, Phó Chủ tịch UBND xã; đồng chí Lê Tình phụ trách Ban tài chính; đồng chí Lê Quy phụ trách thương nghiệp; đồng chí Đặng Công Minh, Công an xã; đồng chí Huỳnh Tấn Tảo, xã đội; các đoàn thể có đồng chí Nguyễn Thị Hà phụ trách phụ nữ; đồng chí Đỗ Phú Chín phụ trách Nông hội; đồng chí Nguyễn Lập phụ trách thanh niên.

Chi bộ, chính quyền xã Ka Đô thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy Tuyên Đức và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Tập trung cho sản xuất lương thực, tổ chức phong trào toàn dân hưởng ứng làm thủy lợi do huyện phát động, xây dựng công trình đập Suối Tre giải quyết nguồn nước tưới cho hàng trăm ha lúa Đông Xuân và rau màu.

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nhìn chung còn nhiều khó khăn. Song Chi bộ đã lãnh đạo quần dân Ka Đô đẩy mạnh sản xuất đảm bảo ổn định cuộc sống cho nhân dân không để xảy ra tình trạng thiếu đói. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương cơ bản được giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn.

(18) như tổ chức các buổi học tập chính trị, phát động phong trào quần chúng giúp cho nhân dân từng bước hiểu về Đảng, về cách mạng; thấy rõ ý nghĩa thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, âm mưu của bọn phản động cũ và mới, từ đó thấy rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người dân với địa phương, với đất nước; ổn định tình hình bao gồm thu gom số vũ khí, chất nổ do chế độ cũ để lại, nắm và quản lý các đối tượng nguy hiểm, nguy hiểm các đảng phái; phân loại cho tập trung học tập cải tạo; phát động phong trào bài trừ văn hóa nô dịch, phản động, khôi phục sửa chữa trường lớp tái giảng năm học 1974 - 1975, chuẩn bị cho năm học mới; vận động nhân dân tích cực tăng gia sản xuất, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế, trước mắt chống thiếu đói sau chiến tranh.

¹⁹ Chi bộ có 7 đảng viên là Nguyễn Quang Đồi (Bí thư), Huỳnh Hoa (Chủ tịch), Nguyễn Vi Vực (Trưởng Công an xã), Huỳnh Tấn Tảo (xã đội trưởng), Nguyễn Ngọc Duy (Quản lý thị trường), Lê Thị Dương; Cha Amalé Thị Thắm (Vợ đồng chí Tám Thiết - Võ Văn Danh).

b. Tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị (1977 - tháng 12/1986):

Về kinh tế: Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, cấp ủy Đảng, chính quyền xã kịp thời chỉ đạo thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước trên địa bàn.

Trong sản xuất nông nghiệp, diện tích cây trồng cũng được mở rộng, đến năm 1982 diện tích lúa là 504ha trong đó diện tích lúa 02 vụ 170ha, diện tích bắp 900ha, lang 350ha, mỳ 40ha, chuối nước 20ha... cây thực phẩm phát triển nhanh, cây công nghiệp mía 43ha, dâu 5ha.

Tổng sản lượng quy thóc cả năm 1982 là 3.859,9 tấn đạt 96,4% kế hoạch.

Tổng đàn trâu bò 1.434 con, gia súc gia cầm trên 14.000 con.

Sản xuất phát triển, đời sống bà con tốt hơn những năm trước đây, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói trong thời kỳ giáp hạt.

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa được cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Đối với nông nghiệp mục tiêu đến năm 1984 đưa 85% nông dân toàn xã vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Củng cố 10 tập đoàn sản xuất ở 4 thôn (3 thôn dân tộc và thôn Nam Hiệp) tiếp tục xây dựng tập đoàn sản xuất ở các thôn Nghĩa Hiệp, Quảng Hiệp. Việc củng cố 10 tập đoàn sản xuất trên cơ sở thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Chi ủy, Chi bộ xác định đây là nhiệm vụ chính trị then chốt. Quá trình lãnh đạo phải tiến hành đồng bộ các giải pháp, trong đó công tác giáo dục chính trị tư tưởng có vị trí, vai trò quan trọng nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đầy đủ đường lối chính sách của Đảng, hiểu rõ chủ trương của địa phương trong đổi mới công tác quản lý, điều hành. Trên cơ sở xác lập quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sản xuất theo hướng thâm canh tăng vụ, xen vụ tận dụng đất, đồng thời tăng cường quản lý ruộng đất theo tinh thần Nghị định 201 của Hội đồng Bộ trưởng; nắm chắc đất đai ngành nghề, lao động và các phương tiện phân bổ hợp lý tăng năng suất từng vụ, từng mùa cho thích hợp từng loại cây trồng. Đi đôi với công tác trên, chính quyền xã đã quy hoạch phân vùng để xác định cây, con nuôi trồng cho phù hợp với tình hình địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo tập trung thống nhất. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện từng chính sách của Đảng, đã nhanh chóng ổn định nơi ăn ở và đầu tư mọi mặt, những hàng hóa thiết yếu như vải, chăn màn, muối, dầu lửa,... được Nhà nước đảm bảo từng bước ổn định đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc.

Đối với ngành nghề buôn bán, chỉ đạo sắp xếp một phần số hộ tiểu thương trở về sản xuất nông nghiệp hoặc bố trí công ăn việc làm thích hợp, chỉ đạo hợp tác xã mua bán phục vụ đúng quan điểm giữa sản xuất và tiêu dùng của người lao

động, phục vụ tốt hơn cho đời sống nhân dân, chú ý đến vùng đồng bào dân tộc chống tư tưởng chạy theo kinh doanh đơn thuần.

Qua nhiều năm thực hiện định canh định cư, mở rộng diện tích cây trồng, phát triển chăn nuôi, xã đã ổn định đời sống cho nhân dân, tự túc được lương thực giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói. Các công trình công cộng như trụ sở UBND xã, cửa hàng mua bán, trạm xá, trường học... được sắp xếp lại, bố trí địa điểm mới, được đầu tư tu bổ, xây dựng phục vụ cho sinh hoạt và đời sống của nhân dân. Hệ thống đường liên thôn từng bước được xây dựng, đồng bào dân tộc được hướng dẫn và cấp phát trồng cây cà phê, đào đắp nền nhà ổn định thể ăn ở, sản xuất.

Về lĩnh vực văn hóa - xã hội: mặc dù trong điều kiện của một xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, kinh tế có nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, sự chăm lo của ban ngành đoàn thể, các bậc cha mẹ học sinh cùng với những nỗ lực của đội ngũ thầy cô giáo, ngành giáo dục được củng cố, ổn định và phát triển giải quyết được những vấn đề bức xúc đặt ra. Hệ thống trường lớp từ Mầm non đến Phổ thông trung học phát triển hợp lý. Bậc học Mầm non được đầu tư chăm lo, từng thôn hoặc liên thôn trong vùng đồng bào đều có lớp Mẫu giáo. Phong trào xóa mù chữ, bổ túc văn hóa được duy trì. Chất lượng giáo dục các bậc học phổ thông có nhiều tiến bộ theo yêu cầu của việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục của Đảng. Hiệu quả đào tạo tương đối khá so với mặt bằng chung toàn huyện. Thi tốt nghiệp bậc Trung học cơ sở hàng năm đạt trên 90%. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp được chăm lo đạt kết quả. Giáo dục vùng dân tộc phát triển nhanh; chú trọng đến công tác duy trì sỹ số. Công tác xây dựng đội ngũ được tập trung chỉ đạo. Mặc dù đời sống gặp rất nhiều khó khăn, nhưng nhiều giáo viên làm việc tận tụy, thầm lặng, nỗ lực vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Việc xây dựng cơ sở vật chất huy động ngày càng nhiều nguồn lực đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, xóa nhiều phòng học tạm thời. Công tác quản lý, chỉ đạo chuyển biến khá tích cực. Phong trào thi đua 2 tốt đi vào nề nếp và tiếp tục phát huy tác dụng, góp phần tích cực trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ các năm học. Tháng 10 năm 1980 Hội đồng Giáo dục Ka Đô 2 đạt danh hiệu thi đua “Trường dân tộc tiên tiến cấp Tỉnh về kỷ cương nề nếp duy trì sỹ số học sinh dân tộc tốt, chất lượng tốt”. Từ tháng 10 năm 1980 đến tháng 9 năm 1990, Trường liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến, tiên tiến xuất sắc.

sống nhân dân, HĐND khóa III ban hành Nghị quyết tiến hành công tác cải tạo quan hệ sản xuất cũ, tiến hành thiết lập quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm, trong giai đoạn 1977 - 1986 Chi bộ xã Ka Đô đã tổ chức nhiều kỳ Đại hội, là giai đoạn được Huyện ủy tăng cường nhiều cán bộ huyện về giữ chức vụ Bí thư Chi bộ. Đặc điểm Chi bộ là nhiều đảng viên hưu trí, mất sức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên có thời điểm chưa được phát huy đầy đủ. Huyện ủy tăng cường nhiều cán bộ huyện trong đó có đồng chí Đặng Phước Thiệp; cán bộ Ban nông nghiệp huyện, đồng chí Dương Cát, cán bộ Ban nông nghiệp huyện, đồng chí Hoàng Xuân Diệu; Bí thư Huyện đoàn, Đồng chí Nguyễn Đức Bình; cán bộ Ban cải tạo nông nghiệp, (sau khi được đi học trường Đảng Tây Nguyên, tốt nghiệp năm 1982, tăng cường về làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lê Văn Hộ; cán bộ Văn phòng Huyện ủy tăng cường làm Chủ tịch UBND xã Ka Đô, đến năm 1985 giữ chức Bí thư Chi bộ. Chi bộ tập trung lãnh đạo, thực hiện Thông tư 22-TT/TW, Chỉ thị 35-CT/TW và Chỉ thị 72-CT/TW về kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức sinh hoạt và học tập, quán triệt với thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng, đồng thời Chi bộ xây dựng nội quy sinh hoạt đề cao ý thức tổ chức kỷ luật của Đảng làm cho mỗi đảng viên thấy rõ trách nhiệm của mình trong giai đoạn hiện nay; tình hình nội bộ có chuyển biến, những biểu hiện tiêu cực của đảng viên như sinh hoạt tùy tiện, xem thường tính tổ chức kỷ luật, chủ nghĩa cá nhân từng bước được đẩy lùi. Công tác phát triển đảng được Chi bộ quan tâm, chú ý quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn, nhất là cán bộ chủ chốt xã, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc ít người; bình quân hàng năm kết nạp từ 2 đến 3 đảng viên mới. Chấp hành Thông tư 24 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng, hàng năm Chi bộ xã tiến hành kiểm điểm cá nhân gắn với xem xét tư cách đảng viên. Đảng viên loại 1, loại 2 chiếm trên 85%; một số đảng viên thường xuyên bỏ sinh hoạt, không đủ tư cách, Chi bộ cũng kiên quyết đưa ngay ra khỏi hàng ngũ của Đảng (năm 1983 Chi bộ khai trừ 2 đảng viên). Do vậy năng lực lãnh đạo của Chi bộ xã được nâng lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương xã vẫn còn tồn tại yếu kém, đó là: về sản xuất nông nghiệp, tình trạng thiếu nước tưới tiêu (do chưa làm thủy lợi) cùng với thời tiết khô hạn nên nhiều diện tích lúa, nhất là lúa Đông Xuân giảm mạnh, nhiều diện tích bắp trong nhiều năm phải tĩa đi tĩa lại; mỳ, lang chỉ đạt 45 - 50% kế hoạch; năng suất cây trồng thấp, năng xuất lúa bình quân đạt 25 tạ/ha, kinh tế vườn hộ chưa phát triển; tình trạng bán lúa non, đôi giáp hạt vẫn còn xảy ra trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của xã, các tập đoàn sản xuất ở một số thôn như Nam Hiệp, Quảng Hiệp gặp khó khăn, Bí thư, cấp ủy không nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy. Một số chủ trương của cấp ủy, chính quyền trong việc di

dời chợ, xây dựng trụ sở Ủy ban, trạm xá xã hao tốn tiền của, gây lãng phí không nhận được sự đồng tình của nhân dân. Huyện ủy ban hành các Quyết định xử lý kỷ luật một số cán bộ chủ chốt của xã do không hoàn thành nhiệm vụ trong cải tạo quan hệ sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa trên địa bàn xã Ka Đô và trên một số mặt lãnh đạo chủ yếu. An ninh chính trị tuy giữ vững sự ổn định, nhưng trong trấn áp bọn phản cách mạng, tư tưởng của một số đảng viên còn chần chừ, hữu khuynh. Về xây dựng hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền đôi lúc đôi nơi còn rời rạc, quan liêu chưa đi vào chức năng quản lý Nhà nước,... một số cán bộ UBND do đời sống khó khăn bỏ việc không làm. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng qua Đại hội đều hình thành Ban Chấp hành nhưng không duy trì hoạt động; các hội viên một số đoàn thể Nông dân, Đoàn thanh niên không hoạt động, làm cho địa phương gặp nhiều khó khăn. Công tác lãnh, chỉ đạo của Chi bộ đối với Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội còn yếu nên chưa phát huy sức mạnh tổng hợp hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh.

Những thành tích ban đầu của Chi bộ và nhân dân tuy còn nhỏ bé, nhưng là động lực thúc đẩy phong trào hoạt động cách mạng địa phương tiến lên vững chắc.

Xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở tấn công truy quét bọn Fulro:

Ngay sau ngày giải phóng, trên địa bàn xã Ka Đô nói riêng, tỉnh Lâm Đồng và cả Tây Nguyên nói chung phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức mới:

Ngay sau ngày 02 tháng 4 năm 1975, một số tàn quân ngụy, bọn Fulro đã chạy vào rừng thành lập tổ chức phản động có vũ trang hoạt động chống lại cách mạng và nhân dân như thành lập quận BoD'ran, sư đoàn Bidoup, các PC, toán tập đứng chân hoạt động trên các vùng rừng núi Đơn Dương, trong đó có nhiều đối tượng giữ các chức vụ quan trọng trong Nhà nước Fulro (Đệ nhất Phó Thủ tướng và Tư lệnh Quân khu IV Fulro là người xã Ka Đô).

Năm 1977 tình hình biên giới Tây Nam ở nước ta có nhiều diễn biến phức tạp, bọn PolPot - Iengsari, bọn Fulro đã liên lạc móc nối với các cá nhân, tổ chức của Trung Quốc xin cầu viện và phía Trung Quốc đã có những hậu thuẫn cho chúng chống lại nhân dân Campuchia, chống lại Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Năm 1978, bọn phản động Trung Quốc đưa ra chiêu bài “Việt Nam bài xích, xua đuổi người Hoa”, kêu gọi người Hoa ở Việt Nam về Trung Quốc “ai không về là phản bội lại Tổ quốc”, nhiều bà con người Tày, Nùng, người Việt gốc Hoa trên cả nước làm hồ sơ xin xuất cảnh về Trung Quốc, trong đó có người Hoa tại Nam Hiệp, Nghĩa Hiệp xã Ka Đô, vấn đề trên đã tác động ảnh hưởng xấu trong người Hoa, làm cho họ thiếu an tâm, hoang mang lo lắng. Nhiều tổ chức phản động xâm nhập địa bàn; Tiểu đoàn Lê Văn Duyệt (E8) phát triển thành Trung đoàn 8 Lê Văn Duyệt, hoạt động trên vùng núi các xã Lạc Xuân, Lạc Lâm, Ka Đô, Ka Đơn, Tu Tra, Thạnh Mỹ. Ở bên trong chúng xây dựng cơ sở nằm vùng, tiếp tế, trong đó

chúng thành lập 3 đường dây liên lạc (gồm Ma Be ở Lạc Xuân; Tứ Kiệt và Bston²⁰ ở Lạc Lâm) và 02 đường dây hoạt động (Thames 1, hoạt động từ Lạc Lâm sang Ka Đô, Thames 2, hoạt động từ Lạc Lâm lên Thanh Mỹ; thành lập Sư 219, Tòa án Lâm Đồng đã xử và kết án một số nhân vật cầm đầu trong các đường dây trên.

Từ năm 1978 - 1980 mặc dù ta đã xây dựng nhiều cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tuy nhiên quần chúng ở đây bị bọn đầu sỏ tổ chức phản động Fulro kèm kẹp, không chế phải nghe, làm theo chúng. Chúng đã tuyên truyền, lôi kéo hàng chục thanh niên dân tộc thiểu số của xã Ka Đô trốn lên rừng theo Fulro nhằm thực hiện ý đồ tuyển chọn sang Campuchia huấn luyện rồi đưa về Việt Nam hoạt động chống lại cách mạng.

Tổ chức phản động Fulro trên địa bàn quyết liệt chống phá cách mạng, đã cấu kết với bọn phản động đội lốt tôn giáo, nhất là bọn phản động trong đạo Tin Lành, có nhiều hành động manh động, liều lĩnh, vừa tấn công vũ trang, vừa hoạt động khủng bố, khống chế quần chúng vùng đồng bào dân tộc thiểu số²¹. Mặt khác, bọn nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động không chịu cải tạo ngấm ngấm hình thành tổ chức phản động, hoạt động chống lại chủ trương của ta trong việc thành lập tập đoàn sản xuất; vận động quần chúng giãn dân, đi xây dựng vùng kinh tế mới, lén lút chờ thời cơ để thực hiện âm mưu gây rối, bạo loạn gây cho ta nhiều khó khăn.

Thực hiện Chỉ thị 04-CT/TW ngày 02/2/1977 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) về việc tiếp tục đẩy mạnh truy quét Fulro; Huyện ủy Đơn Dương ra Chỉ thị số 10-CT/HU về việc thực hiện phương án phòng chống bạo loạn. Chỉ thị nêu rõ trong công tác cần tập trung các địa bàn trọng điểm; đối với ba thôn dân tộc xã Ka Đô, các xã Tu Tra, Ka Đơn là địa bàn chống đột kích vũ trang của bọn phản động Fulro. Thực hiện Chỉ thị trên, cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể xã đã xây dựng được một Đội công tác gồm 3 đồng chí Nguyễn Minh, Đỗ Phú Giáp, Lê Phước Thọ bám 4 thôn dân tộc, tổ chức quán triệt, tuyên truyền vận động đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, tranh thủ nhân sỹ, trí thức, già làng người dân tộc²², tập hợp trong ban vận động kêu gọi người ngoài rừng trở về, vận động bà Bút²³ dùng nhà của mình xây dựng chuyên án đưa người cài cắm (trong đó có y tá làm ở trạm xá xã) vào nội bộ Fulro ở ngoài rừng, mặt khác Chi bộ, Chính quyền đã kịp thời củng cố, chấn chỉnh đội ngũ cán bộ thôn, xã, loại bỏ những cán bộ tha hóa, biến chất, công thần địa vị, ổn định được an ninh trật tự, tạo sự yên tâm sản xuất, khôi phục lòng tin của nhân dân vào chính quyền cách mạng. Lực lượng bán vũ trang xã phối hợp với lực lượng vũ trang của huyện, tỉnh thực hiện nhiệm vụ tấn công địch toàn diện. Từ địa điểm liên lạc, trao đổi tin tức

²⁰ Nhóm hoạt động phản cách mạng chuyên đi xe máy Nhật hiệu Bridgestone (BS).

²¹ Đêm ngày 26/6/1978, Fulro đột nhập vào thôn Ka Đô Mới, giết chết Trưởng thôn.

²² Có cụ Hưng (bố vợ đồng chí Đrong Dao - Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện), cụ Ya Sáu (bố vợ đồng chí Touprong Dzong - Nguyên Chủ tịch UBND xã Ka Đô), Ya Ta, Ya Ga, vợ chồng chị Ma **Đoan** (con cụ Hưng).

²³ Mẹ đồng chí Trương Văn Bình, hiện nay là Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

giữa ta và các cơ sở cài cắm ngoài rừng, ở trong thôn đồng bào, chúng ta quán triệt phương châm xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở, tấn công truy quét bọn Fulro ngoài rừng, bóc gỡ các cơ sở cài cắm ở trong ấp, ngăn chặn tiếp tế có hiệu quả, cô lập địa bàn hoạt động của chúng; thường xuyên truy quét, đẩy bọn Fulro ra xa địa bàn. Trong năm 1979, bình quân mỗi tháng chúng ta tổ chức 3 đợt truy quét, trong mỗi lần truy quét đều gặp địch và ta đánh thắng, tiêu diệt được tên Trung uý Fulro, người thôn Ka Đô Mới. Tháng 9 năm 1979, lực lượng dân quân xã đã phản ứng nhanh, kịp thời ứng cứu, giải vây cho Trung đội Công an huyện đóng tại thôn Ka Đô Mới²⁴ bị Fulro tấn công, trong trận này, Trung đội trưởng Đoạt, y sỹ Hợi bị thương, ta đã sơ cứu và chuyển bệnh viện tuyến trên kịp thời. Tháng 11 năm 1979, Ban Chỉ đạo 04 của các tỉnh Tây Nguyên tổ chức hội nghị tổng kết, lấy Ka Đô - Đơn Dương làm điển hình học tập, xây dựng lực lượng cách mạng tại cơ sở, tấn công truy quét bọn Fulro. Năm 1980, 1981 phát huy những kết quả đã đạt được các cơ sở nội tình của ta cài cắm đã tiến hành có hiệu quả, thường xuyên, theo dõi di biến động của bọn Fulro ngoài rừng một cách kịp thời nhất là của bọn chủ chốt, đầu xỏ; bọn cài cắm ở bên trong và bọn thường xuyên tiếp tế ra rừng. Lực lượng bán vũ trang xã tổ chức nhiều trận phục đánh địch, tiêu diệt nhiều tên, phục vụ trận đánh của lực lượng vũ trang huyện tiêu diệt tên đầu xỏ tại làng M'răng năm 1983,...góp phần giải quyết cơ bản vấn đề Fulro có vũ trang ngoài rừng ở Ka Đô vào năm 1983, thực hiện tốt Chỉ thị 04 của Trung ương.

2. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã vượt qua khó khăn, thử thách thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (Tháng 12/1986 - 1995):

Tháng 12 năm 1986, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị... mà trước hết là đổi mới về kinh tế. Đại hội nhấn mạnh sự tồn tại khách quan của cơ cấu nhiều thành phần kinh tế. Đại hội đã đề ra 3 chương trình kinh tế lớn là chương trình lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng về phát triển đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Quán triệt và thực hiện Nghị quyết VI của Đảng; Đảng bộ tỉnh và huyện đề ra Nghị quyết nhằm cụ thể hóa, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ xã Ka Đô tiến hành Đại hội nhiệm kỳ 4, Đại hội đã nghiêm túc đánh giá những thành tựu và hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ về phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm 1986 - 1990, trong điều kiện khí hậu và thời tiết diễn biến khác thường đã ảnh hưởng đến ngành nông, lâm nghiệp và đời sống người dân trong xã,

²⁴ Trung đội này được Công an huyện điều về năm 1978 đóng tại thôn Ka Đô Mới làm nhiệm vụ phát động quần chúng bóc gỡ Fulro nằm vùng.

Chi bộ đã chỉ đạo các tập đoàn sản xuất, hộ xã viên đẩy mạnh thâm canh tăng vụ trên diện tích hiện có, phát triển chăn nuôi.

Trong sản xuất nông nghiệp, một số cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày được bổ sung vào cơ cấu cây trồng, làm tăng thêm thu nhập và góp phần ổn định đời sống cho nhân dân. Công tác giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình cũng đạt những kết quả bước đầu. Các hộ xã viên đã nhận khoán khoanh nuôi, bảo vệ rừng và trồng rừng mới nên đã hạn chế được nạn phá rừng làm rẫy.

Qua hơn 6 năm thực hiện khoán 100, thực tế cho thấy công tác quản lý các tập đoàn sản xuất của hợp tác xã không theo kịp tình hình mới. Thời gian đầu, động cơ vượt khoán đã kích thích các hộ đầu tư thâm canh để tăng thu sản phẩm được khoán. Song quá trình thực hiện, việc đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất còn chậm, dịch vụ cung ứng giống vật tư nông nghiệp không kịp thời. Sản xuất tuy có phát triển nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, không đáp ứng được yêu cầu chung, đời sống nông dân bấp bênh, gặp nhiều khó khăn. Đứng trước thực tế đó, Đảng ta đã có những biện pháp thích hợp nhằm khắc phục những hạn chế, bế tắc của việc khoán 100, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý nông nghiệp. Ngày 05/4/1988 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý nông nghiệp mở đầu thời kỳ đổi mới trong nông nghiệp và nông thôn nước ta, hộ gia đình xã viên được coi là một đơn vị kinh tế độc lập tự chủ.

Thực hiện khoán 10, Chi bộ xã đã chỉ đạo triển khai khoán trên diện rộng, từ đây kinh tế hộ gia đình bước đầu phát huy được tác dụng, hiệu quả, việc thâm canh tăng vụ được coi trọng, phát huy năng lực sản xuất hộ gia đình, khuyến khích hộ xã viên sản xuất kinh doanh giỏi đồng thời có điều kiện để giúp các hộ nghèo vươn lên. Tuy nhiên, về cơ bản kinh tế của xã vẫn mang tính tự cấp, tự túc, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, vụ mùa chưa thực sự hợp lý. Công tác quản lý kinh tế nhất là kinh tế tập thể còn nhiều yếu kém, ngành nghề không phát triển, vào lúc nông nhàn lao động thường thiếu việc làm, một số hộ nông dân nhất là hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn do sản xuất còn quảng canh, chưa chú trọng năng suất cây trồng, một số hộ bỏ sản xuất, tập trung đi đào đãi vàng, thiếu đói thời kỳ giáp hạt (tập trung nhiều nhất ở 2 thôn Ka Đô Mới và thôn Taly).

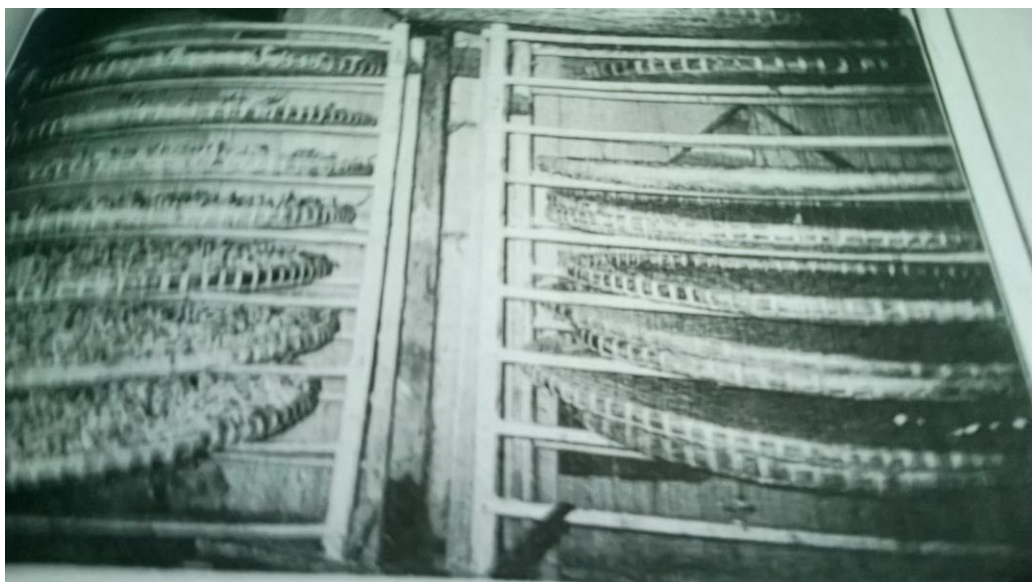
Công tác xây dựng cơ bản như xây dựng điện dân lập, đường giao thông, thủy lợi, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như trạm y tế, trường học được quan tâm với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Chi bộ đã vận động sức người, sức của được nhân dân tích cực hưởng ứng như xây dựng đường điện dân lập (năm 1987), đường điện dân lập đầu tiên của Tỉnh, Huyện, mỗi hộ nhân dân đóng góp 100kg đường tán thủ công tương đương 0,1 lượng vàng lúc bấy giờ.



Lễ cắt băng khánh thành đường điện dân lập xã Ka Đô năm 1987

(Đồng chí Nguyễn Trung Tín, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, người đứng hàng đầu; Đồng chí Huỳnh Minh Xuyên, nguyên Bí thư Huyện ủy Đơn Dương, người đứng thứ hai hàng đầu từ phải sang)

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, chỉ đạo từng bước thay đổi cây trồng, phát triển nhanh cây công nghiệp ngắn và dài ngày nhất là cây dâu, xuất hiện nhiều hộ chuyển sang trồng dâu nuôi tằm mang lại hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng được nhu cầu trong đời sống xã hội; tăng thu nhập cho người nông dân.



Nghề trồng dâu nuôi tằm

Về cây lương thực, chỉ đạo thâm canh cây lúa nước 2 vụ, tổng sản lượng duy trì 3.500 tấn đến 4.000 tấn. Bước đầu đã giải quyết lương thực cho nhân dân, đồng thời còn giành một phần đáng kể cho chăn nuôi và hàng năm làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Về lâm nghiệp, với diện tích rừng tự nhiên là 6.000ha và 500ha rừng trồng các năm, phát động trồng cây nhân dân chống xói mòn.

Về tiểu thủ công nghiệp, phát triển một số ngành nghề trong các tập đoàn sản xuất và hộ cá thể như chế biến đường thô, khai thác cát đá, chế biến gỗ tạn dụng, cơ khí và xay xát, uơng tơ, khai thác lâm sản phụ tạo được giá trị hàng hóa trên cơ sở nguyên liệu nông nghiệp và lâm nghiệp.

Trong phát triển ngành nghề chế biến, các cơ sở dịch vụ nông nghiệp và các ngành nghề khác cũng được chú ý mở mang đã giải quyết một lượng lớn lao động lúc nông nhàn ở địa phương.

Về lĩnh vực phân phối lưu thông, hợp tác xã mua bán không hoạt động, đến giữa năm 1988 được củng cố bước đầu đi vào hoạt động như liên doanh vốn với tư nhân mua phương tiện vận tải nhưng không duy trì lâu. Hợp tác xã tín dụng hoạt động khá hơn đã hỗ trợ cho một số hộ phát triển sản xuất và chăn nuôi; kinh doanh có lãi đảm bảo lương cho cán bộ đồng thời trích nguồn kinh phí để đầu tư cho việc xây dựng, sửa chữa các phòng học, trường mẫu giáo.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong thời kỳ này do có nhiều tác động của đời sống kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của cả nước và địa phương nên có nhiều khó khăn. Tình trạng giáo viên bỏ nghề, học sinh bỏ học ảnh hưởng đến sự phát triển của giáo dục. Chi bộ xã đã tích cực vận động các thầy cô giáo và nhân dân khắc phục khó khăn, đồng thời sửa chữa và xây dựng thêm nhiều phòng học mới. Công tác y tế, văn hóa thông tin, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được chú trọng; các hủ tục mê tín dị đoan trong vùng đồng bào dân tộc dần dần được xóa bỏ.

Công tác an ninh quốc phòng, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở các thôn, nhất là 3 thôn đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao nhận thức cách mạng trong nhân dân. Cuối năm 1985, Ka Đô đã cơ bản giải quyết vấn đề lực lượng Fulro hoạt động ngoài rừng, quản lý được số về đầu hàng, đầu thú. Duy trì hoạt động của 2 lực lượng công an và quân sự như trực bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ các mục tiêu, tổ chức tập huấn, huấn luyện cho lực lượng Công an viên và lực lượng dân quân du kích. Hàng năm đồng viên lực lượng thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự theo chỉ tiêu trên quy định.

Công tác xây dựng Đảng, Chi bộ tổ chức nghiên cứu việc học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa VI; Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, huyện đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đảng bộ huyện, Chi bộ duy trì chế độ sinh hoạt, từ đó tạo được sự nhất trí trong nội bộ Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên về ý thức trách nhiệm trước phong trào cách mạng của quần chúng, giải quyết được những vấn đề tồn đọng trong công tác xây dựng Đảng lâu nay. Trên cơ sở nắm bắt và vận dụng những quan điểm đổi mới của Đảng vào tình hình cụ thể, từ đó đặt ra nhiệm vụ chính trị để lãnh đạo quần chúng trong thời gian tới.

Về công tác tổ chức bộ máy chính quyền, Chi bộ từng bước củng cố lại tổ chức UBND, các ban thôn, động viên các đồng chí đã nghỉ hưu tiếp tục tham gia công tác. Thông qua đợt sinh hoạt Nghị quyết 04 đã tiến hành củng cố các ban ngành, đoàn thể của xã, hoạt động có tiến bộ hơn, đã lãnh đạo, vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương trong lĩnh vực phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, giải quyết tháo gỡ nhiều vướng mắc, khó khăn trong xã hội.

Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, xã Ka Đô đã có những thay đổi nhanh chóng, kinh tế phát triển mạnh, bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh như cây mía, cây cà phê và cây dâu tằm cũng đã được nhân dân tính toán đưa vào sản xuất chính. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cũng nhanh chóng được đầu tư đáp ứng một phần nhu cầu của nhân dân. Thôn Quảng Hiệp với truyền thống đấu tranh trong cách mạng đã có những đột phá trong cách nghĩ, cách làm, đa dạng trong phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, xét về mặt địa hình thì thôn Quảng Hiệp với phần còn lại của xã Ka Đô cũng được ngăn cách bởi những vùng trũng được gọi là các sinh. Năm 1988, Ban Thường vụ Huyện ủy đã có chủ trương xem xét lại một số xã để có lộ trình chia tách, nâng cấp và đổi tên cho phù hợp với trình độ, năng lực điều hành của đội ngũ cán bộ, như nâng xã Lạc Nghiệp thành thị trấn D'ran, chia tách xã Ka Đô, xã Ka Đơn,...

Thực hiện Quyết định số 135-HĐBT ngày 16/9/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc tách xã Ka Đô thành 02 xã mới; xã Ka Đô và xã Quảng Lập.

Tháng 10 năm 1989, Huyện ủy có Nghị quyết số 52/QĐ-TV về việc tách tổ chức cơ sở Đảng xã Ka Đô thành 02 tổ chức cơ sở Đảng. Theo đó, tách cơ sở Đảng xã Ka Đô thành 02 cơ sở Đảng lấy tên là cơ sở Đảng xã Ka Đô và cơ sở Đảng xã Quảng Lập. Cơ sở Đảng xã Ka Đô có 12 đảng viên, đồng chí Lê Văn Hộ giữ chức Bí thư, đồng chí Trần Xuân Tám và đồng chí Ya Ta, Chi ủy viên. Cơ sở Đảng xã Quảng Lập có 14 đảng viên, chỉ định đồng chí Đặng Công Minh giữ chức Bí thư, đồng chí Võ Văn Danh và đồng chí Thiệu Văn Còn, Chi ủy viên, việc thành lập 02 cơ sở Đảng mới mở ra thời kỳ phát triển mới cho cả 02 xã Ka Đô và Quảng Lập.

Những tồn tại hạn chế:

Cơ cấu kinh tế được Nghị quyết Chi bộ xác định nông lâm công nghiệp nhưng trong quá trình chỉ đạo thực hiện các ngành chưa có sự tác động qua lại hỗ

trợ phát triển, mới chú trọng đến sản xuất nông nghiệp, ngành nghề phát triển còn mang tính tự phát. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế, nhất là đối với cây lúa nước. Trong lâm nghiệp, việc quản lý và bảo vệ rừng còn để tình trạng bị cháy rừng, phát nương làm rẫy, chặt phá cây rừng.

Lĩnh vực phân phối lưu thông nặng kinh doanh đơn thuần chưa phục vụ sản xuất; thương nghiệp Xã hội chủ nghĩa chi phối thị trường tự do hạn chế dẫn đến tình trạng tranh mua tranh bán với Nhà nước, tập thể.

Ngân sách còn thất thu, quản lý thị trường còn buông lỏng, nợ thuế nông nghiệp lớn (3 thôn dân tộc với gần 30 tấn). Thu và sử dụng nguồn vốn huy động nghĩa vụ lao động còn nhiều khó khăn. Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả không cao như công trình điện đưa vào sử dụng chưa đầy năm đã phải sửa chữa lớn ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Về quan hệ sản xuất, hầu hết các tập đoàn sản xuất ở các thôn chỉ mới quản lý về đất đai và thuế còn nội dung kế hoạch, điều hành sản xuất còn nhiều lúng túng. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất tập thể trì trệ gây ảnh hưởng về mặt tâm lý, cần phải xác định lại hình thức, quy mô sản xuất cho phù hợp với điều kiện canh tác của bà con.

Về chính quyền cơ sở thì chưa thực hiện được chức năng quản lý hành chính kinh tế. Trong quản lý kinh tế việc xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, thu ngân sách còn để thất thu lớn đối với một số nguồn thu, mặt khác lại can thiệp, tác nghiệp quá sâu ở các tập đoàn sản xuất vừa gây khó khăn vừa tạo ra tư tưởng ỷ lại ở các đơn vị kinh tế tập thể. Việc giải quyết quyền lợi đất đai trong nhân dân còn hạn chế và chưa đúng với pháp luật hiện hành. Ruộng đất trong nội bộ nhân dân và bà con dân tộc phát sinh nhiều phức tạp như tình trạng tranh chấp, thuê mướn đất trái pháp luật, bán lúa non. Kỷ cương pháp luật Nhà nước, xây dựng nếp sống mới Xã hội chủ nghĩa bị buông lỏng xem nhẹ.

Lĩnh vực an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp so với những năm trước, thanh niên ở các thôn hay uống rượu say, một số vụ đánh nhau gây thương tích. Cấp ủy Đảng chưa làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong quần chúng, tư tưởng phổ biến trong giai đoạn này là tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, phân biệt không rõ trước những thủ đoạn phá hoại về kinh tế, chính trị, các luận điệu chiến tranh tâm lý gây hoài nghi của các phần tử xấu. Trong phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng thực lực cách mạng, xây dựng hệ thống chính trị. Công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm chưa có sự tham gia đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể và lực lượng quần chúng trong xã. Công tác rắn đe, giáo dục trong xử lý tội phạm chưa kịp thời.

Về xây dựng hệ thống chính trị, hoạt động của Nhà nước cơ sở trong tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chi bộ, HĐND xã còn thiếu đồng bộ, chưa xác định rõ

chức năng quản lý hành chính với quản lý kinh tế, nhất là quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể. Mặt trận và các đoàn thể được hình thành, được củng cố về mặt tổ chức nhưng nội dung, phương thức hoạt động thiếu tính cụ thể, còn chung chung, chưa làm tốt chức năng động viên giáo dục, tổ chức quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra; mặt khác đoàn viên, hội viên trong một số đoàn thể quần chúng còn thiếu năng động, trách nhiệm, không thể hiện rõ vai trò của mình trước quần chúng.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Chi ủy, Chi bộ và từng đảng viên nắm bắt và vận dụng quan điểm đổi mới của Đảng vào tình hình thực tế còn nhiều hạn chế. Thực hiện nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ còn vi phạm. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện Nghị quyết của Đảng chưa thường xuyên dẫn đến những hiện tượng đảng viên vi phạm khuyết điểm chậm phát hiện; đấu tranh phê và tự phê bình thiếu kiên quyết nên ít nhiều ảnh hưởng đến phong trào cách mạng của quần chúng. Công tác phát triển đảng viên mới chậm. Việc bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa còn nhiều khó khăn.

Mặc dù còn một số hạn chế trong những năm đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước của Đảng, nhưng những kết quả đã đạt được, những kinh nghiệm bước đầu về đổi mới quản lý kinh tế, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền đã tạo cơ sở niềm tin của Đảng, nhân dân xã tiếp tục phấn đấu khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Giai đoạn 1991 - 1995: Về sản xuất nông nghiệp, Nghị quyết Chi bộ xác định phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa các loại cây trồng, chủ lực vẫn là cây dâu và cây rau thương phẩm. Mặc dù giá cả thị trường có nhiều biến động, nhưng diện tích dâu không biến động, vẫn duy trì 320ha, diện tích trên có giảm hơn so với những năm trước là 19ha, cây dâu đã tạo được nguồn thu nhập ổn định và thường xuyên làm cho đời sống nhân dân phát triển. Cây rau thương phẩm tăng nhanh từ 150ha (năm 1991) lên 330ha; nhiều gia đình đã có thu nhập cao từ cây rau không những ổn định đời sống mà còn vươn lên làm giàu. Cây lương thực ổn định về diện tích, năng suất tăng (cây lúa từ 28 đến 32 tạ/ha đã tăng lên 40 tạ/ha). Chăn nuôi phát triển ổn định, tổng đàn trâu bò tăng từ 960 con lên 1.270 con đã tạo nguồn phân bón và sức kéo cho nông nghiệp. Đàn gia súc, gia cầm được phát triển tạo nguồn thực phẩm dồi dào cho địa phương.



Cây rau thương phẩm

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước ổn định đời sống không còn đói giáp hạt như mọi năm trước, chấm dứt được tình trạng phá rừng làm rẫy.

Thương nghiệp cung ứng và phát triển đáp ứng được yêu cầu về sản xuất và tiêu dùng cho nhân dân.

Về phát triển cơ sở hạ tầng, bằng nguồn vốn Nhà nước kết hợp với sự đóng góp của nhân dân đã đầu tư xây dựng cống rãnh và mặt bằng khu chợ, xây dựng nhà làm việc cho các đoàn thể, nâng cấp đường liên thôn, xây dựng công trình thủy lợi Kazam; trạm xá, xây dựng cống thoát nước ở Taly, các phòng học, giếng nước ở vùng đồng bào dân tộc.

Nhìn chung các nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở xã còn ít so với nhu cầu phát triển, song đã tạo những tiền đề thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong những năm về sau.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, cơ sở vật chất trường lớp được xây dựng và sửa chữa đảm bảo nhu cầu học tập và giảng dạy. Trên địa bàn xã có 5 trường học; trong đó có 01 trường cấp 2, 02 trường cấp 1, 02 trường mẫu giáo, đội ngũ giáo viên đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Ngành giáo dục duy trì mở các lớp xóa mù chữ ở 3 thôn dân tộc, hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục bậc Tiểu học trên toàn xã. Công tác y tế, tập trung vào thực hiện các chương trình y tế quốc gia như phòng

chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng, chống mù lòa được thực hiện tốt đạt tỷ lệ 94%. Bằng các nguồn vốn các dự án chương trình 327, xóa đói giảm nghèo, nguồn vốn vay thế tín chấp của các đoàn thể đã tạo điều kiện cho những hộ đói nghèo vươn lên, đời sống ổn định hơn trước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số không còn cứu đói; toàn xã có 67 hộ nghèo đã vươn lên, nhiều gia đình đảng viên đời sống khó khăn được vay vốn để phát triển sản xuất và tạo điều kiện để ổn định cuộc sống, không có gia đình đảng viên nằm trong diện nghèo. Đời sống các gia đình chính sách được ổn định, có nhiều hộ khá. Các tệ nạn xã hội, hủ tục mê tín dị đoan giảm, tạo môi trường văn hóa lành mạnh trên địa bàn dân cư.

Lĩnh vực quốc phòng an ninh, giữ vững được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong xây dựng thực lực cách mạng đã củng cố và phát triển các tổ an ninh nhân dân, đội dân phòng. Lực lượng Công an xã đảm bảo chất lượng chính trị. Qua tổng kết phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc 5 năm nhiều tập thể, cá nhân được tỉnh, huyện tặng bằng khen, giấy khen. Lực lượng dân quân có 01 trung đội cơ động và du kích các thôn, trong các năm đã hoàn thành tốt các đợt huấn luyện quân sự địa phương đảm bảo chất lượng, bảo đảm các điều kiện trang bị làm việc ngoài nguồn vốn ngân sách. Đơn vị cơ bản ổn định về tổ chức và tăng cường chất lượng đơn vị, đã làm tốt các đợt giao quân và lập hồ sơ xử lý những trường hợp trốn khám, bỏ ngũ hàng năm, xây dựng tốt lực lượng dự bị động viên và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Về xây dựng hệ thống chính trị, tháng 5 năm 1992, đồng chí Dương Hùng Bảo sau khi tốt nghiệp Trường Nguyễn Ái Quốc, được Huyện ủy tăng cường về làm Bí thư Chi bộ xã Ka Đô, đề củng cố và nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, Chi bộ xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nên đã hướng tập trung vào việc nâng cao chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi ủy, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đảm bảo sự hoạt động của chi bộ theo quy chế thống nhất nên đã tạo được sự đồng bộ trong hoạt động, sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ đảng và toàn xã hội. Đối với đảng viên, Chi ủy làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, do vậy về mặt tư tưởng của đảng viên ổn định, hạn chế những biểu hiện lệch lạc, đoàn kết nội bộ được giữ vững. Đối với các tầng lớp nhân dân, tăng cường giáo dục đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cùng với giải quyết tốt những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân đã tạo sự đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc, các tôn giáo, làm cho nhân dân có niềm tin vào Đảng bộ, Chính quyền địa phương.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được Chi bộ hết sức quan tâm. Trong nhiệm kỳ đã cử nhiều đồng chí đi học các lớp đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ ở Tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh.

Chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, chủ động tham gia sinh hoạt ở các tổ Đảng; gặp gỡ tiếp xúc những đảng viên có dư luận không tốt để góp ý, không những góp ý về tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật mà còn góp ý về thái

độ tác phong, cung cách cư xử trong gia đình, với quần chúng nhân dân. Do vậy đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc, ngăn ngừa những sai phạm nghiêm trọng, bảo vệ uy tín của Đảng, của từng đảng viên. Kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1994, các đảng viên được Chi bộ đưa ra ứng cử đều trúng cử với kết quả cao.

Chất lượng chính trị của HĐND, UBND xã được nâng lên. Trong chính quyền cấp xã tỷ lệ đảng viên chiếm gần 60%.

Năm 1994, tách thôn Nam Hiệp thành 02 thôn Nam Hiệp 1 và Nam Hiệp 2, thôn Nghĩa Hiệp thành 02 thôn Nghĩa Hiệp 1 và Nghĩa Hiệp 2. Năm 1995 tách thôn Taly thành 02 thôn Taly 1 và Taly 2 để thuận lợi cho công tác quản lý và điều hành.

Hoạt động của UBND xã có nhiều chuyển biến, đã xây dựng được Quy chế hoạt động và bám sát các chương trình trọng tâm của Chi bộ, thể hiện được tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân tốt, đảm bảo tính dân chủ trong hoạt động, gắn kỷ luật, kỷ cương, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước. Nội dung các cuộc họp HĐND được lãnh đạo chặt chẽ và phát huy được tính dân chủ, các kỳ họp đề ra được những vấn đề cần tập trung giải quyết và những vướng mắc cần phải tháo gỡ.

Mặt trận và các đoàn thể tập trung hướng về cơ sở các thôn, đáp ứng nhu cầu lợi ích thiết thực của quần chúng, chú trọng cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần như: Tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và cả nguồn vốn tín chấp, các hình thức tương trợ giúp nhau làm kinh tế gia đình, tổ tiết kiệm tương trợ, về lợi ích tinh thần đáp ứng nhu cầu học hỏi về văn hóa, kiến thức nông nghiệp (đã tổ chức chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất cho bà con nông dân với 500 lượt người tham gia với kỹ thuật trồng dâu nuôi tằm, cà chua, sử dụng các loại phân, thuốc), văn nghệ, thể dục thể thao,... Từ các nguồn vay tín chấp của các đoàn thể đã giúp cho các đoàn viên, hội viên trong 3 năm từ 1993 - 1995 vay với số tiền 1 tỷ đồng. Qua tổng kết, các hộ vay từ các dự án đã làm ăn có hiệu quả và hoàn trả vốn đúng thời hạn, đặc biệt vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuy hiệu quả sử dụng đồng vốn chưa cao nhưng bước đầu đã hướng dẫn bà con sử dụng đồng vốn vào sản xuất, không có tình trạng vay vốn để tiêu dùng, mua sắm phương tiện xe máy, hàng gia dụng, tiếp cận dần với sản xuất hàng hóa trong cơ chế thị trường. Điều kiện cơ sở vật chất làm việc và kinh phí hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể được quan tâm hơn. Nhờ xác định hướng đi đúng, trong tổ chức thực hiện có sự phối hợp tương đối đồng bộ nên Mặt trận và các đoàn thể xã có nhiều chuyển biến, ổn định về mặt tổ chức, tập hợp được quần chúng đoàn, hội viên; thông qua các phong trào hành động cách mạng của Mặt trận và các đoàn thể tạo nguồn cho Đảng. Công tác phát triển đảng viên mới có chiều hướng tốt, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ những năm về sau.

Với những thành tích trên, năm 1994, Chi bộ xã Ka Đô là chi bộ xã đầu tiên của Huyện cùng với Chi bộ Công an, Chi bộ Quân sự,... được công nhận là chi bộ trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên việc thực hiện Nghị quyết Chi bộ vẫn còn bộc lộ những hạn chế tồn tại đó là: chưa xác định được nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Sản xuất có phát triển nhưng so với tiềm năng và thế mạnh sẵn có ở địa phương vẫn chưa khai thác hết, nhất là tổ chức vận động sức dân xây dựng các công trình theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm còn hạn chế.

Hợp tác xã mua bán xã, một trong ba ngọn cờ hồng ở nông thôn, sau một thời gian dài hoạt động đã tan rã.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản giữ vững nhưng tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn định đặc biệt vấn đề tôn giáo, dân tộc.

Trình độ năng lực của cán bộ trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên chưa thể hiện cao.

Mặt trận và các đoàn thể xã cũng cố và xây dựng thực lực cách mạng chưa chú trọng đến phát triển đoàn viên, hội viên. Nội dung hoạt động của một số đoàn thể có lúc chưa bám sát Nghị quyết Chi bộ đã đề ra; tổ chức thực hiện Nghị quyết chưa sâu rộng và nghiêm túc.

Về công tác Đảng, hoạt động của các tổ Đảng nông thôn còn hạn chế, chưa thực sự làm hạt nhân, trung tâm cho các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở thôn, xóm và cơ sở.

3. Thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2010):

Khai thác tiềm năng thế mạnh, tạo bước tăng trưởng về kinh tế:

Từ ngày 22 đến ngày 24/03/1996, Đảng bộ huyện Đơn Dương tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ VII. Đại hội đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 1996 - 2000 là: Tạo sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp, tính năng động sáng tạo của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương nhằm ổn định về chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, tạo bước tăng trưởng nhanh về kinh tế đi đôi với giải quyết tốt những vấn đề bức xúc xã hội, đưa Đơn Dương thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu và kém phát triển, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tiếp tục ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề cần thiết để phát triển mạnh mẽ sau năm 2000.

Để tiến tới Đại hội huyện lần thứ VII, Chi bộ xã Ka Đô tiến hành Đại hội lần thứ VI Nhiệm kỳ 1996 - 2000, đồng chí Dương Văn Sự được bầu làm Bí thư, Touprong Dzong Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã Ka Đô.



Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã nhiệm kỳ 1996 - 1998

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Đảng bộ huyện và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, tuy trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ đã đạt được những kết quả trên tất cả các lĩnh vực sau:

Về kinh tế: Ngay từ đầu các vụ mùa trong năm, Đảng ủy xã đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm để lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế, trong đó tập trung lãnh đạo gieo cấy bảo đảm thời vụ, thông tin những nguồn giống, cây giống và vật nuôi, hướng dẫn kỹ thuật cho bà con áp dụng. Diện tích gieo trồng hàng năm đạt kế hoạch giao, tổng sản lượng quy thóc đạt 2.564,4 tấn đạt 91% kế hoạch (sản lượng không đạt: 0, tình hình thời tiết không thuận lợi làm thiệt hại và giảm năng suất một số cây trồng).

Công tác thu ngân sách có nhiều cố gắng, đã lãnh đạo vận động nhân dân thực hiện các nghĩa vụ thuế và thu ngân sách, kết quả đạt 97% kế hoạch được giao. Về huy động các nguồn thu khác như lao động công ích, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống lụt bão đạt chỉ tiêu trên giao. Đây là cố gắng của Đảng bộ vì những năm trước đây, những khoản thu trên thu rất thấp hoặc thu không được.

Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng cũng được quan tâm. Trong 5 năm đã vận động nhân dân đóng góp hàng trăm triệu đồng để nâng cấp đường giao thông nông thôn, tu sửa chợ, làm mương thoát nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường và nâng cấp sửa chữa các tuyến điện, tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Cơ sở vật chất ngành giáo dục ngày càng được khang trang, bảo đảm đủ phòng ốc cho học sinh học ở các cấp học. Tỷ lệ huy động

trẻ đến tuổi ra lớp đạt 86%. Ngành đã khảo sát, lập kế hoạch và tiến hành phổ cập bậc trung học cơ sở ở những thôn có điều kiện tiến tới phổ cập trên địa bàn toàn xã. Theo quy định về y tế, trạm y tế xã quan tâm triển khai chương trình về y tế quốc gia; tiêm chủng mở rộng đạt 100%, cơ sở y tế được mở rộng, đội ngũ cán bộ y tế xã bảo đảm được điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được chú trọng, thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, vận động đã làm chuyển biến trong nhận thức của nhân dân, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2000 giảm xuống còn 1,7%.

Công tác xóa đói giảm nghèo luôn được quan tâm, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ưu tiên các nguồn vốn vay cho các hộ đói nghèo, thường xuyên tổ chức các lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật để các hộ nghèo nắm bắt được kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi; đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động sinh đẻ có kế hoạch, giảm việc ma chay, cưới hỏi linh đình, tốn kém trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã giúp cho nhiều hộ vượt được đói nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo từ 16% giảm còn 10,6%, trong đó các gia đình chính sách không còn hộ đói, hộ nghèo giảm từ 6 hộ xuống còn 2 hộ.

Về thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng: Xác định nhiệm vụ an ninh - quốc phòng là một trong hai nhiệm vụ chiến lược, trong nhiệm kỳ Đảng ủy xã đã có Nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo. Cùng cố kiện toàn Ban chỉ huy xã đội đủ số lượng và chất lượng, xây dựng lực lượng B cơ động đảm bảo trực chiến và xử lý tốt các tình huống xảy ra trên địa bàn, phối hợp cùng lực lượng công an làm tốt công tác tuần tra, canh gác bảo vệ các mục tiêu, không để xảy ra điểm nóng. Xây dựng lực lượng dân quân tại chỗ số lượng đạt 2,52%. Làm tốt công tác huấn luyện theo chương trình huấn luyện hàng năm, đơn vị đạt loại khá; công tác gọi công dân nhập ngũ đảm bảo đúng quy trình.

Lực lượng công an được củng cố kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Năm 2000 đã xây dựng mới 08 công an viên, hình thành 67 tổ an ninh nhân dân bảo đảm được trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, kịp thời xử lý những hành vi vi phạm pháp luật. Hàng năm thường xuyên tổ chức nhiều đợt phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc để phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm tạo được ý thức cảnh giác trong nhân dân, không để xảy ra trọng án trên địa bàn.

Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với HĐND và UBND xã được đặt biệt quan tâm. Thông qua đảng viên giữ các chức vụ trong bộ máy mà Đảng ủy kiểm tra đánh giá việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Chi ủy, Chi bộ trên các lĩnh vực đời sống xã hội và xây dựng tổ chức bộ máy nên hoạt động HĐND và UBND xã hoạt động có hiệu quả, đúng pháp luật. Tổ chức tốt công tác giải quyết hành chính, công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân theo luật định, không để đơn thư tồn đọng và khiếu nại nhiều lần, vượt cấp; hoàn thành cơ bản việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Mặt trận và các đoàn thể đi vào hoạt động có nền nếp và hiệu quả hơn, luôn bám sát vào các chủ trương của Đảng ủy để tổ chức vận động đoàn viên, hội viên thực hiện. Đảng ủy luôn quan tâm lãnh đạo công tác nhân sự Ban Chấp hành của các đoàn thể, phát huy vai trò, năng lực của cán bộ chủ chốt các đoàn thể trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị và tập hợp đoàn viên, hội viên. Nhiều đoàn thể đã vươn lên được đánh giá hoạt động khá.

Công tác xây dựng Đảng: Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhận thức rõ về âm mưu “*diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ*” của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta tạo ra lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với công cuộc đổi mới, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương đã đề ra. Chi ủy, Chi bộ giữ vững nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Công tác phân công và quản lý đảng viên chặt chẽ, cụ thể hơn; từng đảng viên đều được phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách, đảng viên được Đảng ủy phân công từng địa bàn một mặt để Đảng ủy nắm bắt thông tin, những bức xúc, vướng mắc từ cơ sở để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ, mặt khác để kiểm tra, đánh giá chất lượng đảng viên và nâng cao uy tín của đảng viên đối với quần chúng.

Chi ủy, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác phát triển đảng viên mới, đào tạo lớp đảng viên trẻ có trình độ năng lực để bổ trí vào các chức danh chủ chốt. Năm 1996 Chi bộ có 22 đảng viên, trong nhiệm kỳ kết nạp được 12 đảng viên mới nâng tổng số đảng viên lên 34 đồng chí đã được công nhận là Đảng bộ vào tháng 01 năm 2000 từ 4 tổ Đảng thành 7 Chi bộ trực thuộc được bổ trí trải đều trên địa bàn toàn xã, trong đó có 01 Chi bộ công an quân sự và Chi bộ giáo dục. Trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của xã tỷ lệ đảng viên chiếm 78%, cán bộ chủ chốt của thôn có 3/8 thôn có đảng viên, còn lại hầu hết là cán bộ dự nguồn để phát triển. Công tác kiểm tra được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh những vi phạm Điều lệ Đảng của từng đảng viên và Chi bộ làm cho Chi bộ hoạt động đúng nguyên tắc Đảng, nền nếp và hiệu quả. Trong nhiệm kỳ không có đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, phân loại đảng viên và tổ chức Đảng năm 2000 có 30/32 đảng viên được phân loại, có 21 đảng viên phát huy toàn diện đạt 70% loại 1, còn lại đủ tư cách, có 5/7 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ cũng nhận thấy trong lãnh đạo, chỉ đạo còn bộc lộ nhiều yếu kém sau:

Về lãnh đạo phát triển kinh tế: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi còn lúng túng, chưa có những biện pháp tích cực để tác động có hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội của xã. Công tác quản lý đất đai chưa chặt chẽ, có mặt còn buông lỏng. Văn hóa - xã hội, một số lĩnh vực còn hạn chế, quốc phòng - an ninh, xây dựng lực lượng dân quân tại chỗ tuy đảm bảo về số lượng nhưng chất lượng không cao, an ninh trật tự, tình hình vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng. Nhận thức của cấp ủy, UBND còn đơn giản trong giải quyết những vấn đề

liên quan đến lĩnh vực tôn giáo. Công tác quản lý, điều hành của UBND xã thiếu sự đồng bộ, còn chông chéo, các tổ chức đoàn thể khả năng tập hợp quần chúng thấp. Một số cán bộ, đảng viên và các Chi bộ chưa phát huy hết vai trò, làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình, phương pháp lãnh đạo còn nhiều lúng túng.

Đảng bộ xã Ka Đô lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo:

* ***Giai đoạn 2000 - 2005:*** Bước vào thiên niên kỷ mới để phát huy những thành tích đạt được; khắc phục những hạn chế yếu kém đưa xã Ka Đô vững bước tiến lên giành nhiều thắng lợi mới. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ xã đã tiến hành Đại hội lần thứ VII nhiệm kỳ 2000 - 2005. Đại hội đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1996 - 2000, đề ra phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 09 đồng chí, đồng chí Dương Văn Sự giữ chức vụ Bí thư Đảng bộ xã, đồng chí Lê Minh Tâm giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã.

Đại hội đã xác định một số mục tiêu chủ yếu đến năm 2005:

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ xã Ka đô đã đạt được những kết quả sau:

Trên lĩnh vực kinh tế, tập trung những chủ trương và giải pháp để phát triển kinh tế nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa công nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển ngành nghề thương mại dịch vụ. Một số cây trồng chủ yếu tăng rõ rệt như cây rau thương phẩm, tăng bình quân 2.000 tấn/năm, tổng sản lượng lương thực đạt 2.659 tấn. Trong chăn nuôi, đàn gia súc gia cầm phát triển mạnh, nhất là cải tạo và phát triển các giống nuôi có hiệu quả về mặt kinh tế đưa vào sản xuất đại trà như giống heo siêu nạc, bò lai sin, gà trống, gà thịt.

Thu nhập bình quân từ 2,398 triệu/người/năm (năm 2000) tăng lên 4,566 triệu/người/năm tăng bình quân 18%/năm/người.

Làm tốt công tác giao khoán bảo vệ rừng, hạn chế được tình trạng chặt phá rừng, đốt rừng làm rẫy và cháy rừng. Công tác quản lý đất đai từng bước được rà soát, điều chỉnh và đi vào quản lý chặt chẽ hơn. Vận động nhân dân đóng góp nâng cấp, tu sửa đường giao thông nông thôn. Công tác thu chi ngân sách cơ bản đảm bảo các nguyên tắc tài chính theo quy định, tỷ lệ thu ngân sách so với năm 2000 tăng 16,5%.

Về công nghiệp, trên địa bàn xã, Cụm công nghiệp Ka Đô được thành lập vào năm 2003, do UBND huyện làm chủ đầu tư. Đây là Cụm công nghiệp của huyện được xây dựng tại Nam Hiệp, xã Ka Đô là điều kiện tốt, làm đà để Ka Đô phát triển. Về triển khai đầu tư hạ tầng, Cụm công nghiệp Ka Đô được phê duyệt quy hoạch chi tiết, cấp giấy chứng nhận đầu tư hạ tầng. Cụm có 3 doanh nghiệp

đang hoạt động, Công ty TNHH Thụy Hồng, diện tích 5,2ha; Công ty Kiến Quốc, diện tích 2,76ha; Công ty Asuzac, diện tích 1,7ha; Cụm công nghiệp đã tạo được việc làm cho khoảng trên dưới 300 công nhân. Sự phát triển của Cụm công nghiệp đã góp phần thu hút được một lượng vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp, công nghiệp, nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu; giải quyết việc làm và tăng nguồn thu ngân sách địa phương, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn phát triển đô thị (đồng thời thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực khác phát triển). Hiện nay còn nhiều vướng mắc, khó khăn trong việc tiếp tục thu hút các nhà đầu tư vào lấp đầy Cụm công nghiệp.



*Công ty Kiến Quốc, Công ty TNHH Thụy Hồng,
Công ty Asuzac - Cụm Công nghiệp Ka Đô*

Tăng cường phát triển thương mại - dịch vụ, tổ chức vận động bà con tiểu thương đóng góp xây dựng chợ (C) với 98 quầy sạp phục vụ nhân dân. Đi đôi với phát triển kinh tế, Đảng ủy cũng luôn chú trọng đến giải quyết vấn đề xã hội, nhất là tập trung giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đã từng bước cấp đất cho các hộ thiếu đất sản xuất, nhất là những hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Cùng với nguồn vốn của Nhà nước và vận động nhân dân hỗ trợ giúp đỡ cho đối tượng nghèo, trong 5 năm đã xây dựng 5 nhà tình thương, xóa 26 nhà tạm bợ dột nát, xây dựng 01 nhà tình nghĩa, các đối tượng chính sách được quan tâm chăm sóc, đời sống ổn định có thu nhập bằng mức trung bình ở khu dân cư, không có hộ đói. Tỷ lệ hộ nghèo 2% so với năm 2000, không còn hộ đói.

Lĩnh vực giáo dục: Trường lớp được xây dựng kiên cố hóa đáp ứng được dạy và học, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi 6 đến 14 tuổi đạt trên 95%. Kết quả thi chuyển lớp, chuyển cấp đạt trên 97%. Công tác y tế, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Trạm xá xã từ yếu kém đã vươn lên và được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình được tiến hành thường xuyên, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm xuống 1,5%

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không có vụ việc phức tạp xảy ra. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng dân quân và lực lượng nông cốt làm công tác bảo vệ an ninh trật tự đủ số lượng và chất lượng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra. Công tác gọi công dân nhập ngũ hàng năm được tổ chức chặt chẽ, cơ bản thực hiện đạt chỉ tiêu giao quân, không có tình trạng trốn tránh. Trong những năm qua, hai lực lượng công an và quân sự luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2003, tách thôn Ka Đô mới thành hai thôn Ka Đô mới 1 và Ka Đô mới 2.

Hệ thống chính trị trong xã ngày càng được củng cố, kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Đảng bộ tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; thường xuyên tổ chức triển khai nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là các nghị quyết của Huyện ủy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ đó ý thức trách nhiệm được nâng cao, lòng tin vào sự nghiệp đổi mới được củng cố. Công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng được quan tâm, đã xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ cho những năm tới, từng bước tổ chức gửi đào tạo các chức danh để chuẩn hóa theo quy định. Trong 5 năm qua, Đảng ủy xã đã cử đi bồi dưỡng các lớp cho 84 lượt cán bộ thôn, xã, đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho 07 đồng chí, đào tạo trung cấp chuyên môn cho 06 đồng chí; nhìn chung cán bộ được đào tạo phát huy được năng lực, không có trường hợp nào đào tạo mà không bố trí công tác.

Đảng ủy lãnh đạo tốt việc bầu cử HĐND 3 cấp và bầu trưởng thôn nên bộ máy chính quyền được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả.

Về HĐND và UBND, từng bước được kiện toàn, nâng cao được chất lượng hoạt động. Hoạt động của UBND từng bước đi vào nền nếp, cán bộ công chức xã có tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân, không có hành vi tham ô, tham nhũng, sách nhiễu, ức hiếp quần chúng, kịp thời giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân đúng pháp luật, triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Chất lượng hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND ngày càng tốt hơn nhất là chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri và ra Nghị quyết phù hợp với tâm tư nguyện vọng của nhân dân và sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, công tác giám sát từng bước được thực hiện chặt chẽ.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã có nhiều cố gắng; tổ chức nhiều phong trào gắn liền với nhiệm vụ địa phương và quyền lợi thiết thực của quần chúng, công tác tổ chức từng bước được kiện toàn, củng cố, đã tổ chức tập hợp phát triển đoàn hộ, đội viên.

*** Giai đoạn 2005 - 2010**

Ngày 18/05/2005 Đại hội đảng viên Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ IX nhiệm kỳ 2005 - 2010 được tiến hành. Dự Đại hội có 37/42 đảng viên, Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 09 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí, đồng chí Dương Văn Sự tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, đồng chí Huỳnh Văn Trung giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã. Đại hội nhất trí cao với những chỉ tiêu về nhiệm kỳ như sau:

Mục tiêu đến năm 2010:

- Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 10 đến 12% đến năm 2010; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 7 đến 8 triệu/người/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ; giá trị ngành nông - lâm nghiệp tăng hàng năm 5 - 7%, ngành dịch vụ thương mại tăng hàng năm 20 - 25%.

- Thu ngân sách Nhà nước tăng hàng năm từ 4 - 5% so với GDP.

- Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,4%.

- Hạ tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20%.

- 9/9 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa.

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%.

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và quốc phòng.

- Phấn đấu đạt và giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, không có Chi bộ yếu kém.

- Phấn đấu mỗi thôn có 01 Chi bộ Đảng, 80% số trường học có Chi bộ Đảng.

- Phát triển từ 5 - 7 đảng viên, cả nhiệm kỳ đạt 30 đảng viên.

Đại hội phát động thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội X Đảng bộ huyện.

Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 9 năm 2005 Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ IX được tiến hành trọng thể, Đại hội lần này thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, dự thảo văn kiện trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VIII trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Đại hội xác định chủ đề: *“Đoàn kết, kỷ cương, tiếp tục đổi mới, phát huy nội lực và tranh thủ các nguồn lực xây dựng Đơn Dương ngày càng phát triển”*.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đơn Dương lần thứ X, Kết luận hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng (khóa VIII), Nghị quyết số 14-NQ/HU của Huyện ủy Đơn Dương về *“Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội”*, Đảng bộ xã Ka Đô ban hành Nghị quyết về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế - xã hội xã Ka Đô giai đoạn 2006 - 2010. Nhiều chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo hướng tăng tốc, phát triển, đó là:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 17 - 18% (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX đề ra 10 - 12%), thu nhập bình quân đầu người 12 - 13 triệu/người/năm (Nghị quyết 7 - 8 triệu/người/năm).

Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 12 - 15% (Nghị quyết 5 - 7%); thương mại - dịch vụ 27 - 28% (Nghị quyết 20 - 25%).

Tổng thu ngân sách trên địa bàn (2006 - 2010) đạt 7 tỷ đồng.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chỉ tiêu mới đến năm 2010 còn dưới 16%, riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số dưới 30%.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống 1,4%.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống 20%.

Đảng ủy xã xây dựng nhiều chương trình hành động thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Huyện ủy, chương trình hành động số 04-CTHĐ/ĐU về *“Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010”*; chương trình hành động số 05-CTHĐ/ĐU về định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển lĩnh vực rau, hoa công nghệ cao giai đoạn 2006 - 2010 và xây dựng Báo cáo số 02-BC/ĐU về thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy lần thứ VIII (khóa IX) về tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đã đạt được kết quả sau:

Sản xuất nông nghiệp đạt chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng, phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi. Lúa Đông Xuân hàng năm gieo cấy 70ha so với kế hoạch đạt 140%, năng suất đạt 55 tạ/ha; lúa mùa gieo xạ 250ha/220ha, chủ yếu là giống mới KD18, năng suất 52,5 tạ/ha; bắp diện tích gieo trồng 200/220ha so với kế hoạch 91% (một số diện tích chuyển sang cây rau thương phẩm) chủ yếu sử dụng giống DK888, G49, năng suất 50 tạ/ha, cây rau thương phẩm: mặc dù giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao, giá cả nông sản đầu tư bắp bệnh, có năm xuống rất thấp, nhưng diện tích rau thương phẩm tăng nhanh, bà con nông dân mạnh dạn đầu tư cho sản xuất theo mô hình công nghệ mới như lắp đặt hệ thống tưới tiêu, làm nhà kính, nhà lưới, trải bạt và sử dụng các loại phân thuốc vi sinh là chủ yếu. Đây là bước tiến mới trong nông nghiệp tại địa phương. Diện tích gieo trồng (2009) khoảng 900ha năng suất đạt 305 tạ/ha, sản lượng 27.450 tấn; một số hộ chuyển sang trồng hoa đạt hiệu quả kinh tế cao. Giá trị trên mỗi đơn vị diện tích đạt trên dưới 150 triệu đồng/ha. Về chăn nuôi, bà con nông dân tiếp tục duy trì đàn gia súc, gia cầm; chăn nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản (02ha) còn nhỏ lẻ.



Cây rau thương phẩm ứng dụng công nghệ cao

Sản xuất lâm nghiệp: Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng với diện tích là 2.239,8ha cho 91 hộ; trong đó hộ nhận quản lý bảo vệ 26 hộ với 701,4ha.

Thương mại dịch vụ: Tập trung cho công tác xây dựng chợ Ka Đô, chợ Ka Đô khởi công vào ngày 14/03/2007, khánh thành vào ngày Quốc Khánh năm 2008, bằng nguồn vốn nhân dân đóng góp, tổng kinh phí xây dựng các hạng mục công trình theo dự toán thiết kế là 7.924.967.000đ. Người dân và tiểu thương xã Ka Đô hết sức phấn khởi tự hào. Chợ Ka Đô quy mô lớn nhiều quầy sạp nên thu hút nhiều tiểu thương kinh doanh, mua bán, khai thác nhiều tiềm năng để phát triển các dịch vụ thương mại tại địa phương, tỷ lệ chiếm 27%.



Chợ Ka Đô

Về xây dựng cơ bản: Hoàn thành xây dựng hàng rào và sân UBND xã, đường giao thông xã có 2 huyện lộ 412, 413 đi qua, xã đã tổ chức nạo vét, tu sửa mương thoát nước dọc tuyến đường 412, 413; hầu hết các đường liên thôn, liên xóm trong xã đã được nâng cấp, đổ đá cấp phối, nên việc giao thông đi lại và giao lưu trao đổi hàng hóa được thuận lợi kể cả mùa mưa.



Đường 412 giáp đường 413

Về thủy lợi, hàng năm xã huy động công lao động công ích sửa chữa đào thủy lợi Kazam phục vụ tưới tiêu cho 100ha lúa của bà con dân tộc, xây dựng 02 hồ chứa nước nhỏ do ngân sách Nhà nước hỗ trợ đáp ứng phục vụ tưới tiêu cho một số diện tích của một bộ phận nhỏ dân cư ở đây.

Hệ thống điện, xã đã bàn giao hệ thống lưới điện dân lập cho ngành điện quản lý, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

Hệ thống cấp nước sinh hoạt, hầu hết nước sinh hoạt do nhân dân tự khai thác từ nguồn nước ngầm, nước giếng, thôn Taly xây dựng 01 bể nước công cộng nhỏ, tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh 80%.

Kinh tế phát triển nên nhiều chỉ tiêu cơ bản hoàn thành, tăng trưởng kinh tế đạt trên 15%, thu nhập bình quân đầu người đạt 15 triệu đồng năm 2009 và 18 triệu đồng năm 2010.

Cơ cấu kinh tế của xã, nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 59%, công nghiệp, xây dựng 12% và thương mại - dịch vụ 29%.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, ngành giáo dục từng bước nâng cao giáo dục toàn diện. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt 100%, tỷ lệ duy trì sĩ số cấp Tiểu học và Mầm non đạt 99%. Công tác phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi được giữ vững. Đang duy trì và từng bước nâng cao kết quả phổ cập Trung học cơ sở, công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm triển khai. Thực hiện xã hội hóa, ngành cùng với các cấp chính quyền quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học trong xã, hướng đến sau 2010 nhiều trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

Ngành y tế thường xuyên tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, cán bộ y tế được tăng cường về số lượng và chất lượng. Thực hiện tiêm chủng đầy đủ các loại bệnh cho

trẻ dưới 6 tuổi, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi vùng dân tộc đạt chỉ tiêu đề ra.

Việc thực hiện các chương trình, dự án Chính phủ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt được nhiều kết quả. Thực hiện chương trình 134, 135, 168 đã tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: đường giao thông nông thôn, hỗ trợ làm nhà, xây dựng hệ thống nước sinh hoạt bằng giếng khoan, giếng đào, bể chứa nước, kéo điện 3 pha để phục vụ nhu cầu sản xuất cho bà con, các chính sách hỗ trợ đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, nhất là các chương trình hỗ trợ sản xuất như vay vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chú trọng hỗ trợ việc làm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Tỷ lệ hộ nghèo còn 10,74% so với năm 2009 giảm 3,9%.

Đời sống tinh thần, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân từng bước được đáp ứng, trình độ dân trí ngày càng được nâng lên, nhân dân các dân tộc trong xã có ý thức tôn tạo, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xét công nhận 1.819 hộ đạt 91,1%; 5/5 trường học, 01 trạm y tế và cơ quan xã đạt cơ quan văn hóa, 9/9 thôn đạt thôn văn hóa.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân nên đã hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Về xây dựng hệ thống chính trị, Đảng bộ tập trung công tác giáo dục tư tưởng, chính trị nâng cao nhận thức và tạo sự nhất trí toàn đảng và toàn xã hội về nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Năm 2010 Đảng ủy đã tổ chức Hội thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Hội thi đã thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong xã tích cực hưởng ứng và tham gia.

Trong nhiệm kỳ Đảng ủy đã tập trung chỉ đạo các Chi bộ tiếp tục triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết cấp trên. Các Chi bộ phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quán triệt và triển khai Nghị quyết của Đảng ủy có hiệu quả, duy trì các chế độ sinh hoạt định kỳ, làm tốt công tác quản lý phân công đảng viên trên địa bàn thôn, xóm, công tác tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Công tác phát triển Đảng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng được Đảng bộ tập trung chỉ đạo ngay từ đầu nhiệm kỳ, gắn với việc xóa thôn trắng tổ chức Đảng, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh. Trong 5 năm đã kết nạp được 43 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ từ 43 năm 2005 lên 86 năm 2010; thành

lập 12 Chi bộ trực thuộc Đảng bộ, 7/9 thôn có Chi bộ độc lập, các thôn dân tộc trong xã đều có đảng viên. Hàng năm trung bình có từ 80% đạt trong sạch vững mạnh, đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ đạt 98% trở lên.

Công tác cán bộ được quan tâm từ việc đào tạo, bồi dưỡng đến công tác quy hoạch đánh giá đúng cán bộ.

Công tác xây dựng cơ sở chính quyền vững mạnh thường xuyên được quan tâm củng cố, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ xã đến các thôn.

Hoạt động của HĐND đã có nhiều đổi mới trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát, từ đó chất lượng hoạt động của HĐND xã được nâng lên rõ rệt. Nội dung các kỳ họp đã cụ thể hóa nghị quyết của huyện và Đảng bộ xã, chất lượng trả lời chất vấn được nâng lên, được đại biểu và cử tri đồng tình. Hàng năm HĐND xã đều giám sát toàn diện và theo từng chuyên đề việc thực hiện chủ trương chính sách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên toàn xã.

Công tác điều hành của UBND xã đã có nhiều đổi mới và hiệu quả, các ý kiến, kiến nghị và đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đều được tiếp thu và giải quyết đúng luật định, các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội đều được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu đến các thôn, phát huy và tạo điều kiện cho các thôn chủ động việc thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ. Việc thực hiện quy chế hoạt động của UBND xã cơ bản đáp ứng được nguyên tắc, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể trong quản lý, điều hành nhiệm vụ. Tổ chức bộ máy được quan tâm củng cố, chất lượng của đội ngũ cán bộ xã được nâng lên mọi mặt.

Trong nhiệm kỳ, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã tập trung hướng mạnh về cơ sở gắn với các phong trào thi đua do các cấp hội và huyện phát động, triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận và các đoàn thể. Tăng cường mối quan hệ, tiếp xúc của Mặt trận và đoàn thể với các tầng lớp nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ tạo động lực để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Đảng bộ quan tâm lãnh đạo việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể; mặt khác Mặt trận và các đoàn thể trong xã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn, tự thân vận động; hoạt động khá đồng bộ đạt được nhiều kết quả. Qua kiểm tra và phân tích chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể cấp trên cũng như phân tích đánh giá của Đảng bộ, Mặt trận và đoàn thể hàng năm đều đạt 5/5 tổ chức vững mạnh, không có đoàn thể nào yếu kém.

Sau 5 năm 2005 - 2010, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Đảng bộ đã vượt qua thách thức, khó khăn, phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu vươn lên và đã đạt được những thành quả quan trọng và toàn diện trên các lĩnh vực. Sản xuất có

phát triển, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện đáng kể, quốc phòng an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị được tăng cường góp phần củng cố thêm niềm tin cho nhân dân, đưa Ka Đô từng bước hội nhập vào sự phát triển chung của các địa phương trong huyện. Những thành tựu đạt được của Đảng bộ và nhân dân xã Ka Đô đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đánh giá cao nên năm 2010, Tỉnh đã chọn xã Ka Đô là một trong những xã điểm để tập trung thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh những thành quả đạt được vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế: Kinh tế có phát triển nhưng thiếu bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm, việc phát huy nội lực khai thác tiềm năng thế mạnh của xã còn hạn chế. Sản xuất nông nghiệp phát triển nhưng còn mang tính tự phát, có xu hướng chạy theo cơ chế thị trường. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, chưa quan tâm phát triển đa dạng ngành nghề để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân. Tình trạng vi phạm pháp luật còn xảy ra. Công tác quy hoạch và quản lý đất đai thể hiện sự bất cập. Hiệu lực giải quyết của chính quyền trên một số lĩnh vực đất đai, xây dựng cơ bản, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo hạn chế nhiều mặt, cải cách thủ tục hành chính kết quả đạt được không cao.

Trong công tác xây dựng Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng ủy và một số Chi bộ chưa có nhiều đổi mới, việc thực hiện các quy chế cũng như việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết cấp trên bị động, lúng túng. Công tác kiểm tra, giám sát thiếu chủ động. Công tác dân vận chưa đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình hiện nay đặc biệt là những vấn đề mới phát sinh. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thiếu tính đa dạng, phong phú, phong trào quần chúng chưa sâu rộng và vững chắc.

Những khuyết điểm, hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu về khách quan, do hoạt động từ mặt trái của cơ chế thị trường cùng với âm mưu thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta, cùng với những năm gần đây kinh tế trong nước suy giảm, lạm phát tăng cao, diễn biến thời tiết thất thường, nắng hạn, mưa bão, dịch bệnh liên tục xảy ra... đã tác động đến tư tưởng, tâm lý, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân, ảnh hưởng đến đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đến hoạt động của hệ thống chính trị. Về chủ quan: Việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng còn hạn chế, chưa kịp thời. Hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thấp, công tác xây dựng bộ máy, tổ chức cán bộ của Đảng ủy còn bị động, lúng túng; trình độ năng lực đội ngũ cán bộ không đều, hạn chế nhiều mặt. Ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật, pháp luật của một số đảng viên không nghiêm, tinh thần đấu tranh phê và tự phê bình trong nội bộ còn né tránh, thụ động.

*** Đại hội Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ X và những định hướng đến năm 2015**

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Kế hoạch số 49-KH/HU ngày 10/11/2009 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Đại hội Đảng bộ cấp huyện và cơ sở.

Ngày 28/05/2010 Đại hội đảng viên Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ X nhiệm kỳ 2010 - 2015 được tiến hành. Dự Đại hội có 87/91 đảng viên được triệu tập. Đại hội thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Dự thảo văn kiện trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X. Đồng thời, Đại hội tập trung trí tuệ phát huy dân chủ để thảo luận và tham gia góp ý vào dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành Đảng bộ xã trình Đại hội Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ X (nhiệm kỳ 2010 - 2015).



Ảnh đại hội X đảng bộ xã Ka Đô

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ IX. Đại hội xác định phương hướng phát triển 5 năm 2010 - 2015:

Phát huy mọi nguồn lực, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng và phát triển hiệu quả kinh tế bền vững.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ xã hội, quan tâm đúng mức đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, từng bước giảm chênh lệch giàu nghèo.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng giáo dục đào tạo, sử dụng hợp lý có hiệu quả nguồn lao động. Phát triển nhà văn hóa cộng đồng, xây dựng cán bộ cơ sở đủ khả năng, uy tín tập hợp quần chúng nhân dân.

Phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đồng thời tiếp tục triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Cùng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm cho nhiệm vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Đại hội thông qua những mục tiêu chủ yếu đến năm 2015:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2010 - 2015 đạt trên 15%, đến năm 2015 đạt trên 35 triệu/người/năm. Tăng trưởng GDP ngành Nông - Lâm nghiệp đạt 8-9% hàng năm. Đến năm 2015 tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp chiếm 50%, dịch vụ - thương mại 30%, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 20%. Thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Đến năm 2015 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,3%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 15%. Nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục THCS, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Phân đầu xây dựng mỗi cấp học có 01 trường, tương đương 60%/tổng số trường đạt chuẩn quốc gia, chuẩn bị các điều kiện cho công tác phổ cập Trung học phổ thông. Phân đầu 9/9 thôn đạt chuẩn văn hóa, có trên 80% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, 100% cơ quan, đơn vị đạt cơ quan văn hóa. Đến năm 2015 phân đầu các thôn đều có hội trường thôn (nhà sinh hoạt cộng đồng). Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 4%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc dưới 8%.

Phân đầu trong nhiệm kỳ phát triển trên 70 đảng viên, 30% cán bộ thôn xóm là đảng viên. Phân đầu hàng năm có 80% Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ. Phân đầu Đảng bộ hàng năm đạt trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa X, nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 15 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 05 đồng chí, đồng chí Huỳnh Văn Trung được bầu làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Khánh Chính, Nguyễn Thanh Tuấn được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy.

Đại hội Đảng bộ xã Ka Đô lần thứ X là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng khẳng định sự đoàn kết, thống nhất ý chí trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; nêu cao quyết tâm *“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới toàn diện, phát huy mọi nguồn lực, xây dựng thành công xã Nông thôn mới”*.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 1960 - 2010 là chặng đường đấu tranh cách mạng đầy gian khổ và kiên cường của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Ka Đô.

Vùng đất Ka Đô từ vùng đất rừng; nguyên sinh hoang vu xen lẫn những vùng sinh lầy, lạch nước... Với vị trí thuận cư, thuận sinh cho các tộc người, vùng miền, đất nước tụ hội từ trong sự biến động của lịch sử, con người ở đây đã vượt qua muôn vàn khó khăn khai phá để thành vùng đất mới; xóm làng, cư dân ngày một phát triển hòa cùng dòng chảy của lịch sử dân tộc.

Sự quần tụ của dân cư bản địa cùng với dân cư các vùng miền, đặc biệt các tỉnh miền Trung gian lao, anh dũng, kiên cường đã tạo nên sức sống mới cho Ka Đô. Các thế hệ nối tiếp bằng trí thông minh, sáng tạo; đức tính cần cù chịu thương chịu khó, cùng với tinh đoàn kết các dân tộc, tôn giáo vượt lên mọi khó khăn gian khổ sống thích nghi với điều kiện, hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt cũng như đấu tranh chống lại nhân tai, cường quyền làm cho con người nơi đây cố kết, đồng sức đồng lòng vượt qua đói nghèo, lạc hậu để xây dựng và bảo vệ cuộc sống.

Những năm tháng dưới chế độ thực dân đế quốc, nhân dân sống dưới ách áp bức bóc lột, tăm tối, cuộc sống nghèo nàn khổ cực, đói cơm, lạt muối, bị bắt bớ, tù đầy, người dân đoàn kết đấu tranh bảo vệ cán bộ, bảo vệ đội công tác. Cán bộ tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng đi theo cách mạng, xây dựng cơ sở lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, làm tròn nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ quê hương Ka Đô, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu chi viện sức người, sức của cho chiến trường đầy gian khổ, hy sinh và mất mát, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng Đơn Dương, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Sau năm 1975, chiến tranh chấm dứt, đất nước thống nhất, nhân dân Ka Đô cùng với nhân dân cả nước chưa kịp hưởng niềm vui trọn vẹn đã đứng trước những khó khăn mới. Hậu quả của chiến tranh kéo dài, thiên tai mất mùa liên tiếp diễn ra; tác động của chiến tranh biên giới, âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta, cùng với việc duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, làm cho nền kinh tế - xã hội của cả nước và địa phương rơi vào tình trạng khủng hoảng, kém phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý, điều hành của Nhà nước giảm sút. Tuy nhiên, với tính năng động, đột phá trong cách nghĩ, cách làm của nhân dân, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chống Mỹ cứu nước lại được tiếp tục phát huy trong lao động sản xuất, nhất là ở một vùng đất sản xuất nông nghiệp vẫn là nghề chính, người dân ngoài sản xuất lương thực để đảm bảo cái ăn và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, còn mạnh dạn đưa một số cây trồng mới vào canh tác, đó là cây thuốc lá, cây mía, cây dâu tằm và đậu đen xuất khẩu. Các loại cây trồng này gần như quyết định đến đời

sống và làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Người dân ở đây tự hào "nếu không có cây thuốc lá thì Ka Đô không có sự thay đổi về cuộc sống, nếu như không có cây mía thì Ka Đô luôn sống trong tối (vì không có điện), nếu như không có dâu tằm thì Ka Đô không khá,..." và đây là cơ cấu kinh tế làm cho Ka Đô và Quảng Lập khác biệt với những vùng kinh tế khác không những trong huyện mà là trong cả tỉnh cũng như cả nước. Từ đó, Đảng bộ đã lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để Ka Đô nhanh chóng vượt qua khó khăn thách thức, ổn định đời sống nhân dân, phát triển toàn diện.

Sau những năm thực hiện đường lối đổi mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Ka Đô thực sự đổi mới nhanh chóng và toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Lĩnh vực kinh tế - xã hội, Đảng bộ nhận thức rõ phát triển kinh tế là trọng tâm; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng công nghệ cao đã làm cho nền sản xuất và hiệu quả kinh tế đạt mức tăng trưởng khá góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kinh tế phát triển, nhân dân đoàn kết, Đảng bộ đã huy động tốt các nguồn lực xã hội và ngoại lực để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội làm cho nông thôn khởi sắc theo xu hướng xã hội hóa.

Niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự quản lý điều hành của Nhà nước, vào công cuộc đổi mới, vào tiền đồ xán lạn của dân tộc được nâng lên. Đảng bộ, nhân dân quyết tâm đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, xây dựng Ka Đô nói riêng và đất nước nói chung ngày càng phát triển, hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quá trình hình thành và phát triển của xã Ka Đô là niềm tự hào của cán bộ và nhân trong xã nói riêng và của huyện nhà nói chung, là động lực cổ vũ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã phấn đấu xây dựng xã phát triển về kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng an ninh; hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, xây dựng xã đạt các tiêu chí Nông thôn mới để mãi mãi xứng đáng với truyền thống Ka Đô anh dũng, kiên cường.

Đảng bộ xã đã rút ra bài học kinh nghiệm để quán triệt trong cán bộ đảng viên và nhân dân trong xã nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trong thời gian tới:

Một là, Phát huy tinh thần yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết, chung tay xây dựng quê hương Ka Đô ngày càng giàu đẹp. Quá trình định cư, lập nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đã hình thành một cộng đồng các dân tộc, mỗi dân tộc có bản sắc riêng nhưng có mối quan hệ bền chặt, gắn bó nhau. Nhân dân các dân tộc trên địa bàn từ các làng quê cách mạng khắp nơi tụ hội lại có truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường, và được phát huy bởi đường lối cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng. Đó chính là cơ sở để gắn kết các dân tộc trong cộng đồng cùng đấu tranh để sinh tồn và phát triển. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Ka Đô đấu tranh chống dồn dân, lập ấp chiến lược, vũ

trang đánh địch làm nên một Xuân Mậu Thân 1968, thành lập chính quyền cách mạng, giữ chính quyền cách mạng lâu nhất trên địa bàn toàn Tỉnh trấn áp bọn tề nguỵ, ổn định sản xuất, đời sống, giác ngộ quần chúng đi theo Đảng đóng góp sức người, sức của góp phần giải phóng quê hương Đơn Dương. Ngày nay trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tinh thần đó tiếp tục phát huy, nâng về chất, làm cho Ka Đô thực sự khởi sắc và mang diện mạo khá đặc trưng ban đầu của một vùng nông thôn mới, phát triển khá toàn diện.

Hai là, phát huy nguồn lực và sức mạnh của nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng.

Nguồn lực và sức mạnh của nhân dân là vô cùng to lớn. Nguồn lực và sức mạnh của nhân dân được phát huy trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng quê hương và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ka Đô là xã nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành nghề truyền thống. Dưới chế độ mới, tiềm năng lao động, đất đai được giải phóng, nội lực được khơi dậy, đồng thời xã tranh thủ sự giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; cơ cấu kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Nhân dân các dân tộc Ka Đô dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền xã bằng bàn tay lao động và trí tuệ của mình, can củ chịu khó, lao động sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn thách thức để xây dựng cuộc sống mới theo mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Ba là, trong phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị phải chú trọng chăm lo các vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Là một xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, mỗi dân tộc có trình độ phát triển, phong tục tập quán, văn hóa khác nhau. Ka Đô thực hiện có hiệu quả công tác định canh, định cư, chăm lo phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quá trình đó gắn liền với đấu tranh với các âm mưu thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch chống phá cách mạng. Đảng và cả hệ thống chính trị chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo xây dựng cơ sở, xây dựng thực lực cách mạng ở các thôn ấp đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó không ngừng xây dựng bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ cơ sở người dân tộc thiểu số.

Bốn là, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu để Đảng bộ thực sự xứng đáng là hạt nhân chính trị, đội tiên phong lãnh đạo các phong trào cách mạng của nhân dân tại địa phương.

Sự phát triển của phong trào cách mạng ở Ka Đô trong hơn 50 năm qua thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong kháng chiến chống Mỹ, nguy nhiệm vụ đấu

tranh chính trị, đấu tranh vũ trang gắn với vai trò của các Đội công tác. Thời kỳ đầu ở vùng đất mới là sự chỉ đạo trực tiếp của cán bộ cách mạng cấp Tỉnh, Huyện. Khi thành lập Đội công tác, mỗi đồng chí đội trưởng kiêm Bí thư Chi bộ tổ chức cơ sở Đảng chỉ đạo phong trào cách mạng từ lúc phôi thai cho đến ngày giải phóng thắng lợi. Khi xã được thành lập, Chi bộ, Đảng bộ xã được hình thành, là điều kiện tiên quyết để lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; tiến hành thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, xây dựng địa phương lớn mạnh theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng bộ luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, chú trọng giáo dục rèn luyện, quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, kịp thời ngăn chặn và kiên quyết đẩy lùi biểu hiện suy thoái trong cán bộ, đảng viên.

Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh phải luôn gắn liền với tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Ban chấp hành Đảng bộ xã thực sự đoàn kết, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo. Đảng bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là trung tâm đoàn kết của các tầng lớp nhân dân địa phương, từ đó khơi dậy các phong trào quần chúng sâu rộng hướng vào giải quyết nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn cách mạng.

*

* *

Cuốn Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Ka Đô (1960 - 2010) đã phản ánh một cách chân thực những chặng đường đầy khó khăn, gian khổ nhưng cũng không ít kiên cường, hào hùng của Chi bộ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã từ 1960 - 2010, qua đó tổng kết sự lãnh đạo của Đảng bộ, thấy được thành quả lớn nhất của từng đảng viên, Chi bộ trước đây và Đảng bộ sau này đã thu được trong quá trình lãnh đạo quân và dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; đấu tranh góp phần mình vào giải phóng Đơn Dương; giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đây là một tài liệu quan trọng góp phần giáo dục truyền thống cho các thế hệ hôm nay và mai sau, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong xã trân trọng giá trị lịch sử, phát huy truyền thống cách mạng, hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập và công tác vượt qua khó khăn, thử thách thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong sự nghiệp đổi mới. Tiếp tục thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên địa bàn xã, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng xã Ka Đô xã Nông thôn mới văn minh, hiện đại.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH SÁCH BÍ THƯ, CẤP ỦY, BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ KA ĐÔ QUA CÁC NHIỆM KỲ (GIAI ĐOẠN) 1960 - 2010

Giai đoạn 1976

1. Đồng chí Nguyễn Quang Đồi - Bí thư

Giai đoạn 1977

1. Đồng chí Đặng Phước Thiệp - Bí thư

Giai đoạn 1978

1. Đồng chí Dương Cát - Bí thư

Giai đoạn 1979 - 1980

Đại hội Chi bộ lần thứ I

1. Đồng chí Hoàng Xuân Diệu - Bí thư
2. Đồng chí Lê Đình Mai - Phó Bí thư
3. Đồng chí Trần Ruộng

Giai đoạn 1980 - 1982

1. Đồng chí Lê Đình Mai - Quyền Bí thư

Giai đoạn 1982 - 1984

1. Đồng chí Nguyễn Đức Bình - Bí thư
2. Đồng chí Lê Văn Hộ - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã.

Giai đoạn 1984 - 1985

1. Đồng chí Dương Cát - Bí thư

CẤP ỦY NHIỆM KỲ 1985 - 1989

1. Đồng chí Lê Văn Hộ - Bí thư
2. Đồng chí Dương Cát
3. Đồng chí Thiều Văn Còn

CẤP ỦY NHIỆM KỲ 1989 - 1992

1. Đồng chí Lê Văn Hộ - Bí thư
2. Đồng chí Trần Xuân Tám
3. Đồng chí Ya Ta

CẤP ỦY NHIỆM KỲ 1992 - 1996

1. Đồng chí Dương Hùng Bảo - Bí thư
2. Đồng chí Lê Văn Hộ
3. Đồng chí Trần Xuân Tám
4. Đồng chí Ya Ta

BAN CHẤP HÀNH CHI BỘ XÃ KA ĐÔ NHIỆM KỲ VI (1996 - 1998)

1. Đồng chí Dương Văn SỰ - Bí thư
2. Đồng chí Touprong Dzong
3. Đồng chí Lê Văn Hộ
4. Đồng chí Huỳnh Văn Trung
5. Đồng chí Lê Thị Bích Thủy

BAN CHẤP HÀNH CHI BỘ XÃ KA ĐÔ NHIỆM KỲ VII (1998 - 2000)

1. Đồng chí Dương Văn SỰ - Bí thư
2. Đồng chí Touprong Dzong
3. Đồng chí Lê Văn Hộ
4. Đồng chí Huỳnh Văn Trung
5. Đồng chí Lê Thị Bích Thủy

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ KA ĐÔ LẦN VIII (Nhiệm kỳ 2000 - 2005)

1. Đồng chí Dương Văn SỰ - Bí thư
2. Đồng chí Trần Văn Lợi
3. Đồng chí Ya Phước
4. Đồng chí Nguyễn Khánh Chính
5. Đồng chí Lê Minh Tâm
6. Đồng chí Huỳnh Văn Trung
7. Đồng chí Lê Văn Thanh

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ KA ĐÔ LẦN THỨ IX
(Nhiệm kỳ 2005 - 2010)**

1. Đồng chí Dương Văn Sự - Bí thư
2. Đồng chí Huỳnh Văn Trung - Phó Bí thư
3. Đồng chí Nguyễn Khánh Chính
4. Đồng chí Trương Quang Thủy
5. Đồng chí Trần Ngọc Anh
6. Đồng chí K'Long Ba
7. Đồng chí Nguyễn Thanh Tuấn
8. Đồng chí Lê Minh Tâm
9. Đồng chí Lữ Thị Thương

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KA ĐÔ LẦN THỨ X
(Nhiệm kỳ 2010 - 2015)**

1. Đồng chí Huỳnh Văn Trung - Bí thư
2. Đồng chí Nguyễn Khánh Chính - Phó Bí thư
3. Đồng chí Nguyễn Thanh Tuấn - Phó Bí thư
4. Đồng chí Lê Minh Tâm - UVBTV
5. Đồng chí Phạm Hồng Châu - UVBTV
6. Đồng chí K'Long Ba
7. Đồng chí Lê Văn Thanh
8. Đồng chí Nguyễn Văn Bảo
9. Đồng chí Trịnh Lý
10. Đồng chí Khúc Thừa Vinh
11. Đồng chí Đoàn Hữu Nghĩa
12. Đồng chí Lê Thị Bích Thủy
13. Đồng chí Nguyễn Thị Lộc
14. Đồng chí Lê Văn Chấn
15. Đồng chí Ya Min

DANH SÁCH
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KA ĐÔ
QUA CÁC THỜI KỲ (1976 - 2010)

Từ 6/1976 - 10/1977

Đồng chí Huỳnh Hoa

Từ 11/1977 - 12/1978

Đồng chí Lê Văn Dày

Từ 01/1979 - 1982

Đồng chí Trần Nhượng

Từ 1982 - 1984

Đồng chí Lê Văn Hộ

Từ 1985 - 1989

Đồng chí Trần Văn Thiên

Từ 1989 - 1999

Đồng chí Touprong Dzung

Từ 1999 - 2004

Đồng chí Lê Minh Tâm

Từ 2004 - 2010

Đồng chí Huỳnh Văn Trung

Từ 2010 - 2016

Đồng chí Nguyễn Khánh Chính

HÌNH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ XÃ KA ĐÔ

Từ khi mới thành lập Chi bộ đến Đại hội khóa X



Đồng chí NGUYỄN QUANG ĐÔI
Bí thư Chi bộ
(1976)



Đồng chí ĐẶNG PHƯỚC THIỆP
Bí thư Chi bộ
(1977)



Đồng chí DƯƠNG CÁT
Bí thư Chi bộ
(1978; 1984 - 1985)



Đồng chí HOÀNG XUÂN DIỆU
Bí thư Chi bộ
(1979 - 1980)



Đồng chí LÊ ĐÌNH MAI
Quyền Bí thư Chi bộ
(1980 - 1982)



Đồng chí NGUYỄN ĐỨC BÌNH
Bí thư Chi bộ
(1982 - 1984)



Đồng chí LÊ VĂN HỘ
Bí thư Chi bộ
(1985 - 1992)



Đồng chí DƯƠNG HÙNG BẢO
Bí thư Chi bộ
(1992 - 1996)



Đồng chí DƯƠNG VĂN SỰ
Bí thư Chi bộ, Đảng bộ
(1996 - 2010)



Đồng chí HUỖNH VĂN TRUNG
Bí thư Đảng bộ
(2010 - 2015)

HÌNH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ KA ĐÔ

Từ 1976 - 2010



Đồng chí HUỖNH HOA
(6/1976 - 10/1978)



Đồng chí LÊ VĂN DÀY
(11/1977 - 12/1978)



Đồng chí TRẦN NHƯỢNG
(01/1979 - 1982)



Đồng chí LÊ VĂN HỘ
(1982 - 1984)



Đồng chí TRẦN VĂN THIÊN
(1985 - 1989)



Đồng chí TOUPRONG DZUNG
(1989 - 1999)



Đồng chí LÊ MINH TÂM
(1999 - 2004)



Đồng chí HUỖNH VĂN TRUNG
(2004 - 2010)



Đồng chí NGUYỄN KHÁNH CHỈNH
(2010 - 2016)

DANH SÁCH
Các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng

1. Hồ Thị Đại
2. Trần Thị Cao
3. Võ Thị Khuyển
4. Nguyễn Thị Thanh
5. Võ Thị Nhâm

DANH SÁCH LIỆT SỸ

1. Nguyễn Văn Cư
2. Cho Gun Hà Lâm
3. Pa Lác Ya Đức
4. Trần Văn Nhu
5. Trần Sang
6. Nguyễn Chùm
7. Trương Văn Chưa
8. Phạm Danh Thừa
9. Nguyễn Quyến
10. Trương Lương
11. Dương Minh
12. Nguyễn Cửu
13. Trần Văn An
14. Lê Văn Đại
15. Lê Bá Nhân
16. Trần Lương
17. Nguyễn Văn Học
18. Lê Giáo
19. Phạm Thuần
20. Dương Văn Hồi
21. Võ Văn Lượm
22. Trần Văn Thành
23. Trần Trung Sơn (Danh)
24. Nguyễn Bình
25. Nguyễn Văn Lộc
26. Nguyễn Vũ Đức
27. Nguyễn Lương
28. Nguyễn Lùng
29. Trần Xuyên
30. Võ Đức Thọ
31. Ya Tiên
32. Trần Thanh Kha

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG

1. Huy chương:

- Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất: 02 đồng chí.
- Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất: 16 đồng chí.
- Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì: 08 đồng chí.

2. Huân chương:

- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất: 09 đồng chí.
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì: 10 đồng chí.
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba: 33 đồng chí.

3. Bằng khen:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 11.
- Bằng khen của UBND Tỉnh: 4.

4. Giấy khen:

a. Tập thể:

- Bộ Công an tặng giấy khen cho cán bộ nhân dân đã có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2014.
- Ban Chấp hành Hội LHPN Việt Nam tặng Bằng khen cho Hội LHPN xã đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác Hội
- Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đoàn vững mạnh toàn diện hai năm 1993 - 1994.
- Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi Tỉnh Lâm Đồng năm 2011 - 2012.

b. Cá nhân:

- Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho ông Touprong Dzong, Bí thư Chi bộ thôn Ka Đô cũ - xã Ka Đô đã có thành tích thực hiện chính sách dân tộc từ năm 2009 - 2014 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Bộ quốc phòng tặng bằng khen cho ông Touprong Dzong, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “tuổi cao, gương sáng” góp phần vào sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

- Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng Bằng khen cho bà Nguyễn Thị Sinh đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân năm 2013

Ngoài ra, một số tập thể và cá nhân của Đảng bộ xã Ka Đô trong thời gian qua đã nhận được nhiều Bằng khen của UBND tỉnh Lâm Đồng; Ban Chấp hành các đoàn thể tỉnh.

NHẬN HUY HIỆU ĐẢNG

Đến năm 2010 Đảng bộ xã Ka Đô có 11 đồng chí được trao Huy hiệu Đảng.
Trong đó:

- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng: 8 đồng chí.
- Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng: 3 đồng chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sơ thảo truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đơn Dương (1930 - 1975).
2. Lịch sử Đảng bộ huyện Đơn Dương (1975 - 2005).
3. Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đơn Dương (1945 - 2010).
4. Tài liệu tại kho lưu trữ Huyện ủy.
5. Có sử dụng tư liệu và hình ảnh trong tập kỷ yếu *“Ka Đô 50 năm hình thành và phát triển (1960 - 2010)”* - Chủ biên: Thầy Phạm Văn Sao.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
CHƯƠNG I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, xã hội và truyền thống của xã Ka Đô	5
1. Điều kiện tự nhiên:	5
2. Nguồn gốc dân cư:	8
3. Văn hóa - xã hội và truyền thống của xã:.....	9
CHƯƠNG II: Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân, dân xã Ka Đô trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1960 – 1975)	11
1. Ổn định cuộc sống, phát triển cơ sở cách mạng, chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch.	11
2. Đấu tranh chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, nắm vững thời cơ tiến lên giải phóng toàn huyện Đơn Dương:.....	22
3. Chống địch lấn chiếm, chuẩn bị lực lượng, đón thời cơ giải phóng Ka Đô, giải phóng Đơn Dương:	27
CHƯƠNG III: Ka Đô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (04/1975 - 12/2010)	33
1. Thiết lập, xây dựng chính quyền cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, khôi phục sản xuất ổn định đời sống nhân dân (04/1975 - 12/1986).....	33
2. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã vượt qua khó khăn, thử thách thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (Tháng 12/1986 - 1995):	41
3. Thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2010):.....	51
KẾT LUẬN	69
PHẦN PHỤ LỤC	73
• Danh sách Bí thư, cấp ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ka Đô qua các nhiệm kỳ (giai đoạn) 1960 - 2010.	
• Danh sách Chủ tịch UBND xã Ka Đô qua các thời kỳ (1976 - 2010).	
• Hình các đồng chí Bí thư xã Ka Đô từ khi mới thành lập Chi bộ đến Đại hội khóa X.	
• Hình các đồng chí Chủ tịch xã Ka Đô từ 1976 - 2010.	
• Danh sách các Bà Mẹ Việt nam Anh hùng, Danh sách liệt sỹ.	
• Thành tích khen thưởng.	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

Chỉ đạo biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản
HUỖNH VĂN TRUNG

Biên soạn
NGUYỄN THUẬT

Ban Chỉ đạo nội dung và biên tập
LƯU TẤN HUỆ
TRẦN XUÂN HỒNG
LÊ HỮU TÚC
PHAN THỊ HOÀI THANH
ĐẢNG ỦY XÃ KA ĐỒ

Trình bày bìa và sửa bản in
ĐẢNG ỦY XÃ KA ĐỒ